DANH MỤC THUỐC THÚ Y, VẮC XIN, CHẾ PHẨM SINH HỌC, VI SINH VẬT, HÓA CHẤT DÙNG TRONG THÚ Y ĐƯỢC GIA HẠN LƯU HÀNH TẠI VIỆT NAM ĐẾN 31/12/2012

(Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2011/TT-BNNPTNT, ngày 30 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT)

(Tiếp theo Công báo số 115 + 116)

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

23. Công ty TNHH một thành viên thuốc thú y Trung ương (NAVETCO)

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Navet-Tetrasone	Gentamycin Oxytetracyclin	Ống Chai	5ml 20ml, 50ml, 100ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa	TWII-19
2	Sulmet 20%	Sulfadimidin	Ống. Chai	5, 20, 50, 100ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa	TWII-20
3	Septotrim 24%	Sulfamethoxazole Trimethoprim	Chai	20ml, 50ml, 100ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa	TWII-21
4	Sulfadiazin 20%	Sulfadiazin	Ống, chai	5, 20, 50, 100ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa	TWII-22
5	Scour-Solution	Neomycin, Streptomycin, Vit B	Chai	100ml	Thuốc chống tiêu chảy	TWII-28
6	Sulfadimidin 33%	Sulfadimidin	Lọ, chai	100ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa	TWII-29
7	Glucoza 5%	Glucose	Chai	500 ml	Phòng, trị mất nước trong, ngoài tế bào	TWII-31
8	Vitaject ADE	Vitamin A, D, E	Lọ, chai	20 ml	Bổ sung Vitamin	TWII-33

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
9	Campovit	Cao gan	Chai, ống	10ml	Bổ sung Vitamin	TWII-34
10	B-Complex	Vitamin nhóm B	Ống, chai	5, 20, 50, 100ml	Thuốc bổ sung Vitamin	TWII-37
11	Levamisol 7,5%	Levamisol	Chai	20ml, 50ml, 100ml	Chống ký sinh trùng (giun)	TWII-39
12	Calci Gluconate	Calci	Ống	5ml	Thuốc bổ sung Calci	TWII-40
13	Vitamin B_1 2,5%	Vitamin B_1	Ống	5 ml	Bổ sung Vitamin	TWII-41
14	Vitamin C 5%	Vitamin C	Ống	5 ml	Bổ sung Vitamin	TW2-42
15	Analgin 20%	Analgin	Chai, ống	20, 50, 100ml, 5ml	Giảm đau	TWII-43
16	Kanamycin 10%	Kanamycin	Ống, chai	5, 20, 50, 100ml	Trị bệnh nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa	TWII-44
17	Gentamycin 4%	Gentamycin	Ống, chai	5,20, 50, 100ml	Trị bệnh nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa	TWII-47
18	Genta-Tylan	Gentamycin, Tylosin	Ống, chai	5, 20, 50, 100ml	Trị bệnh nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa	TWII-48
19	Neo-Kanamycin 10%	Kanamycin, Neomycin	Chai	20, 50, 100ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa	TWII-50
20	Suanovet 5	Spiramycin	Ống, chai	5, 50ml, 100ml	Trị bệnh nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa	TWII-52
21	Trisulfatrim	Sulfamid	Ống, chai	5, 50ml, 100ml	Trị bệnh nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa	TWII-53
22	Suanovet 10	Spiramycin	Chai	50, 100ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa	TWII-56
23	Lincomycin 10%	Lincomycin	Ống, chai	5, 20, 50, 100ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa	TWII-58
24	Lincoseptrim	Lincomycin,Sulfamid	Chai	20, 50, 100ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa	TWII-59

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
25	Norfloxillin	Norfloxacin	Ống, chai	5, 20, 50, 100ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa	TW2-63
26	Trimecol	TMP, Colistin	Chai	20, 50, 100ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa	TWII-82
27	Tiacol	Tiamulin, Bromhexin Colistin	Chai	20, 50, 100ml	Điều trị bệnh nhiễm trùng đường hô hấp	TWII-83
28	Pyrisul	Sulfamid, Pyrimethamine	Chai	200ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa	TWII-91
29	Ivermectin	Ivermectin	Chai	20, 50ml	Điều trị các bệnh ký sinh trùng	TWII-92
30	Dexason	Dexamethason	Ống, chai	5ml, 20, 50ml	Chống viêm	TWII-93
31	Anti-ecto	Amitraz	Chai	120ml	Chống ký sinh trùng	TWII-94
32	Clear Dog	Vitamin	Chai	200ml	Mượt lông	TWII-95
33	Navet- Tylosin 100	Tylosin tartrate	Chai	20; 50; 100; 250ml	Trị bệnh nhiễm trùng trên gia súc	TWII-102
34	Navet- Cox	Toltrazuril	Chai	100; 200ml	Trị bệnh cầu trùng trên heo con	TWII-103
35	Navet- Flor	Florphenicol	Chai, ống	5; 20; 50; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu, sinh dục trên trâu, bò, lợn	TWII-106
36	Navet- Enro 100	Enrofloxacin HCl	Chai	20; 50; 100; 250ml	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu, sinh dục, viêm nhiễm ngoài da, vết thương	TWII-46
37	Navet- Doxy-T	Tylosin tartrate, Doxycyclin, Dexa	Chai	20; 50; 100; 250ml	Trị bệnh tụ huyết trùng, viêm phổi, viêm phế quản, hồng lỵ trên trâu, bò, dê, cừu, heo	TWII-54

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
38	Navet- Cef	Ceftiofur	Chai	100ml	Trị viêm phổi, viêm tử cung, viêm vú, THT, thối móng trên trâu, bò, dê, cừu, heo	TWII-71
39	Navet-Oxytetra 100	Oxytetracycline HCL	Chai	20; 50; 100; 250ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa, sinh dục, tiết niệu trên gia súc	TWII-80
40	Navet- Enro	Enrofloxacin HCL	Chai	200ml	Trị phó thương hàn, phù đầu do E.coli, viêm phổi, viêm dạ dày - ruột trên heo con	TWII-84
41	Navet-Thiasone	Thiamphenicol	Chai	20; 50; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu trên trâu, bò, heo	TWII-87
42	ADE B.Complex	Vitamin A, D_3, E, B_1, B_2, B_6, PP	Chai	20; 50; 100ml	Phòng và trị bệnh do thiếu hụt Vitamin, hồi phục sức khỏe sau điều trị trên trâu, bò, heo, chó, mèo, gia cầm	TWII-107
43	Calcifort-B_{12}	Calci gluconate, Acid boric, Acid glutamic, Magnesi carbonate, Vitamin B_{12}	Ống, Chai	5; 10; 50; 100ml	Phòng và trị bệnh thiếu Calcium và thiếu máu trên trâu, bò, ngựa, heo, dê, cừu, chó, mèo	TWII-108
44	Navet-Analgin C	Analgin, Vitamin C	Chai	20; 50; 100ml	Giảm đau, hạ nhiệt, tăng sức đề kháng	TWII-109
45	Navet-Analgin 30%	Analgin	Chai	20; 50; 100ml	Giảm đau, hạ nhiệt	TWII-110
46	Navet- Tylosin 200	Tylosin tartrate	Chai	10; 20; 50; 100ml	Trị THT, viêm phổi, hồng lỵ, viêm tử cung, viêm vú, viêm khớp trên trâu, bò, heo, dê, cừu	TWII-111

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
47	Navet- Pen-Strep	Dihydrostreptomycin, Penicillin G Procaine	Chai	10; 20; 50; 100ml	Tri nhiễm khuẩn hô hấp, sinh dục - tiết niệu, viêm vú, viêm tử cung, viêm khớp trên trâu, bò, heo, chó, mèo	TWII-112
48	Navet-Oxytetra 200	Oxytetracycline,	Chai	20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng trên gia súc	TWII-113
49	Navet-Marbocin	Marbofloxacin	Chai	10; 20; 50; 100; 500ml	Trị các bệnh viêm phổi, phế quản, viêm vú, tử cung; tiêu chảy do E.coli	TWII-116
50	Navet-Amoxy	Amoxicillin	Chai	10; 20; 50; 100; 500ml	Trị các bệnh viêm, nhiễm trùng cho trâu bò, dê, cừu, lợn như viêm đường hô hấp, tiêu hóa, sinh dục, nhiễm trùng máu	TWII-117
51	Navet-Marbocin 10	Marbofloxacin	Chai	10; 20; 50; 100; 500ml	Trị các bệnh viêm phổi, phế quản, viêm vú, tử cung; tiêu chảy do E.coli	TWII-118
52	Navet-xinil	Nitroxinil	Chai	20; 50; 100ml	Trị sán lá gan, nội ký sinh trùng trên trâu, bò, dê, cừu	TWII-119
53	Navet- Ampicol	Ampicillin trihydrate, Colistin sulfate	Chai	20; 50; 100; 500 ml	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Ampicillin, Colistin trên trâu bò, lợn, dê, cừu	TWII-120
54	Navet-Fer + B_{12}	Iron (sắt), Vitamin B_{12}	Chai	20; 50; 100ml	Phòng và trị bệnh thiếu máu do thiếu sắt trên heo con, bê, nghé	TWII-121
55	Navet-Streptapen	Procain penicillin G, Dihydrostreptomycin sulfate	Chai	20; 50; 100; 500ml	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với penicillin và streptomycin trên gia súc	TWII-122

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
56	Navet-Gentamox	Amoxycillin trihydrate, Gentamicin sulfate	Chai	20; 50; 100ml	Trị viêm phổi, tụ huyết trùng, viêm ruột, viêm da, viêm vú, viêm tử cung, bệnh do vi khuẩn Colibacillus trên trâu, bò, ngựa, heo, dê, cừu	TWII-127
57	Navet-cox 2,5%	Toltrazuril	Chai	100; 200; 500ml; 1 lít	Trị bệnh cầu trùng trên gia cầm	TWII-128
58	Navet-Verxil	Nitroxinil, Ivermectin	Chai	20; 50; 100ml	Trị giun, sán trên trâu, bò, cừu	TWII-129

24. Công ty TNHH một thành viên dược thú y Thuận Kiều

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Vitamin B_{12}	Vitamin B_{12}	Ống	2ml	Trị thiếu máu, bầm huyết, phục hồi sức khỏe	HCM-X1-7
2	Vitamin C 10%	Vitamin C	Ống	5ml	Tăng cường sức đề kháng, phòng chống stress	HCM-X1-8
3	Strychnin	Strychnin sulfate 0,1%	Ống	2ml	Kích thích thèm ăn, trợ lực	HCM-X1-10
4	Vitamin K 0,5%	Vitamin K	Ống Lọ, chai	2ml 10, 20ml; 50, 100ml	Cung cấp Vitamin K ngăn ngừa chống xuất huyết	HCM-X1-11
5	Erythromycin	Erythromycin 10%	Chai	100ml	Phòng, trị nhiễm trùng đường ruột, hô hấp	HCM-X1-16
6	Tiamulin 10%	Tiamulin	Ống, lọ	2, 10, 20, 50, 100ml	Phòng, trị các bệnh nhiễm trùng đường hô hấp	HCM-X1-17
7	Levamysole	Levamysole 10%	Chai	100m	Phòng trị bệnh ký sinh trùng	HCM-X1-18

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
8	B.Complex	Vitamin B_1, B_2, PP, B_6	Ống, lọ chai	2, 10ml 20, 50, 100, 500ml	Phòng trị các chứng thiếu Vitamin, kích thích tăng trọng	HCM-X1-19
9	Veteprednin	Prednisolone	Ống	5ml	Kháng viêm	HCM-X1-20
10	Levamysole 7,5%	Levamysole	Ống, lọ chai	5, 10, 20, 50, 100ml	Phòng trị bệnh ký sinh trùng	HCM-X1-38
11	Analgin	Analgin	Ống, lọ,	2, 10, 20, 50, 100ml	Giảm đau, hạ sốt	HCM-X1-39
12	Strychnin B_1	Strychnine, Vitamin B_1	Ống, lọ	2, 5, 10, 20, 50, 100ml	Trị viêm dây thần kinh, kích thích tiêu hóa	HCM-X1-40
13	VitaminC 1000	Vitamin C	Ống, chai	5, 50, 100ml	Tăng cường sức đề kháng, phòng chống stress	HCM-X1-44
14	Babevita	Vitamin B_1, B_6, B_{12}	Ống, lọ chai	5ml, 10, 20ml 50, 100ml	Cung cấp Vitamin, kích thích tăng trọng	HCM-X1-51
15	Colistin High	Colistin sulfate	Lọ, chai	10, 20; 50, 100ml	Phòng trị các bệnh do trực khuẩn	HCM-X1-52
16	Dexavet	Dexamethasone	Ống, lọ chai	2, 5ml, 10, 20ml 50, 100ml	Trị các chứng viêm sưng, đau nhức	HCM-X1-57
17	Gentamycin	Gentamycin	Ống, lọ chai	2, 5ml, 10, 20ml 50, 100ml	Phòng, trị các bệnh nhiễm trùng đường tiết niệu, đường ruột, hô hấp	HCM-X1-58
18	Linco DC	Lincomycin, Colistin	Ống Lọ, chai	5, 10, 20ml 50, 100ml	Phòng, trị các bệnh đường ruột, hô hấp, viêm xoang, viêm khớp	HCM-X1-61
19	Anavet-C	Analgin, Vitamin C	Ống, lọ Chai	2, 5ml, 10, 20ml 50, 100ml	Giảm đau, hạ sốt	HCM-X1-70
20	Enrovet 5%	Enrofloxacin	Ống, lọ Chai	2, 5ml, 10, 20ml 50, 100ml	Phòng, trị các bệnh nhiễm trùng đường ruột, hô hấp	HCM-X1-71

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
21	Eugeca-C.D	Gentamycin, Colistin, Dexamethasone	Ống, lọ Chai	2, 5ml, 10, 20ml 50, 100ml	Phòng, trị các bệnh nhiễm trùng đường ruột, hô hấp	HCM-X1-72
22	Enrovall-10% Suspension	Enrofloxacin	Chai, lọ	50, 100, 250, 500, 1000ml	Trị các bệnh nhiễm trùng đường ruột, hô hấp	HCM-X1-73
23	Sulfadine-24 Suspension	Sulfadiazine, Trimethoprim	Chai, lọ	50, 100, 250, 500, 1000ml	Phòng, trị các bệnh nhiễm trùng đường ruột, hô hấp	HCM-X1-74
24	Fer-Dextrance	Iron	Ống, lọ	5ml; 10ml; 100ml	Phòng, trị các chứng thiếu sắt	HCM-X1-25
25	Norfloxvet 10%	Norfloxacin HCl	Ống, chai	5; 10; 20; 50; 100 ml	Trị các bệnh đường hô hấp, tiêu hoá: thương hàn, kiết lỵ, E.coli	HCM-X1-76
26	Tylovet 10%	Tylosin tartrate Dexamethasone	Ống	5; 10; 20; 50; 100 ml	Phòng trị bệnh đường hô hấp, sinh dục do VK Gram (+), Mycoplasma	HCM-X1-77
27	Cotrimvet	Sulfadiazine sodium, Trimethoprim, Dexa	Ống, chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp, viêm khớp trên gia súc, gia cầm	HCM-X1-82
28	Tetravet 10%	Tetracycline HCl, Dexamethasone	Ống, lọ	2; 5ml 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn gây ra bởi các vi khuẩn Gr(-), Gr(+) và Mycoplasma trên gia súc, gia cầm	HCM-X1-83
29	Kanavet 10%	Kanamycin sulfate, Dexamethasone	Ống, lọ	2; 5ml 10; 20; 50; 100ml	Trị các bệnh đường hô hấp, tiêu hóa, sinh dục trên gia súc, gia cầm	HCM-X1-84
30	Cevit- K	Vitamin C, K	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị chứng chảy máu do thiếu Vit C, K; tăng sức đề kháng trên trâu, bò, dê, cừu, lợn	HCM-X1-85
31	Calcium- C	Calci gluconate, Vit C	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị các chứng liệt sau sinh, co giật	HCM-X1-86
32	Atropin	Atropine sulfate	Ống, lọ	2; 5ml 10; 20; 50; 100ml	Chống co giật, giảm nhu động ruột, dạ dày, giải trừ chất độc có nguồn gốc Phospho, Dipterex, Chloroform	HCM-X1-87

25. Công ty cổ phần Sài Gòn V.E.T

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Septotrim	Sulfamerazine	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu, sinh dục	HCM-X2-3
2	Tylotrim	Tylosin, Trimethoprime	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm đường hô hấp, tiêu hóa, CRD	HCM-X2-10
3	Kanesone	Kanamycin, Neomycin	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm nhiễm hô hấp và tiêu hóa	HCM-X2-30
4	Sagoflox 500	Enrofloxacin	Chai	100; 250; 500ml	Trị CRD, viêm phổi, THT, tiêu chảy	HCM-X2-32
5	Flume 20% Oral	Flumequine	Chai	100; 250; 500ml	Trị tiêu chảy do E. coli, thương hàn, PTH, xuất huyết, sảy thai	HCM-X2-40
6	O.P.C.	Erythromycin, Prednisolone, Oxytetracyclin HCl	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị thương hàn, tụ huyết trùng, toi, viêm nhiễm đường ruột	HCM-X2-61
7	Tylan-spectin	Tylosin, Spectinomycin	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm hô hấp, CRD, tiết niệu	HCM-X2-63
8	Colistin	Colistin	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị tiêu chảy	HCM-X2-97
9	Kanacin 100	Kanamycin	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm phổi, viêm nhiễm khác	HCM-X2-104
10	Vitamin C 1000	Vitamin C	Lọ, chai	2ml, 5; 10; 20; 50; 100ml	Tăng đề kháng, ngừa stress, phục hồi sức khỏe sau điều trị	HCM-X2-109
11	S.G Biflox 20%	Enrofloxacin HCl, Bromhexine	Chai	100ml, 200ml, 250ml, 500ml, 1 lít	Trị viêm đường hô hấp, tiêu chảy do E. coli và salmonella	HCM-X2-134
12	Cefa - Dexa	Cefalexin, Dexamethazone	Ống, lọ, chai	2, 5, 10, 15, 20ml 50, 100, 250, 500ml	Trị viêm nhiễm đường hô hấp, tiết niệu, tụ huyết trùng	HCM-X2-137
13	O.D.C	Erythromycin, Dexa Oxytetracyclin HCl	Ống Lọ, chai	2ml, 5ml, 10ml, 10, 20, 50, 100ml	Trị viêm ruột, tiêu chảy, thương hàn, nhiễm trùng vết thương…	HCM-X2-139

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
14	Coccisol	Diaveridine HCl, Sulfadimidine, Analgin, Vit K_3, A, PP	Lọ, chai	10ml, 20ml, 50ml, 100ml	Thuốc trị cầu trùng	HCM-X2-141
15	S.G Cephacol-D	Cephalexin, Colistin sulfate, Dexa sodium	Ống, lọ, chai	2, 5, 10,15ml 20, 50, 100, 250, 500ml	Trị viêm hô hấp, CRD, tiêu chảy do E coli, tụ huyết trùng	HCM-X2-145
16	S.G Sivermectin 1%	Ivermectin	Ống, lọ, chai	2ml, 5ml, 10ml, 10, 20, 50, 100ml	Chống nội và ngoại KST	HCM-X2-155
17	Sulfatrim- D	Sulfamethazine, Trimethoprim	Chai, ống	10; 20; 50; 100ml 2; 5; 10ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, viêm phổi, phế quản, thương hàn, bạch lỵ gia cầm, tụ huyết trùng ở trâu, bò, heo, gà, vịt	HCM-X2- 168
18	Genten-Plus	Gentamycin sulfate, Amoxicilin trihydrate	Ống; Lọ, chai	2; 5; 10ml; 10; 15; 20; 50; 100; 250; 5000ml	Trị viêm phổi do Mycoplasma (CRD), THT, viêm ruột tiêu chảy do E.coli cho lợn, bê nghé, dê cừu, gà vịt	HCM-X2- 179
19	O.S.C Dex	Erythromycin base Colistin sulfate, Dexa	Ống; Lọ, chai	2; 5; 10ml; 10; 20; 50; 100; 250ml	Trị CRD, THT, Phó thương hàn, E.coli cho trâu, bò, lợn, dê, cừu	HCM-X2-184
20	Toracin	Tobramycin sulfate Colistin sulfate Dexamethasone	Ống; Lọ, chai	2; 5; 10ml; 10; 20; 50; 100; 250ml	Trị bệnh do Mycoplasma, E.coli, ỉa chảy do Clostridium; THT, PTH cho trâu bò, lợn, dê cừu, viêm phổi, ruột cho chó mèo	HCM-X2-185
21	Coliof	Colistin sulfate Spectinomycin	Ống; Lọ, chai	2; 5; 10ml; 10; 20; 50; 100; 250ml	Trị viêm phổi, THT, thương hàn, tiêu chảy	HCM-X2-187

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
22	Tiacotin	Tiamulin hydrogen fumarate, Colistin sulfate	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa trên trâu, bò, dê, cừu, lợn, chó, mèo	HCM-X2-198
23	Flume 7,5%	Flumequine	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm ruột - tiêu chảy, thương hàn, THT, viêm phổi, nhiễm trùng đường tiết niệu trên trâu, bò, heo, dê, cừu, chó, mèo	HCM-X2-221
24	Difloxin	Difloxacin, Dexamethasone	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm ruột - tiêu chảy, thương hàn, THT, viêm phổi, viêm phế quản, viêm khớp, trên trâu, bò, heo, dê, cừu	HCM-X2-229
25	Florcine	Florfenicol, Dexamethasone	Ống, chai, lọ	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm phổi, thương hàn, THT, viêm ruột - tiêu chảy, viêm da, viêm kết mạc trên trâu, bò, heo, dê, cừu	HCM-X2-230
26	Cosultrim	Sulfamethoxazole, Trimethoprim	Ống, chai, lọ	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm phổi, viêm ruột tiêu chảy, TH, THT, viêm vú, viêm khớp trên trâu, bò, heo, dê, cừu, chó, mèo	HCM-X2-236
27	Fluquine	Flumequine, Dexamethasone	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm ruột - tiêu chảy, TH, THT, viêm phổi, viêm phế quản, nhiễm trùng niệu trên trâu, bò, heo, dê, cừu, chó, mèo, gà, vịt	HCM-X2-243
28	Bactrim LA	Sulfamethoxazole, Trimethoprim	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm phổi, viêm phế quản, viêm ruột - tiêu chảy, TH, THT, viêm vú, viêm khớp trên trâu, bò, ngựa, dê, cừu, heo, chó, mèo	HCM-X2-244

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
29	SG.Doxy LA	Doxycyclin	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm phổi, THT, viêm vú, viêm tử cung, viêm khớp, trên trâu, bò, ngựa, dê, cừu, heo. Nhiễm trùng tiết niệu, nhiễm trùng vết thương trên chó, mèo	HCM-X2-245
30	SG.Enro LA	Enrofloxacin Base	Ống, chai, lọ	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Enrofloxacin	HCM-X2-248
31	Nước cất pha tiêm	Nước cất	Chai	10; 20; 50; 100; 200; 250; 500ml	Hòa tan thuốc bột để tiêm	HCM-X2-252

26. Công ty TNHH Minh Huy

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Gentamycin Sulfat	Gentamycin sulfat	Ống lọ	2ml 10, 50, 100ml	Trị viêm nhiễm đường tiêu hóa, sinh dục, viêm màng não	HCM-X4-4
2	Chlorasone	Oxytetracycline, Colistin, Dexamethasone	Lọ	5, 10, 20, 50, 100ml	Trị viêm khớp, viêm cuống phổi, viêm ruột, viêm vú, THT, PTH	HCM-X4-5
3	Tetramycin D	Oxytetracycline HCl	Chai	10, 20, 50, 100 ml	Trị viêm phổi, THT, đóng dấu, viêm vú, tử cung, viêm xoang mũi, CRD	HCM-X4-7
4	Gentatylo-D	Gentamycin sulfat, Tylosin, Dexamethasone	Ống, lọ	5, 10, 20, 100ml	Trị viêm phổi, viêm vú, viêm tử cung	HCM-X4-9

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
5	Tylanvit	Tylosin tartrate, Vitamin B_1; B_2; B_6; PP	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị các bệnh đường hô hấp, đường sinh dục, đóng dấu, tụ huyết trùng	HCM-X4-10
6	Tylo DC	Tylosin tartrate, Colistin sulfat	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp, sinh dục, tiêu chảy phân trắng, phân xanh	HCM-X4-11
7	Septotryl 24%	Sulfamethoxazol, Trimethoprim	Ống lọ	5ml 10, 20, 50, 100ml	Trị phân trắng, thương hàn, viêm ruột, viêm phổi	HCM-X4-19
8	Levamisol 7.5%	Levamisol HCl	Lọ	10, 100ml	Trị giun đũa, giun tròn, giun lươn ở phổi và dạ dày ruột	HCM-X4-21
9	Becozyme (B.Complex)	Vitamin B_1, B_2, B_6, PP	Ống Lọ, chai	2ml 250, 500ml	Phòng chống gầy còm của gia súc có chửa, gia súc non chậm lớn	HCM-X4-31
10	B. Complex fort	Vitamin B_1, B_2, B_6, PP	ống	2ml	Tăng sức đề kháng, tăng trọng	HCM-X4-32
11	ADE B Complex	Vitamin B_1, B_2, B_6, PP, A, D, E, Ca	Lọ	20, 100, 250, 500ml	Tăng sức đề kháng, bổ sung vitamin	HCM-X4-33
12	B. Complex	Vitamin B_1, B_2, B_6, PP, Ca	Lọ	20, 100, 250, 500ml	Tăng sức đề kháng, bổ sung vitamin	HCM-X4-34
13	Vitamin ADE	Vitamin A, D, E	Lọ	20, 100ml	Tăng sức đề kháng, bổ sung vitamin	HCM-X4-35
14	Amino Booster (Kích sữa heo nái)	Vitamin B_1, B_2, B_6, PP, B_{12}, Ca, Methionin, Ferric amonium citrate	Lọ	10, 20, 100, 500ml	Tăng tạo sữa cho lợn nái sau khi sinh, giúp gia súc non còi cọc, phát triển nhanh	HCM-X4-36
15	Vitamin B_{12}	Vitamin B_{12}	Ống, lọ	2ml,10ml	Phòng và trị thiếu máu do thiếu B_{12}, chống suy nhược, còi cọc	HCM-X4-37

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
16	Daxavet	Dexamethasone acetat	Ống, lọ	5, 50, 100ml	Chống viêm, chống sốc	HCM-X4-38
17	Analgin	Analgin	Ống lọ	2, 5, 50, 100ml	Hạ nhiệt, phối hợp với kháng sinh để điều trị các bệnh nhiễm trùng	HCM-X4-39
18	Eucalyptyl	Tinh dầu khuynh diệp camphor	Ống Lọ, chai	2ml 10, 50, 100ml	Sát trùng đường hô hấp, hạ nhiệt, kích thích hô hấp và tim mạch	HCM-X4-40
19	Camphona	Camphor	Ống Lọ, chai	2ml 10, 50, 100ml	Gây hưng phấn thành kinh trung ương, tuần hoàn	HCM-X4-41
20	Vitamin B_1 2,5%	Vitamin B_1	Ống, lọ	10ml	Bổ sung vitamin	HCM-X4-44
21	Strychnal B_1	Strychnin sulfat, Vit B_1	Ống	5ml	Kích thích hoạt động của cơ	HCM-X4-45
22	Strychnin 0,1%	Strychnin sulfat	Ống	2ml	Kích thích hoạt động của cơ	HCM-X4-46
23	Sinh lý mặn 0,9%	NaCL	Lọ, chai	100ml	Dung dịch pha, tiêm, dịch truyền	HCM-X4-51
24	Sinh lý ngọt 5%	Glucose	Lọ, chai	100ml	Dung dịch pha, tiêm, dịch truyền	HCM-X4-52
25	Tiamulin	Tiamulin hydrogen fumarate	Ống Lọ	2ml 10, 50ml	Trị bệnh suyễn, viêm khớp, tiêu chảy, viêm vú và tử cung, CRD,...	HCM-X4-58
26	Norflox	Norfloxacin HCl	Ống, lọ	2,10, 50, 100ml	Trị tiêu chảy, viêm ruột, THT	HCM-X4-59
27	Bactrim	Sulfamethoxazol, Trimethoprim, Dexa	Lọ	10, 100ml	Trị tiêu chảy phân trắng, thương hàn, viêm ruột, viêm phổi, THT	HCM-X4-60
28	A.T.S - đặc trị tiêu chảy	Ampicillin trihydrat, Tiamulin	Lọ	10, 100ml	Trị các bệnh thương hàn, viêm ruột, viêm phổi, tụ huyết trùng	HCM-X4-61
29	Terramulin D	Oxytetracycline HCl, Tiamulin	Lọ	10, 100ml	Trị bệnh suyễn, tụ huyết trùng, viêm khớp, viêm vú, cúm	HCM-X4-62
30	Ca B. Complex B_{12}	Vitamin B_1, B_2, B_6, PP, B_{12}, Ca, Acid amin	Lọ	10, 20, 100, 500ml	Trị suy dinh dưỡng, còi cọc	HCM-X4-66

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
31	Hemato Vet B_{12}	Na Cacodylat, Vitamin B_{12}, Fe, Acid amin	Ống Lọ	2, 5ml 50ml	Trợ sức sau khi bị bệnh truyền nhiễm, phòng chống suy dinh dưỡng	HCM-X4-67
32	Ampicolistin	Ampicillin trihydrat, Colistin sulfat	Gói, lọ	10, 50,100g 10, 20, 50, 100ml	Trị các bệnh đường tiêu hóa, hô hấp, viêm vú, viêm khớp	HCM-X4-76
33	Antiscour (Trị tiêu chảy)	Ampicillin trihydrat, Colistin,Vitamin A, D, E	Gói, lon, chai	5, 10, 20, 50, 100g; 0,5 - 1kg, 10, 100ml	Phòng và trị các bệnh viêm dạ dày ruột, tiêu chảy do E.coli	HCM-X4-77
34	Colistin Sulfat	Colistin sulfat	Ống, lọ	5, 10, 20, 50, 100ml	Trị thương hàn, THT, tiêu chảy, viêm phổi, viêm đường sinh dục	HCM X4-80
35	Neocolistin	Neomycine, Colistin sulfat	Gói, lọ, lon	5,10, 20, 50, 100g 5, 10, 50, 100, 250 ml	Trị các bệnh đường tiêu hóa, phù đầu, sưng khớp, THT	HCM X4-81
36	Tylan 2,5%	Tylosin	Ống, lọ	2,5, 5, 10, 50, 100ml	Trị bệnh đường hô hấp và sinh dục	HCM X4-84
37	Colimutin	Colistin sulfate, Tiamulin	Lọ	5, 10, 20, 50, 100ml	Trị hen suyễn, tiêu chảy phân trắng, THT và các bệnh đường hô hấp	HCM-X4-90
38	Spiramycin 20%	Spiramycin	Lọ	5, 10, 20, 50, 100ml	Trị viêm đường sinh dục, tiêu hóa, viêm xoang, viêm bao hoạt dịch	HCM-X4-92
39	Dibio D	Ampicillin, Colistin	Lọ	5, 10, 20, 50, 100ml	Trị các bệnh do E.coli, bệnh đường tiêu hóa, viêm khớp	HCM-X4-93
40	Analgin C	Analgin, vitamin C	Lọ	5, 10, 20, 50, 100ml	Hạ nhiệt, giảm đau, phối hợp với kháng sinh trị nhiễm trùng	HCM-X4-94

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
41	Spira Coli	Spiramycin, Colistin	Lọ	5, 10, 20, 50, 100ml	Trị các bệnh đường hô hấp, tiêu hóa	HCM-X4-95
42	Norflox 33%	Norfloxacin	Lọ	5, 10, 20, 50, 100ml	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu	HCM-X4-92
43	Sulfa 20%	Sulfamethoxazol	Lọ	5, 10, 20, 50, 100ml	Trị nhiễm khuẩn toàn thân, đường sinh dục, tiết niệu, hô hấp	HCM-X4-97

27. Cơ sở sản xuất dược thú y Khoa Nguyên

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Vitamin C 500	Vitamin C	Ống, lọ	5, 20, 50, 100ml	Tăng sức đề kháng, chống stress	HCM-X5-1
2	Vitmin B_1	Vitamin B_1	Ống, lọ	3,5, 20, 50, 100ml	Kích thích tiêu hóa	HCM-X5-2
3	Vitamin B_{12}	Vitamin B_{12}	Ống, lọ	1, 2, 20, 50, 100ml	Bồi dưỡng	HCM-X5-3
4	B-Complex	Vitamin B_1, B_6, PP	Ống, lọ	2, 20, 50, 100ml	Bồi dưỡng, kích thích tăng trưởng	HCM-X5-4
5	Analgin	Analgin	Ống, lọ	2, 20, 50, 100ml	Giảm đau, hạ sốt	HCM-X5-5
6	F-Cortisone	Dexamethasone	Ống, lọ	5, 10, 20, 50, 100ml	Kháng viêm	HCM-X5-6
7	D.O.C	Cephalexin, Oxytetracyclin, Dexamethasone	Chai	10; 20; 100ml	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp, sinh sản, viêm khớp, THT	HCM-X5-7
8	Tylo C.D	Tylosin tartrate, Oxytetracyclin, Dexamethasone	Ống Chai	5ml 10; 50; 100ml	Phòng, trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu, viêm vú, tiêu chảy, viêm thận	HCM-X5-8
9	Vitamin B_6	Vitamin B_6	Ống, lọ	2,5, 10; 20; 50; 100ml	Thuốc bổ dưỡng	HCM-X5-9

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
10	Strychnin B_1	Vitamin B_1, strychnin sulphat	Ống	3; 5; 100ml	Trị liệt cơ, kém vận động	HCM-X5-11
11	Sulfa-dimethoxine	Sulfadimethoxine	Ống, lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị tiêu chảy và các nhiễm trùng khác	HCM-X5-12
12	Strychnin	Strychnin sulphat	Ống	2ml	Trị liệt cơ, kém vận động	HCM-X5-13
13	Caphona	Natri Camphosulphonat	Ống	2ml	Chống suy kiệt , mệt mỏi	HCM-X5-14
14	Gentatylo	Gentamycin sulphat, Tylosine, Dexamethasone	Ống, lọ	5, 10, 20, 50, 100, 500, 1000ml	Trị tiêu chảy và các nhiễm trùng khác	HCM-X5-15
15	Atropin	Atropin sulphat	Ống, lọ	2,20, 50, 100ml	Trị ói mửa, giảm đau,giải độc	HCM-X5-16
16	Norflox	Norfloxacin	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị tiêu chảy và các nhiễm trùng khác. Trị toi gà	HCM-X5-22
17	Colistin	Colistin sulphat	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị tiêu chảy và các nhiễm trùng khác	HCM-X5-24
18	Enrocin 10	Enrofloxacin	Ống, lọ	5, 10; 20; 50; 100ml, 250, 500, 1000ml	Trị tiêu chảy và các nhiễm trùng khác	HCM-X5-25
19	Anal-C	Vitamin C, Analgin	Ống, lọ	5, 10; 20; 50; 100ml	Giảm đau, hạ sốt	HCM-X5-27
20	Vitamin C 1000	Vitamin C	Ống, lọ	5, 10; 20; 50; 100ml	Tăng sức đề kháng, chống stess	HCM-X5-28
21	Imectin	Ivermectin	Ống, chai	2; 5; 20; 50; 100ml	Phòng và trị các bệnh nội, ngoại ký sinh trùng ở gia súc, gia cầm	HCM-X5-30
22	Vitamin K	Vitamin K	Ống, lọ	2,10; 20; 50; 100ml	Chống xuất huyết, phẫu thuật	HCM-X5-31
23	Enrocin 5	Enrofloxacin	Ống, lọ	5, 10; 20; 50; 100ml	Trị tiêu chảy và các nhiễm trùng khác	HCM-X5-47

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
24	Fluquinon	Flumequin	Lọ	10; 20; 50; 100; 500ml; 1 l	Trị nhiễm trùng đường ruột trên trâu, bò, ngựa, dê, cừu, lợn, gà	HCM-X5-51
25	Enrosolin	Enrofloxacin, Dexamethasone	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1 l	Trị viêm phế quản, viêm phổi, viêm vú, viêm tử cung, viêm ruột, viêm rốn trên trâu, bò, lợn, cừu, dê, chó, mèo	HCM-X5-52
26	Gentadexon	Gentamycin, Dexamethasone	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1 l	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu, viêm tử cung trên trâu, bò, ngựa, cừu, lợn	HCM-X5-53
27	Kanamysone	Kanamycin sulfate, Dexamethasone	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1 l	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa, hô hấp, tiết niệu, viêm vú, viêm tử cung, trên trâu, bò, ngựa, lợn, cừu, gà	HCM-X5-54
28	Norsolin	Norfloxacin, Dexamethasone	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1 l	Trị nhiễm trùng đường ruột, đường hô hấp trên trâu, bò, cừu, lợn, gà	HCM-X5-55

28. Công ty TNHH sản xuất thương mại 533

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	B. Complex	Vitamin B_1; B_2; B_6, B_5; PP	Chai	20 ml; 100ml	Bổ sung Vitamin	HCM-X7-7
2	A.D.E	Vitamin A; D; E	Chai	20 ml; 100ml	Bổ sung Vitamin	HCM-X7-9
3	Levamisol	Levamisol	Chai	10 ml; 100ml	Kháng ký sinh trùng	HCM-X7-10
4	Sinh lý ngọt	Glucose	Chai	100ml; 500ml	Kích thích trao đổi chất	HCM-X7-16

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
5	Thuốc tiêm Vit B_{12}	Vitamin B_{12}	Ống	2 ml	Bổ sung Vitamin	HCM-X7-27
6	Thuốc tiêm Vit B_6	Vitamin B_6	Ống chai; lọ	2 ml, 10; 20; 50; 100ml	Bổ sung Vitamin	HCM-X7-28
7	Thuốc tiêm Campho	Camphosulfonat natri	Ống	2 ml	Kích thích hô hấp, tim mạch	HCM-X7-29
8	Thuốc tiêm Strychnin sulfat 0,1%	Strychnin sulfat	Ống	2 ml	Kích thích	HCM-X7-30
9	Atropin sulfat 0,1%	Atropin sulfat	Ống;	2 ml	Kích thích	HCM-X7-31
10	Thuốc tiêm Vitamin C.1000	Vitamin C	Ống; lọ; chai	5 ml 10; 20; 50; 100ml	Bổ sung Vitamin	HCM-X7-32
11	Thuốc tiêm Vit C.500	Vitamin C	Ống	5 ml	Bổ sung Vitamin	HCM-X7-33
12	Thuốc tiêm Strychnin B_1	Strychnin sulfat Vitamin B_1	Ống; lọ; chai	5 ml 10; 20; 50; 100ml	Kích thích	HCM-X7-34
13	Thuốc tiêm Urotropin 5%	Urotropin	Ống; lọ; chai	5 ml 10; 20; 50; 100ml	Lợi tiểu	HCM-X7-35
14	Enroflox Oral	Enrofloxacin	Lọ, chai	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng gây ra do vi khuẩn nhạy cảm với Enrofloxacin	HCM-X7-40
15	Spectinocin	Spectinomycetin	Lọ Chai	5; 10; 30; 50 ml 100; 500 ml	Trị nhiễm trùng gây ra do vi khuẩn nhạy cảm với Spectinomycetin	HCM-X7-46
16	Xịt móng 533	Enrofloxacin, Blue methylen	Chai	50; 100; 200ml	Trị vết thương nhiễm trùng, lở loét ngoài da của trâu, bò, heo	HCM-X7-48
17	Sinh lý mặn	Natri clorua	Chai	100; 500 ml	Dung môi pha thuốc tiêm	HCM-X7-17

29. Công ty TNHH thương mại và sản xuất thuốc thú ý Sài Gòn (SONAVET)

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Tylosin 500	Tylosin tartrate	Lọ	10, 20, 50, 100ml	Trị viêm nhiễm đường hô hấp; ỉa chảy, bại huyết, viêm phổi, viêm vú, khớp…	HCM-X9-1
2	Colistin	Colistin sulfat	Ống Lọ	5ml 10, 20, 50, 100ml	Trị vi khuẩn gây bệnh đường tiêu hóa, tiêu chảy ở gia súc non, cầu trùng	HCM-X9-2
3	Ampicolistin	Ampicillin, Colistin sulfat, Dexamethasone	Ống Lọ	5ml 20, 50, 100ml	Trị các bệnh nhiễm trùng nhiễm khuẩn, THT, phân trắng	HCM-X9-3
4	Colistylan	Colistin sulfat Tylosin tartrate	Ống Lọ	5ml 20, 50, 100ml	Trị nhiễm trùng do Coli, viêm ruột, nhiễm trùng máu Gram (-)	HCM-X9-4
5	Septotryl 24%	Trimethoprim, Sulfamethoxazol	Lọ	10, 20, 50, 100ml	Trị nhiễm trùng viêm ruột, dạ dày, sinh dục, phế quản, tủy xương, màng não	HCM-X9-5
6	Tetramycin D	Tetracyclin HCl, Dexamethasone	Lọ	10, 20, 50, 100ml	Trị viêm phổi, vú, khớp, THT, đóng dấu, tiêu chảy, nhiễm trùng sau giải phẫu...	HCM X9-6
7	Erytrasone	Erythromycin, Tetracyclin, Dexa	Ống Lọ	5ml 10; 20; 50; 100ml	Trị các bệnh đường hô hấp, đường ruột ở gia súc, gia cầm	HCM X9-7
8	Ravitfor	Vitamin B_1, B_6, B_{12}, PP, Ca. gluconat	Ống Lọ	2ml, 20ml, 50ml	Trị bệnh thiếu Canxi, và Vit nhóm B. Kích thích tăng trưởng cho g.súc, g.cầm	HCM X9-8
9	Ascorvit	Vitamin C	Ống Lọ	5ml, 20, 50, 100ml	Trị suy nhược cơ thể, sốt, chảy máu cam, tăng sức đề kháng, chống stress	HCM X9-9
10	Analgin	Analgin	Ống Lọ	2ml, 20, 50, 100ml	Hạ sốt, giảm đau, phối hợp với kháng sinh để điều trị các bệnh nhiễm trùng...	HCM X9-10
11	Cortico.f	Dexamethasone	Ống, lọ	5, 20, 50, 100ml	Chống viêm, dị ứng, sốc và stress	HCM X9-11

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
12	Bcomplex fort	Vitamin B_1, B_2, B_6, PP	Ống Lọ	2ml. 20, 50, 100ml	Trị các bệnh suy dinh dưỡng, còi cọc, phù thũng, thiếu máu, bại liệt	HCM X9-13
13	ADE Bcomlex	Vitamin A, D, E, B_1, B_2, B_5, B_6, PP	Lọ	20, 50, 100ml	Kích thích tăng trọng, tăng mức sinh sản, phòng và trị các bệnh thiếu Vitamin	HCM X9-14
14	Thiam.TDB Fort	Tylosin tartrate, Thiamphenicol, Dexa	Ống Lọ	5ml 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm phổi, tụ huyết trùng, viêm khớp, viêm vú, tắc sữa, viêm thận, thối móng, kiết lỵ	HCM X9-15
15	Anflox 10%	Norfloxacin	Ống Lọ	5ml 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh thương hàn, tiêu chảy, viêm ruột, đường hô hấp tiết niệu	HCM X9-35
16	Thiamtesone Fort	Thiamphenicol, Oxytetracycline, Dexa	Ống Lọ	5ml 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng cấp tính, kinh niên, viêm khớp, viêm phổi, phế quản, ruột, vú, CRD …	HCM X9-36
17	Vitamin C 20%	Vitamin C	Ống; lọ	5ml; 20, 50, 100ml	Điều trị chứng suy nhược cơ thể	HCM X9-48
18	Levamisol	Levamisol HCl	Ống Lọ	5ml 10; 20; 50; 100ml	Chuyên tẩy các loại giun sán đường phổi và ruột của heo, bò	HCM X9-54
19	Sona Genta	Gentamycine	Ống Lọ	5ml 10; 20; 50; 100ml.	Trị nhiễm trùng gây ra bởi vi khuẩn mẫn cảm với Gentamycine ở gia súc, gia cầm	HCM X9-56
20	Erysultrim.F	Erythromycin, Colistin sulfate	Ống Lọ	5ml 10; 20; 50; 100ml	Trị các bệnh nhiễm trùng đường hô hấp, viêm dạ dày - ruột do E.Coli, Salmonella	HCM X9-57
21	Genta Tylosin	Tylosin tartrate, Gentamycin	Ống Lọ	5ml 10; 20; 50; 100ml	Trị CRD, viêm màng phổi, THT, viêm ruột, dạ dày, tiêu chảy, PTH, viêm tử cung	HCM X9-59

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
22	Kanamycine 10%	Kanamycine	Ống Lọ	5ml 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm ruột ỉa chảy do E.Coli, Salmonella, nhiễm trùng máu, sinh dục, tiết niệu	HCM X9-60
23	Septotryl	Trimethoprim, Sulfamethoxazol	Lọ	10, 20, 50, 100ml	Trị nhiễm trùng, viêm: hoại huyết - viêm thận, đường sinh dục, viêm mũi, khí quản	HCM X9-65
24	NofloxColi	Norfloxacin	Ống Lọ	5ml 10, 20, 50, 100ml	Trị tiêu chảy, thương hàn, THT, viêm phổi, CRD, bệnh đường tiêu hóa, hô hấp, tiết niệu	HCM X9-79
25	Tylo D.C	Colistin sulfate, Tylosin tartrate	Ống Lọ	5ml 10, 20, 50, 100ml	Trị nhiễm trùng do E.Coli, viêm ruột, viêm cục bộ, nhiễm trùng máu	HCM X9-81
26	Ampicolistin	Ampicillin, Colistin sulfate, Dexa	Ống Lọ	5ml 10, 20, 50, 100ml	Trị THT, phân hồng, thương hàn, viêm phổi, dạ dày, ruột, ỉa chảy, nhiễm độc thức ăn	HCM X9-83
27	Colifort-Stop	Colistin sunfate	Lọ	10, 50ml	Trị bệnh đường tiêu hóa, hội chứng tiêu chảy ở gia súc non, cầu trùng, E.Coli gây ra ở lợn	HCM X9-96
28	Enrofloxacin-25	Enrofloxacin	Ống Lọ	5ml 10, 20, 50, 100ml	Trị CRD,THT, thương hàn, viêm phổi, tiêu chảy teo mũi truyền nhiễm	HCM X9-97
29	Enrofloxacin-50	Enrofloxacin	Ống Lọ	5ml 10, 20, 50, 100ml	Trị CRD, THT, thương hàn, viêm phổi, tiêu chảy teo mũi truyền nhiễm	HCM X9-98
30	Spectinovet	Spectinomycin HCl	Lo, chai	5, 10, 20, 50, 100ml	Trị viêm ruột tiêu chảy, phân trắng gây ra bởi E.coli ở heo	HCM X9-103
31	Iron Dextran 100	Iron-Dextran	Ống Lọ	2; 5ml 10; 20; 50; 100ml	Phòng và trị thiếu sắt thiếu máu, tiêu chảy do thiếu sắt ở heo con	HCM X9-106

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
32	Iron Dextran 100 B_{12}	Iron-Dextran Vitamin B_{12}	Ống Lọ	2; 5ml 10; 20; 50; 100ml	Bổ sung sắt, phòng và trị thiếu sắt thiếu máu bệnh tiêu chảy do thiếu sắt ở heo con	HCM X9-107
33	Analgin-C	Analgin, Vitamin C	Ống, lọ	2; 5,10; 20; 50; 100ml	Giảm đau hạ nhiệt giảm sưng phù vết thương	HCM X9-108
34	Bromhexine	Bromhexine HCl	Ống Lọ	2; 5ml 10; 20; 50; 100ml	Giảm ho, long đờm chống co thắt phế quản, viêm phổi ở gia súc	HCM X9-111
35	T.O.B 20%	Tylosin tartrate, Oxytetracycline HCl, Bromhexin HCl	Ống Lọ	5ml 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh Lepto, hồng lỵ, tiêu chảy, viêm teo mũi, suyễn, CRD	HCM X9-112
36	Tylo BRT	Tylosin tartrate, Oxytetracycline HCl, Bromhexin HCl	Ống Lọ	5ml 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh hồng lỵ, tiêu chảy, viêm teo mũi, suyễn, CRD	HCM X9-115
37	Injectrovit	Vitamin A, D_3, E, B_1, B_2, B_6, B_{12}, PP, D-panthenol, Folic acid, Biotin, Choline chloride, Amino acids	Ống, chai	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1l	Phòng và trị các bệnh thiếu Vitamin A, B, D_3, E và các Amino acid cần thiết cho trâu, bò, dê, cừu, ngựa, heo	HCM X9-116
38	Vitamin ADE 140	Vitamin A, D_3, E	Ống, chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh thiếu Vitamin A, D_3, E trên trâu, bò, dê, cừu, ngựa, heo, chó mèo	HCM X9-117
39	Lincotin	Lincomycin, Colistin sulfate	Ống, chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột, hô hấp trên trâu, bò, heo, gia cầm	HCM-X9-12
40	Doxylin	Doxycycline	Ống, chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm khớp, suyễn heo, viêm phổi, cuống phổi, viêm ruột trên trâu, bò, heo	HCM-X9-30

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
41	Amox Coli	Amoxycilline Colistin sulfate, Dexa	Ống, chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột, đường tiêu hóa trên trâu, bò, heo	HCM-X9-31
42	Flumeson 100	Flumequine	Ống, chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột, đường hô hấp trên trâu, bò, heo, gia cầm	HCM-X9-32
43	Atropin	Atropine sulfate	Ống, chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị co thắt ruột, tiêu chảy, co thắt khí-phế quản, phù thủng phổi. Giảm đau, giải độc trong các trường hợp ngộ độc	HCM-X9-43
44	Specti Coli	Colistin sulfate Spectinomycin	Chai	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột trên dê con, cừu con, heo con	HCM-X9-67
45	Lincospectin	Spectinomycin Lincomycin	Ống, chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột, hô hấp trên bê, dê, cừu, heo, chó, mèo, gia cầm	HCM-X9-70
46	Dexacolitrim	Colistin sulfate Trimethoprim, Dexa	Ống, chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột, hô hấp, tiết niệu trên trâu, bò, dê, cừu, heo	HCM-X9-78
47	Vitamin ADE 500	Vitamin A, D_3, E	Chai	10; 20; 50; 100ml	Phòng chống các bệnh thiếu vitamin A, D_3, E trên trâu, bò, dê, cừu, heo	HCM-X9-80
48	Ivertin	Ivermectine	Chai	10; 20; 50; 100ml	Phòng và trị các bệnh do nội, ngoại ký sinh trùng trên bò, dê, cừu, heo	HCM-X9-84
49	Amox 10%	Amoxycilline	Ống, chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột, hô hấp, tiết niệu trên trâu, bò, dê, cừu, heo	HCM-X9-114
50	Vitamin B_1	Vitamin B_1	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Phòng và trị bại liệt, phù nề suy nhược, viêm dây thần kinh, kích thích thèm ăn	HCM-X9-34
51	Vitamin B_6	Vitamin B_6	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Phòng và trị chứng thiếu Vitamin B_6 trên bê, nghé, dê con, cừu con, heo con	HCM-X9-66

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
52	Tiamulin	Tiamulin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột, đường hô hấp trên heo	HCM-X9-109
53	Colexin	Colistin sulfate Trimethoprim	Ống, chai, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1 lít	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột gây ỉa chảy, bạch lỵ, hồng lỵ, tụ huyết trùng, thương hàn, phó thương hàn, CRD… trên bê, dê non, cừu non, heo, gia cầm, thỏ	HCM X9-126
54	Coli 2400	Colistin sulfate	Ống, chai, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1 lít	Trị bệnh đường tiêu hóa, các hội chứng tiêu chảy ở bê, nghé, heo con, bệnh cầu trùng trên gà	HCM X9-127
55	Dexason	Dexamethasone	Ống, chai, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1 lít	Trị nhiễm khuẩn, dị ứng, chấn thương và các tác nhân khác trên bê, cừu, heo, dê, ngựa, chó, mèo	HCM X9-128
56	Enroflox	Enrofloxacin	Ống, chai, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1 lít	Trị viêm phổi, tụ huyết trùng, tiêu chảy do E.Coli trên bê, nghé. Trị tiêu chảy, tiêu chảy và viêm ruột gây ra bởi E.Coli và Salmonella, hội chứng MMA trên heo. Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu, da trên chó	HCM X9-129
57	Fer-B_{12}	Iron Vitamin B_{12}	Ống, chai, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1 lít	Bổ sung sắt, phịng, trị bệnh thiếu sắt, thiếu mu, bệnh tiêu chảy do thiếu sắt, trị bệnh còi cọc trên heo con, bê, nghé	HCM X9-130
58	Florfenicol	Florfenicol	Ống, chai, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1 lít	Trị bệnh đường hô hấp trên ngựa, trâu, bò, cừu, dê, heo, chó, mèo, thỏ và gia cầm	HCM X9-131

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
59	Flumesol-200	Flumequine	Ống, chai, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1 lít	Trị nhiễm trùng đường dạ dày - ruột, đường hô hấp và đường tiết niệu gây ra bởi các vi khuẩn nhạy cảm với Flumequine, như Campylobacter, E.Coli, Haemophilus, Pasteurella và Salmonella spp., trên heo, gia cầm	HCM X9-132
60	Gentamox	Gentamycin, Amoxycillin	Ống, chai, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1 lít	Trị bệnh tụ huyết trùng, tiêu chảy, viêm phổi, viêm tử cung, viêm khớp trên trâu, bò, cừu, ngựa, heo, gà, vịt	HCM X9-133
61	Interflox	Enrofloxacin	Ống, chai, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1 lít	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, nhiễm trùng máu, bệnh đường tiêu hóa, tiết niệu, sinh dục, viêm vú trên bê, nghé, cừu	HCM X9-134
62	Interspectin	Spectinomycin Lincomycin	Ống, chai, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1 lít	Trị nhiễm trùng đường dạ dày - ruột, đường hô hấp trên bê, nghé, dê, cừu, heo, gia cầm, gà tây, chó, mèo	HCM X9-135
63	Ivermectin	Ivermectine	Ống, chai, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1 lít	Trị giun dạ dày ruột, giun phổi, rận, ghẻ,… trên bê, nghé, dê, cừu, heo	HCM X9-136
64	Kanamycin	Kanamycin	Ống, chai, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1 lít	Trị các bệnh do E.Coli, Salmonella, nhiễm trùng máu, bệnh đường hô hấp, tiết niệu - sinh dục, viêm khớp, viêm cơ trên trâu, bò, ngựa, heo, chó, mèo	HCM X9-137
65	Levamisol	Levamisol HCl	Ống, chai, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1 lít	Tẩy các loại giun sán đường phổi và đường ruột trên heo, bò, gia cầm	HCM X9-138

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
66	Limoxin	Oxytetracyclin	Ống, chai, lọ	5, 10, 20, 50, 100, 500ml, 1 lít	Trị nhiễm trùng đường dạ dày - ruột, đường hô hấp và bệnh viêm khớp trên bê, nghé, gia súc, dê, cừu, heo	HCM X9-139
67	Neopenicillin	Procaine penicilline G, Neomycin	Ống, chai, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1 lít	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với penicillin, Neomycin, gây ra	HCM X9-140
68	Norflox	Norfloxacin	Ống, chai, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1 lít	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa, hô hấp, sinh dục ở gia súc, gia cầm	HCM X9-141
69	Norfloxcoli	Norfloxacin	Ống, chai, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1 lít	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa, hô hấp, sinh dục trên gia súc, gia cầm	HCM X9-142
70	O.T.C 20% LA	Oxytetracyclin HCl	Ống, chai, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1 lít	Trị nhiễm trùng hô hấp, viêm cuống phổi, viêm ruột, nhiễm trùng đường tiểu, mật, viêm tử cung, viêm vú, viêm tuyến tiền liệt, viêm mủ da trên trâu, bò, heo	HCM X9-143
71	Penstrep-400	Procain penicillin G Dihydrostreptomycin sulfate	Ống, chai, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1 lít	Trị viêm khớp, viêm vú, nhiễm trùng đường dạ dày - ruột, đường hô hấp, đường sinh dục trên trâu, bò dê, cừu, heo	HCM X9-144
72	Spectylo	Spectinomycin Tylosin tartrate	Ống, chai, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1 lít	Trị viêm tử cung, viêm phổi, viêm cuống phổi, nhiễm trùng sau phẫu thuật, tiêu chảy trên trâu, bò, heo, gà, chó, mèo	HCM X9-145
73	Stress vitamin	Vitamin A, D_3, E, B_1, B_6, PP, B_5, Cholin chloride, Lysin HCl, Glycin	Ống, chai, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1 lít	Trị rối loạn tăng trưởng, tăng trưởng kém, năng suất sinh sản kém, giai đoạn phục hồi	HCM X9-146

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
74	Sulfadine 333	Sulfadimidin sodium	Ống, chai, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1 lít	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu trên trâu, bị, heo, cừu, dê, gia cầm	HCM X9-147
75	Tiamulin	Tiamulin	Ống, chai, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1 lít	Trị bệnh về đường hô hấp, tiêu hóa trên trâu, bò, dê, cừu, heo, gia cầm	HCM X9-148
76	Tylan	Tylosin tartrate	Ống, chai, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1 lít	Trị bệnh đường hô hấp gây ra bởi vi khuẩn nhạy cảm với Tylosin trên gia súc, gia cầm	HCM X9-149
77	Vitamin E-Selen	Vitamin E Sodium selenite	Ống, chai, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1 lít	Phòng trị bệnh thiếu vitamin E trên gia súc, gia cầm; chống khô thai, đẻ non và ngăn ngừa sự ngộ độc sắt trên heo con	HCM X9-150
78	Sotasal	1-(n -Butylamino) - 1 methylethyl - Phosphonic acid Vit B_{12}, Methyl hydroxybenzoate	Chai, lọ	10; 20; 50; 100ml	Phòng trị rối loạn chuyển hóa do trao đổi chất, dinh dưỡng kém, chậm phát triển, chống bại liệt, suy nhược, còi cọc do mắc bệnh hoặc suy dinh dưỡng trên trâu, bò, bê, nghé, cừu, heo, gia cầm	HCM X9-151
79	Analgin C	Analgin Vitamin C	Ống, chai, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1 lít	Hạ nhiệt, giảm đau. Phối hợp với kháng sinh để điều trị các bệnh nhiễm trùng ở gia súc, gia cầm	HCM X9-157
80	Amox C.D	Colistin sulfate, Amoxycillin trihydrate	Ống, chai, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1 lít	Trị tụ huyết trùng, tiêu chảy, hồng lỵ, thương hàn, phó thương hàn, viêm phổi, viêm dạ dày - ruột, ỉa chảy do E.Coli, Salmonella, CRD trên gia súc, gia cầm	HCM X9-158

30. Công ty TNHH sản xuất thương mại Lê Trung

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Levamisol	Levamysol HCl	Lọ	10, 50, 100ml	Điều trị bệnh giun tròn: giun tròn dạ dầy - ruột, giun phế quản, giun đũa, giun tóc, giun móc,…	HCM-X10-32
2	Tetramycine D	Oxytetracyclin HCl	Lọ	100ml	Trị các chứng nhiễm trùng đường tiêu hóa đường niệu, đường sinh dục…	HCM-X10-1
3	Ampi-Genta	Ampixiline trihydrat, Gentamycine sulfate	Ống Lọ	5, 50, 100ml	Trị viêm bể thận, viêm bàng quang, viêm niệu quản, viêm đường hô hấp	HCM-X10-2
4	Vitamin C 10%	Vitamin C	Ống Lọ	5, 10, 20, 50, 100ml	Bổ sung vitamin C, trị cảm cúm chống stress, tăng sức đề kháng	HCM-X10-6
5	B.Complex B_{12} (Becozym B_{12})	Vitamin B_1, B_2, B_5, B_6, B_{12}, PP	Ống Lọ	2, 20, 50, 100ml	Cung cấp, ngăn ngừa sự thiếu vitamin ở động vật, tăng khả năng chuyển hóa chất	HCM-X10-7
6	Vitamin B_{12} 1000mcg	Vitamin B_{12}	Ống Lọ	2, 20, 50, 100ml	Trị bệnh biếng ăn, rối loạn vận động, bệnh thiếu máu ở gia súc, gia cầm, giúp tăng trọng nhanh	HCM-X10-8
7	Hematofo B_{12}	Cacodylate-Na, Amoni Citrat-Fe, Methionin, A.folic, Cobal acetat, B_{12}	Ống chai	2, 50, 100ml	Trị thiếu máu nhược sắt, bồi dưỡng và tăng sức cho gia súc, gia cầm	HCM-X10-9
8	Vitamin ADE	Vitamin A, D, E	Lọ	20, 50, 100ml	Trị bệnh do thiếu vitamin A, D, E ở trâu, bò, dê, cừu heo, gà	HCM-X10-10
9	F. Cortison	Dexamethasone acetat, Dexamethasone photphate	Ống Lọ	5, 20, 50, 100ml	Dùng trong các bệnh nhiễm trùng, kháng dị ứng, điều trị shock phản vệ, viêm khớp cấp	HCM-X10-11

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
10	Analgin 30%	Analgin	Ống Lọ	2, 20, 50 100ml	Hạ sốt trong mọi trường hợp trị viêm khớp cấp tính, viêm đa khớp ở gia súc và gia cầm	HCM-X10-12
11	Norfloxacin 5%, 10%	Norfloxacin HCl	Ống Lọ	2, 10, 20, 50 100ml	Trị nhiễm trùng đường tiểu, đường sinh dục. Bệnh tiêu chảy do nhiễm trùng CRD ở gia cầm	HCM-X10-13
12	Analgin + C	Analgin, vitamin C	Ống Lọ	2, 20, 50, 100ml	Hạ sốt, trị viêm khớp, đa khớp ở gia súc và gia cầm, kết hợp để điều trị các bệnh nhiễm trùng	HCM-X10-14
13	Genta-Tylo	Gentamycin, Tylosine tatrate	Ống Lọ	5, 10, 20, 50 100ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, viêm màng não nhiễm khuẩn máu thương hàn, phân trắng	HCM-X10-15
14	Septotryl 24%	Sulfametoxazol pyradazin	Lọ	10, 20, 50, 100ml	Phòng và trị viêm ruột, dạ dầy do E.Coli viêm phổi, bệnh cầu trùng, viêm tủy xương gia cầm	HCM-X10-16
15	Lincomycin 10%	Lincomycin	Ống Lọ	5, 20, 50, 100ml	Trị nhiễm trùng hô hấp, sinh dục, viêm khớp xương ở gia súc gia cầm	HCM-X10-17
16	Aminovital	Axit amin, khoáng vi lượng, điện giải, vitamin	Lọ	20, 50, 100ml	Phòng và trị mất nước cân bằng điện giải cung cấp axit amin thiết yếu và các vitamin nhóm B cho gia súc và gia cầm	HCM-X10-18
17	Néodexin (Chlortrasone*)	Erythromycine, Thiocynate, Tetracycline, Dexamethasone PO_4	Lọ, chai	10, 20, 50, 100ml	Trị nhiễm trùng: hô hấp tiêu hóa đường tiểu, sinh dục, bệnh thương hàn, phó thương hàn. Đặc biệt nhiễm độc thức ăn	HCM-X10-19

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
18	ADE-Bcomplex B_{12}	Vitamin A, D, E, B_1, B_2, PP, B_5, B_6, B_{12}	Lọ	20, 50, 100ml	Cung cấp và ngăn ngừa sự thiếu hụt vitamin ở gia súc và gia cầm	HCM-X10-23
19	Atropin	Atropin sulfate	Ống Lọ	2, 20, 100ml	Trị bệnh tiêu chảy ở gia súc và gia cầm do làm giảm nhu động ruột, giải độc	HCM-X10-24
20	Vitamin K	Vitamin K_3	Ống; Lọ	2, 20; 100ml	Cầm máu cho gia súc gia, cầm bị chảy	HCM-X10-25
21	Vitamin C1000	Vitamin C	Ống, lọ	5, 20, 50, 100ml	Bổ sung vitamin C trị cảm cúm chống stress tăng sức đề kháng	HCM-X10-30
22	Glucoza 5%	Glucoza	Lọ, chai	5, 50, 100 500ml	Cung cấp gluco cho cơ thể, phòng chống mất nước trong các bệnh tiêu chảy	HCM-X10-35

31. Công ty TNHH sản xuất thuốc thú y Thịnh Á

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Aminivit	Acid amine, Vitamin	Ống, lọ	2, 5, 10, 50, 100ml	Bổ sung vitamin và acid amin	HCM-X11-35
2	Analgin	Analgin	Ống, lọ	2, 5, 10, 50, 100ml	Giúp phục hồi, giảm sốt khi bệnh	HCM-X11-36
3	ASI Enrofloxacin 100	Enrofloxacin	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100ml; 250; 500 ml	Trị nhiễm khuẩn đường dạ dày - ruột, hô hấp ở bê và gia cầm	HCM-X11-39
4	ASI Enrofloxacin 50	Enrofloxacin	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100ml; 250; 500 ml	Trị nhiễm khuẩn đường dạ dày - ruột, hô hấp ở bê và gia cầm	HCM-X11-41
5	Gentamycine	Gentamycine	Ống, lọ, chai	2, 5, 10, 50, 100ml	Phòng và trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa ở gia súc, gia cầm	HCM-X11-42

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
6	ASI Polymycin 500KU	Colistin	Ống, lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100ml; 250; 500 ml	Điều trị bệnh nhiễm khuẩn đường dạ dày, ruột, máu, khớp ở trâu, bò, dê, heo	HCM-X11-43
7	Lincocine	Lyncomycine	Ống, lọ	2, 5, 10, 50, 100ml	Phòng và trị bệnh viêm khớp	HCM-X11-44
8	Suanotrim	Spiramycin, Trimethoprim	Ống, lọ, chai	2, 5, 10ml 50, 100ml	Phòng và trị bệnh đường tiêu hóa ở gia súc, gia cầm	HCM-X11-48
9	Tylosin 50	Tylosin	Ống, lọ	2, 5, 10, 50, 100ml	Phòng và trị bệnh đường hô hấp	HCM-X11-51
10	Tylosin 200	Tylosin	Ống, lọ, chai	2, 5, 10ml 50, 100ml	Phòng và trị bệnh đường hô hấp ở gia súc, gia cầm	HCM-X11-52
11	Enrofloxacin 10%	Enrofloxacine	Ống, lọ, chai	2, 5, 10, 50, 100ml	Phòng và trị bệnh đường hô hấp ở gia súc, gia cầm	HCM-X11-53
12	Enrofloxacin 5%	Enrofloxacine	Ống, lọ, chai	2, 5, 10ml 50, 100ml	Phòng và trị bệnh đường hô hấp ở gia súc, gia cầm	HCM-X11-54
13	Genta-Tylo	Tylosin, Gentamycine	Ống, lọ, chai	2, 5, 10ml 50, 100ml	Phòng và trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa ở gia súc, gia cầm	HCM-X11-55
14	Iodocase 1000	Iodocasein	Ống, chai	2, 5, 10, 50, 100ml	Kích thích tăng tiết sữa cho nái	HCM-X11-57
15	Vitamin C	Vitamin C	Lọ, chai	50, 100ml	Tăng sức đề kháng, chống stress	HCM-X11-65
16	Norflox-5	Norfloxacin	Chai, ống, lọ	2, 5, 10, 20, 50, 100ml	Phòng và trị bệnh đường tiêu hóa ở gia súc, gia cầm	HCM-X11-68
17	Oxytetra	Oxytetracyclin HCl	Chai, ống, lọ	2, 5, 10, 20, 50, 100ml	Trị bệnh đường hô hấp ở gia súc, gia cầm	HCM-X11-69
18	Tiamulin 10%	Tiamulin hydrogen fumarate	Chai, ống, lọ	2, 5, 10, 20, 50, 100ml	Phòng và trị bệnh đường hô hấp ở gia súc, gia cầm	HCM-X11-71

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
19	Analgin-C	Analgin, Acid Ascorbic	Chai, ống, lọ	2, 5, 10, 20, 50, 100ml	Giúp tăng sức đề kháng, hạ sốt, chống stress ở gia súc, gia cầm	HCM-X11-77
20	Glucose 5%	Glucose	Chai, lọ	50, 100, 500ml	Tăng sức đề kháng cho gia súc, gia cầm	HCM-X11-78
21	Vitamin B_{12}	Vitamin B_{12}	Ống, lọ	2, 5, 10, 20, 50, 100ml	Bổ sung vitamin cho gia súc, gia cầm	HCM-X11-80

32. Cơ sở dược thú y Phú Thọ

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Vitamin B_6 5%	Pyridoxine hydrochloride	Ống Lọ, chai	2, 5ml 10, 20, 50, 100ml	Chống ói, bổ sung vitamin	HCM-X13-1
2	Strychnal B_1	Strychnine sulfate	Ống Lọ, chai	5, 10ml 10, 20, 50, 100ml	Kích thích ăn, suy nhược cơ thể	HCM-X13-2
3	Urotropin 5%	Hexamethylenetetra mine	Ống Lọ	5, 10ml 10, 20, 50, 100ml	Sát trùng viêm đường tiết niệu, lợi tiểu	HCM-X13-3
4	Sep-Tryl 24%	Sulfamethoxazole	Lọ, chai	10, 20, 50, 100ml	Trị viêm đường tiêu hóa, hô hấp	HCM-X13-4
5	C-K-N	Tetracycline hydrochlorid	Lọ, chai	10, 20, 50, 100ml	Trị viêm đường tiêu hóa, hô hấp	HCM-X13-6
6	Penicillin	Penicillin K	Lọ	1.000.000 UI	Chống nhiễm trùng, viêm phổi	HCM-X13-9
7	Septomycin	Streptomycin sulfat	Lọ	1g	Trị tụ huyết trùng	HCM-X13-10
8	Cafein natri benzoat 20%	Cafein sodium benzoat	Ống	5ml	Trị cơ thể bị suy nhược, suy tim, ngộ độc	HCM-X13-11

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
9	Atropin Sulfat 0.1%	Atropin sulfat	Ống Lọ, chai	2, 5ml 10, 20, 50, 100ml	Chống co thắt, co giật, giải độc	HCM-X13-12
10	Strichnin sulfat 0.1%	Strychnin sulfate	ống	2ml	Chống tê liệt, giải độc thuốc mê	HCM-X13-13
11	B Complex	Pyridoxine, Thiamine hydrochloride	Ống Lọ, chai	2, 5ml 10, 20, 50, 100ml	Kích thích tiêu hóa, chống còi	HCM-X13-15
12	Vitamin B_{12} 1000cmg	Cyanocobalamia	Ống Lọ, chai	2ml 10, 20, 50, 100ml	Trị thiếu máu, chậm lớn	HCM-X13-17
13	Glucose 5%	Glucose	Lọ, chai	100, 250, 500ml	Bổ sung dinh dưỡng, trợ sức	HCM-X13-19
14	Vitamin B_1 2,5%	Vitamin B_1	Ống Lọ, chai	5, 10ml 10, 50, 100ml	Chống co giật, kích thích tiêu hóa	HCM-X13-20
15	Kháng sinh tổng hợp	Penicillin; Analgin; Oxytetracycline.	Gói, lon	5; 10; 50; 100; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn Gram (-), Gram (+)	HCM-X13-21
16	Cảm cúm gia súc	Paracetamol; Oxytetracycline	Gói, lon	5; 10; 50; 100; 500; 1000g	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn Gr (-), Gr (+)	HCM-X13-22
17	Colido Enro	Enrofloxacin	Gói, lon	5; 10; 50; 100; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn Gr (-), Gr (+)	HCM-X13-24
18	Scank-Lméquin	Flumequin	Gói, lon	5; 10; 50; 100; 500; 1000g	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn Gr (-), Gr (+)	HCM-X13-26
19	PT-Calci ADE vit	Tricalcium phosphat, Vitamin A, D, E	Gói, lon	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500; 1000g	Bổ sung calci và vitamin A, D, E	HCM-X13-27
20	PT-Calci ADE Bcomplex	Vitamin A, D, E, B_1, B_2, B_6, C	Gói, lon	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500; 1000g	Bổ sung vitamin nhóm B, C và A, D, E	HCM-X13-28

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
21	Bactrim-Fort	Trimethoprim, Sulfadimidin	Gói, lon	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500; 1000g	Trị các bệnh đường tiêu hóa	HCM-X13-30
22	Vitamin C-PT	Vitamin C	Gói, lon	5; 10; 20; 50; 100; 200g	Bổ sung vitamin C	HCM-X13-33
23	Cloxamox	Amoxcillin, Colistin	Gói, lon	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500; 1000g	Trị các bệnh nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa	HCM-X13-35
24	Cecolox	Cefalexin, Colistin	Gói, lon	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500; 1000g	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa	HCM-X13-36
25	Ampicillin	Ampicillin	Lọ	1g	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa	HCM-X13-37
26	Ampika	Ampicillin, Kanamycin	Lọ	1; 2; 5; 10; 20; 50g	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa	HCM-X13-38
27	PT- Cefloxco-Fort	Cefalexin, Colistin	Lọ	1; 2; 5; 10; 20; 50g	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa	HCM-X13-39
28	PT-Peloxamco	Ampicillin, Colistin	Lọ	1; 2; 5; 10; 20; 50g	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa	HCM-X13-40
29	PT-Kanapen	Streptomycin, Kanamycin	Lọ	1; 2; 5; 10; 20; 50g	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa	HCM-X13-42
30	PT-Pestrep	Penicillin, Streptomycin	Lọ	1; 2; 5; 10; 20; 50g	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa	HCM-X13-43
31	Tylo DC	Tylosin, Colistin	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa	HCM-X13-46
32	PT-Midazol	Benzimidazol, Cobalt sulfate	Gói, lon	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500; 1000g	Phòng và tẩy các loại giun, sán	HCM-X13-47
33	Tetracol	Thiamphenicol, Oxytetracyclin, Dexa	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Phòng trị các bệnh nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa	HCM-X13-48
34	T.O.D	Thiamphenicol, Oxytetracyclin, Dexamethason	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Phòng trị các bệnh nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa	HCM-X13-49

33. Công ty TNHH thương mại và sản xuất Việt Viễn (VIVCO)

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	A D_3E	Vitamin A, D_3, E	Chai Bình	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5 lít	Phòng và trị các bệnh còi cọc do thiếuvitamin A, D_3, E. Tăng sức đề kháng chống bệnh, ….	HCM-X15-123
2	Enroflox-500	Enrofloxacin base	Chai Bình	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5 lít	Trị các bệnh thương hàn, phó thương hàn, tiêu chảy phân trắng, phân xanh	HCM-X15-124
3	Cầu trùng gà	Sulfaquinoxalin, Amprolium	Chai Bình	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5 lít	Trị cầu trùng gà, tiêu chảy phân trắng, phân xanh	HCM-X15-125
4	Enro-1000	Enrofloxacin base	Chai Bình	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5 lít	Trị các bệnh thương hàn, phó thương hàn, tiêu chảy phân trắng, phân xanh	HCM-X15-126
5	Tylosin 5%	Tylosin tartrate	Ống Lọ; Chai	2; 5; 20ml 10; 20; 50ml; 100ml	Điều trị viêm phổi, viêm phế quản, nhiễm khuẩn đường ruột, CRD…	HCM-X15-24
6	Lincoject 10%	Lincomycin	Ống Lọ, chai	2; 5; 20ml 10; 20; 50ml; 100ml	Trị viêm khớp, suyễn heo, viêm phổi, viêm tử cung, viêm vú	HCM-X15-25
7	Ampiject 10%	Ampicillin trihydrate	Ống Lọ, chai	2; 5; 20ml 10; 20; 50,100ml	Trị bệnh nhiễm khuẩn gây ra bởi vi trùng nhạy cảm với ampicillin	HCM-X15-26
8	Septryl	Sulfadiazin, Trimethoprim	Ống Lọ, chai	2; 5; 20ml 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Sulphadiazinvà Trimethoprim	HCM-X15-27
9	Gendextyl	Tylosin tartrate , Gentamycin sulfate	Ống Lọ, chai	2; 5; 20ml 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm phổi, phế quản, viêm tử cung, viêm vú, tiêu chảy; bệnh đường hô hấp ở gà, vịt	HCM-X15-29

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
10	Spiraject	Spiramycin	Ống Lọ, chai	2; 5; 20ml 10; 20; 50ml, 100ml	Trị các bệnh nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với spiramycin	HCM-X15-32
11	Gentalin	Gentamycin sulfate, Lincomycin	Ống Lọ, chai	2; 5; 20ml 10; 20; 50ml; 100ml	Điều trị nhiễm khuẩn hô hấp, tiết niệu, viêm da có mủ	HCM-X15-33
12	Vivcosone	Erythromycin, Oxytetracyclin HCl	Ống Lọ, chai	2; 5; 20ml 10; 20; 50ml, 100ml	Điều trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiết niệu, sinh dục, tiêu hóa	HCM-X15-38
13	Tiacoli	Tiamulin, Colistin sulfate	Ống Lọ, chai	2; 5; 20ml 10; 20; 50ml; 100ml	Trị các bệnh viêm mũi, viêm xoang, viêm phổi, ly, tiêu chảy	HCM-X15-39
14	Analgin	Methampyrone	Ống Lọ, chai	2; 5; 20ml 10; 20; 50; 100ml	Hạ sốt, giảm đau, chống viêm, phối hợp để trị các bệnh viêm khớp, đau cơ, bong gân	HCM-X15-40
15	Bcomplex	Vitamin B_1, B_2, B_6, B_5, PP	Ống Lọ, chai	2; 5; 20ml 10; 20; 50ml; 100ml	Cung cấp vitamin nhóm B cho gia súc, gia cầm	HCM-X15-43
16	B.Cozym	Vitamin B_1, B_2, B_6, B_5, PP	Ống Lọ, chai	2; 5; 20ml 10; 20; 50ml; 100ml	Cung cấp vitamin nhóm B cho gia súc, gia cầm	HCM-X15-44
17	Ascovit 10%	Vitamin C	Ống Lọ; Chai	2; 5; 20ml 10; 20; 50ml; 100ml	Tăng sức đề kháng cho cơ thể, chống stress, chống mệt mỏi	HCM-X15-47
18	L evaject 10%	Levamisol	Ống Lọ; Chai	2; 5; 20ml 10; 20; 50ml; 100ml	Điều trị ký sinh trùng cho gia súc, gia cầm	HCM-X15-48
19	CAL-C-B_{12}	Calci gluconate, Vitamin B_{12}, C	Ống Lọ, chai	2; 5; 20ml 10; 20; 50ml; 100ml	Điều trị bệnh sốt sữa, co giật, tăng sức đề kháng	HCM-X15-49
20	Vitaljject	Vitamin A, D_3, E, B_1, B_2, B_6, B_5, PP, B_{12}	Ống Lọ; Chai	2; 5; 20ml 10; 20; 50ml; 100ml	Cung cấp vitamin nhóm B cho gia súc, gia cầm	HCM-X15-50

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
21	Coliprim	Colistin sulfate, Trimethoprim.	Ống Lọ, chai	2; 5; 20ml 10; 20; 50; 100ml	Điều trị các bệnh nhiễm trùng gây ra bởi vi khuẩn nhạy cảm với colistin và trimethoprim	HCM-X15-53
22	Terraject	Oxytetracyclin HCl (Tetramycin 10%)	Ống Lọ; Chai	2; 5; 20ml 10; 20; 50ml; 100ml	Trị tiêu chảy phân trắng	HCM-X15-92
23	Atropin sulfate	Atropin sulfate	Ống, lọ Chai	2; 5; 10; 20; 50ml 100ml	Giảm đau, điều hòa nhu động ruột	HCM-X15-93
24	Urotropin 5%,10%	Hexamethlentetramin	Ống Lọ, chai	2; 5; 20ml 10; 20; 50; 100ml	Sát trùng đường tiểu, lợi tiểu, hạ sốt, giải độc, có thể pha chung với kháng sinh	HCM-X15-94
25	Erytetra-D	Erythromycin	Ống Lọ, chai	2; 5; 20ml 10; 20; 50; 100ml	Trị thương hàn, PTH, viêm ruột, tiêu chảy phân trắng, viêm phổi, sốt bỏ ăn	HCM-X15-97
26	Sirepa B_{12}	Vitamin B_1, B_{12}, Amino acid, Sorbitol	Ống Lọ; Chai	2; 5; 20ml 10; 20; 50ml; 100ml	Kích thích tăng trọng, tăng tiết dịch tiêu hóa, lợi mật, bổ gan	HCM-X15-98
27	Bcomplex	Vitamin B_1, B_2, B_6, B_5, PP	Ống Lọ, chai	2; 5; 20ml 10; 20; 50, 100ml	Trị các bệnh còi cọc, bại liệt, phù thủng do thiếu vitamin nhóm B, kích thích tăng trọng	HCM-X15-99
28	Strichnal B_1	Strichnin sulfate, Vitamin B_1	Ống Lọ, chai	2; 5; 20ml 10; 20; 50; 100ml	Kích thích tính thèm ăn và sự vận động. Chống lại chứng suy nhược cơ thể, liệt cơ, bại liệt…	HCM-X15-100
29	Calbiron-A	Calci gluconate, B_1, B_2, B_5, B_6, PP	Ống Lọ, chai	2; 5; 20ml 10; 20; 50; 100ml	Trị các bệnh thiếu calci và vitamin nhóm B. Kích thích tăng trưởng cho gia súc, gia cầm	HCM-X15-101

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
30	Erytetrasone	Erythromycin, Dexa. Oxytetracyclin HCl	Ống Lọ; Chai	2; 5; 20ml 10; 20; 50ml,100ml	Trị THT, viêm phổi, viêm ruột, tiêu chảy, hội chứng MMA; viêm xoang, E.Coli…	HCM-X15-102
31	Levamisol 7,5%	Levamisol	Ống Lọ; chai	2; 5; 20ml 10; 20; 50, 100ml	Điều trị các loại giun tròn, giun phổi, giun tóc, giun lươn ở trâu, bò, heo	HCM-X15-103
32	Septotryl 12%	Sulfamethoxazol, Trimethoprim	Ống Lọ, chai	2; 5; 20ml 10; 20; 50ml100ml	Trị THT, viêm phổi, viêm xoang, viêm ruột, PTH, viêm đường sinh dục cho gia súc, gia cầm	HCM-X15-104
33	ADE Bcomplex	Vitamin A, D_3, E, B_1, B_2, B_5, B_6, PP	Ống Lọ, chai	2; 5; 20ml 10; 20; 50ml; 100ml	Bổ sung các vitamin thiết yếu, giảm tỷ lệ tiêu tốn thức ăn. Tăng cường sức đề kháng	HCM-X15-106
34	Calci-B_{12}	Calci gluconate, Vitamin B_{12}	Ống Lọ; Chai	2; 5; 20ml 10; 20; 50; 100ml	Phòng và trị bệnh thiếu calci, các chứng bại liệt ở gia súc, gia cầm; nâng cao sức đề kháng	HCM-X15-111
35	Cevitanagin	Vitamin C	Ống Lọ, chai	2; 5; 20ml 10; 20; 50; 100ml	Trị suy nhược cơ thể, tăng sức đề kháng chống stress do vận chuyển hoặc thay đổi thời tiết	HCM-X15-112
36	Limequin 10%	Limequin	Ống Lọ, chai	2; 5; 20ml 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa như: thương hàn, PTH, tiêu chảy phân trắng , kiết lỵ….	HCM-X15-115
37	Amino B_{12}	Amino acid, Vitamin B_{12}	Ống Lọ, chai	2; 5; 20ml 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh thiếu máu, bồi bổ cơ thể sau khi dùng kháng sinh, trị còi cọc, biếng ăn	HCM-X15-116
38	Campovit	Calci gluconate , Amino acid, Vit B_1	Ống Lọ, chai	2; 5; 20ml 10; 20; 50ml; 100ml	Trị bại liệt, sốt sữa, suy nhược cơ thể, tăng sức đề kháng	HCM-X15-114

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
39	Calci C MIN	Calci gluconate, Amino acid, Vit C	Ống Lọ,Chai	2; 5; 20ml 10; 20; 50ml; 100ml	Trị bại liệt của thú cái trước và sau khi sinh, sốt sữa, viêm vú	HCM-X15-117
40	Strichnin sulfate 0,1%	Strichnin sulfate	Ống Lọ; Chai	2; 5; 20ml 10; 20; 50ml; 100ml	Kích thích vận động sau khi sinh, chống suy nhược cơ thể, liệt cơ, bại liệt	HCM-X15-118
41	Vivdexaject	Dexamethasone	Ống Lọ, chai	2; 5; 20ml 10; 20; 50ml; 100ml	Chống dị ứng, chống stress, chống viêm,…	HCM-X15-136
42	Vitaject ade	Vitamin A, D_3, E	Ống Lọ; chai	2; 5; 20ml 10; 20; 50ml; 100ml	Bổ sung các vitamin thiết yếu, kích thích thèm ăn	HCM-X15-138
43	Amoxin	Amoxicillin (trihydrat)	Ống, lọ, chai	2; 5 ml 10; 20; 50ml; 100 ml	Điều trị các bệnh đường hô hấp do vi khuẩn nhạy cảm với Amoxicillin gây ra	HCM-X15-148
44	Tobracin	Tobramycin (sulfate)	Ống Lọ, chai	2; 5 ; 20ml 10; 20; 50; 100 ml	Điều trị các bệnh ghép đường hô hấp do vi khuẩn nhạy cảm với Tobramycin gây ra	HCM-X15- 149
45	Diflox 5%	Difloxacin (HCl)	Ống Lọ, chai	2; 5 ; 20ml 10; 20; 50; 100 ml	Phòng trị các bệnh viêm phổi, THT trên trâu, bò, chó, mèo	HCM-X15- 150
46	Marflox 2%	Marbofloxacin	Ống Chai, lọ	2,5ml 10; 20; 50; 100 ml	Điều trị các bệnh đường hô hấp trên heo, trâu, bò	HCM-X15- 154
47	Dano 2,5%	Danofloxacin	Ống Chai, lọ	2,5ml 10; 20; 50; 100 ml	Điều trị các bệnh đường hô hấp trên heo, trâu, bò	HCM-X15- 155
48	Vivcosone (new)	Florfenicol, Doxycylin, Prednisolon	Chai/lọ Ống	10; 20; 50; 100ml. 2; 5ml	Heo, trâu, bò: Trị viêm phổi, viêm teo mũi truyền nhiễm, viêm ruột chảy, đóng dấu; Gà: THT; TH, CRD, phân xanh, phân trắng	HCM-X15- 157

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
49	Kana CN	Kanamycin Neomycin; Dexa	Ống, lọ, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm ruột, hoại huyết, THT, thương hàn, bệnh do E.coli, viêm tử cung, viêm phúc mạc	HCM-X15-163
50	Enro Plus	Enrofloxacin Dexamethasone	Ống, lọ, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp do Pasteurella cho trâu, bò, lợn. Nhiễm trùng đường niệu cho chó	HCM-X15-164
51	Gentatylo Forte	Tylosin Gentamycin	Ống, lọ, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm đường hô hấp, ruột, tiết niệu, sinh dục; viêm phổi, màng phổi; THT	HCM-X15-165
52	Coliamcin-D	Ampicillin Colistin	Ống, lọ, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm vú, viêm tử cung, viêm ruột tiêu chảy, viêm phổi, THT cho Trâu, bò, dê, cừu, lợn. chó mèo, THT, thương hàn cho gia cầm	HCM-X15-166
53	Vivnorcoli	Norfloxacin Dexamethasone	Ống, lọ, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp, viêm khớp do cho trâu, bò, lợn. Nhiễm trùng niệu cho chó	HCM-X15-167
54	Tylo - DT	Tylosin Thiamphenicol Dexamethasone	Ống, lọ, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị: viêm phổi, THT cho trâu, bò. - Viêm phổi, THT, hội chứng MMA, kiết lỵ, tiêu chảy, viêm ruột cho heo, chó, dê	HCM-X15-169
55	Coliject	Colistin	Ống, lọ, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị phó thương hàn, THT, nhiễm trùng huyết do E.coli, viêm ruột, tiêu chảy ở gia súc non	HCM-X15-170
56	Gentaprim	Gentamycin sulfate	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa, sinh dục, tiết niệu trên trâu, bò, dê, cừu, chó, mèo	HCM-X15-31

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
57	Ambactryl	Tiamulin HF, Trimethoprim	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị suyễn, tiêu chảy, viêm vú, THT trên gia súc, gia cầm	HCM-X15-36
58	Ery-Sep	Erythromycin, Trimethoprim	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị hô hấp, đường ruột, viêm khớp trên trâu, bò, ngựa, heo, gia cầm	HCM-X15-37
59	Linbactryl	Lincomycin Spectinmycin	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Lincomycin và Spectinmycin trên trâu, bò, heo	HCM-X15-41
60	Spira-Cotrim	Spiramycin, Bromhexin	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị hô hấp, viêm vú, viêm tử cung, viêm khớp, viêm dạ dày ruột trên trâu, bò, lợn, gia cầm	HCM-X15-108
61	Ery- Cotrim	Erythromycin,	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp trên gia súc, gia cầm	HCM-X15-109
62	Tyloseptryl	Spectinmycin, Tylosin	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp trên bò, heo, gà, chó, mèo	HCM-X15-110

34. CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT THUỐC THÚ Y GẤU VÀNG

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Doxenro-D 100	Enrofloxacin, Dexamethasone, Bromhexine	Ống, Chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 4 l	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa, nhiễm trùng da, mô, sinh dục trên trâu, bò, ngựa, heo, dê, cừu, gà, vịt	HCM-X17-45
2	Enrocin- S	Enrofloxacin, Dexamethasone	Ống, Chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 4 l	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa, viêm khớp, viêm móng, nhiễm trùng máu trên trâu, bò, heo, gà, vịt	HCM-X17-46

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
3	Fugenta 100	Flumequin	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 4 l	Trị viêm ruột trên trên trâu, bò, heo, dê, cừu	HCM-X17-51
4	Gavenro 500	Gentamycin	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 4 l	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa, viêm phổi, viêm khớp, tiết niệu, viêm vú, viêm tử cung trên trâu, bò, heo, dê, chó, mèo, gà, vịt	HCM-X17-53
5	Ciproxin-D	Enrofloxacin, Dexamethasone acetat	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 4 l	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa, thương hàn, viêm ruột, niệu sinh dục trên trâu, bò, heo, chó, mèo, gà, vịt	HCM-X17-141
6	Calcium C.D	Calcium gluconate, Caffeine, Dexamethasone	Lọ Ống	100ml 5ml	Phòng chống thiếu calci, bại liệt, co cơ Tetanus, sốt sữa ở heo, bò, còi cọc, chậm lớn	HCM-X17-38
7	Fer 100	Iron, Carbolic acid	Lọ	50, 100ml	Phòng, trị bệnh thiếu máu của heo con, dê, cừu	HCM-X17-50
8	6 - B	Vit. nhóm B, Vit. PP, Methionine	Lọ Ống	20, 100 5ml	Tăng sức đề kháng, giúp phục hồi sức khỏe sau khi điều trị bằng kháng sinh hoặc Sufonamid	HCM-X17-32
9	Amox - Genta	Amoxicillin, Gentamicin	Lọ	50ml	Trị viêm phổi, THT, viêm vú, viêm tử cung, viêm móng ở gia súc, gia cầm	HCM-X17-33
10	Aminovit	Amino acid	Lọ, ống	20ml, 2ml	Chống suy nhược, nôn mửa, mất nước	HCM-X17-34
11	Ampi - Coli	Ampicillin, Colistin	Lọ	50ml 100ml	Trị các bệnh tiêu chảy phân trắng do E. coli, thương hàn, nhiễm trùng máu, tụ huyết trùng, viêm phổi. Viêm nhiễm đường sinh dục	HCM-X17-35

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
12	Analgin 25%	Metamizol, Na metabisulfite	Lọ, ống	100ml, 5ml	Hạ nhiệt, giảm đau cho heo, dê, cừu, trâu, bò	HCM-X17-36
13	Atropin 50	Atropin	Lọ	50ml	Chống co thắt ruột, tử cung, dãn khí quản. Chống tiết dịch vị, dịch đường hô hấp	HCM-X17-37
14	Colim - D	Trimethoprim, Colistin, Dexamethasone	Lọ	50ml	Diệt khuẩn Gram-, Gram+, tiêu chảy do E. coli, thường hàn, THT, viêm phổi, viêm ruột	HCM-X17-39
15	D. E. C 100	Erythromycin, Thiamphenicol, Dexamethasone.	Lọ	50ml	Trị viêm phổi, viêm thanh khí quản, viêm móng, tiêu chảy, viêm vú, nhiễm trùng sinh dục, đóng dấu, THT, CRD, tiêu chảy	HCM-X17-41
16	Dexagen 10	Dexamethasone	Lọ; Ống	20ml; 5ml	Trị các bệnh viêm nhiễm và dị ứng. Viêm khớp, bệnh ngoài da	HCM-X17-42
17	Dimeflox 120	5.7 - Diiodo - 8 - Hydroxyquinoline, Norfloxacin.	Lọ Ống	100ml 2ml	Trị viêm ruột tiêu chảy do E.coli, do Salmonella spp. và Clostridium spp. Viêm ruột xuất huyết (Hồng lỵ) do Treponema	HCM-X17-44
18	Enroflox 250	Enrofloxacin	Lọ	10, 100ml	Trị các bệnh nhiễm trùng do Gram-, Gram+, kể cả Mycoplasma cho gia súc, gia cầm	HCM-X17-47
19	Enroflox 500	Enrofloxacin	Lọ	10ml, 50ml	Trị các bệnh viêm ruột, tiêu chảy do E. coli, thương hàn, THT, viêm phổi… CRD, CCRD	HCM-X17-48
20	Genta plus	Sulphadimidine	Lọ	20; 50; 100ml	Trị các bệnh thối móng, biến chứng viêm phổi, tiêu chảy, cầu trùng gà	HCM-X17-52

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
21	Genta-Tylo D	Gentamicin, Tylosin, Dexamethasone	Ống	50ml	Điều trị CRD, viêm phổi, tụ huyết trùng, viêm ruột, tiêu chảy do E. coli, Salmonella spp	HCM-X17-54
22	Kích Sữa	Vit. A, nhóm B, Khoáng, Amino acid	Lọ	10ml	Tăng sản lượng sữa trong thời kỳ cho con bú. Hỗ trợ với kháng sinh để trị hội chứng MMA	HCM-X17-56
23	Levasole 100	Levamisole	Lọ	100ml	Bệnh giun đũa, giun bao tử, giun kim, giun kết hạt, giun phổi và các loại giun tròn khác	HCM-X17-57
24	Mutinco 55	Tiamulin, Colistin, Bromhexine	Lọ	10, 50ml	Trị các chứng viêm phổi, nhiễm trùng đường ruột, tiêu chảy có máu, tụ huyến trùng, CRD, CCRD cho heo, trâu, bò, dê, cừu	HCM-X17-59
25	Norflox 500	Norfloxacin, Bromhexine	Lọ	10, 100ml	Trị nhiễm trùng do Gr(-), Gr(+) kể cả Mycoplasma ở gia súc, gia cầm	HCM-X17-60
26	O. C. D	Oxytetracycline, Thiamphenicol, Dexa.	Lọ	20, 100ml	Trị các chứng nhiễm trùng cục bộ hoặc toàn thân do nhiễm trùng Gram- và Gram+	HCM-X17-63
27	Septicemie	Urotropine, Glucose	Lọ	100ml	Sát trùng tiết niệu, đường ruột, đường mật và giải nhiệt cho gia súc	HCM-X17-66
28	Septotrin 24%	Sulfamethoxypyri-dazine, Trimethoprim	Lọ	100ml	Trị các chứng nhiễm trùng của gia súc: đường hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu. Nhiễm trùng máu	HCM-X17-67
29	Strychnine B_1	Strychnine, Vit. B_1	Lọ	50ml	Trị các chứng biếng ăn, suy nhược cơ thể, kích thích hệ thần kinh não tủy	HCM-X17-68

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
30	Vitamin ADE +B.Complex C	Vit A, D_3, E Nhóm B, C	Lọ	20 ml 100ml	Phòng và chống bệnh thiếu vitamin, A, D, E và nhóm B	HCM-X17-70
31	Vitamin B_1 10%	Vit. B_1	Lọ	10, 100ml	Bệnh thiếu vitamin B_1, biếng ăn, tiêu hóa kém, viêm da ở heo, chó, mèo, ngựa, gia cầm	HCM-X17-71
32	Vitamin B_{12}	Vitamin B_{12}	Lọ	10, 50ml	Tăng sức sinh trưởng của động vật. Phục hồi sự mất máu, còi cọc, chậm lớn, cơ thể suy nhược	HCM-X17-72
33	Vitamin C 1000	Ascorbic acid	Lọ, ống	20, 100ml, 5ml	Phòng và trị các bệnh thiếu vitamin C, Scorbut	HCM-X17-73
34	Vitamin E 50	Vit E acetae	Ống Lọ	10ml 50ml	Phòng và chống bệnh thiếu vitamin E. Trị chứng nhũn não, loạn dưỡng cơ	HCM-X17-74
35	Linconet 120	Lincomycin, Netromycin	Lọ	5ml; 50ml	Trị các chứng nhiễm khuẩn Gram-, Gram+, Mycoplasma cho các loài gia súc, gia cầm	HCM-X17-92
36	Gavacin D 10%	Enrofloxacin, Dexamethasone	Lọ	100ml	Trị CRD, thương hàn, THT, viêm teo xương mũi truyền nhiễm, viêm phổi, tiêu chảy …	HCM-X17-109
37	Gavacoc ’ S	Sulfaquinoxaline, Pyrimethamine	Lọ	100ml	Trị cầu trùng do Eimeria tenella, E. acervulina, E. necatrix, E. maxima	HCM-X17-110
38	Gavasal	Carnitine, Amino acid, B. Complex	Ống Lọ	2ml 20ml	Tăng cường sức đề kháng, chống suy nhược, tiêu chảy gây mất nước	HCM-X17-111
39	Amox 15% LA	Amoxicillin	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1lít	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với amoxicillin ở trâu, bò, dê, cừu, lợn, chó mèo	HCM-X17-156

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
40	Danocin	Danofloxacin	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1lít	Trị bệnh đường hô hấp do Pasteurella, E.coli gây ra ở trâu bò; bệnh do Pasteurella, Actinobacillus ở lợn	HCM-X17-157
41	Gamarcin	Marbofloxacin	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1lít	Trị viêm đường hô hấp do Pasteurella spp., Mycoplasma spp gây ra ở trâu bò; Hội chứng viêm vú.	HCM-X17-158
42	Gavafer	Ammonium ferrous citrate, Vitamin B_1, B_{12}, PP, Cobalt, Cu	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1lít	Phòng và trị bệnh thiếu máu ở heo con, dê và cừu; bổ sung vitamin, khoáng, tăng cường sức đề kháng cho vật nuôi	HCM-X17-160
43	Gavabio	Ampicillin, Colistin	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 5; 100; 250; 500ml; 1lít	Trị viêm dạ dày, ruột, đường hô hấp do vi khuẩn nhạy cảm với Ampicillin và Colistin	HCM-X17-159
44	Gavaflor	Florphenicol	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1lít	Điều trị các bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Florphenicol	HCM-X17-161
45	Pen-Strep 20/20	Procain benzyl penicillin, Dihydro streptomycin	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1lít	Trị viêm nhiễm gây ra bởi các vi khuẩn nhạy cảm với Penicillin và Streptomycin ở trâu, bò, dê, cừu và lợn	HCM-X17-162
46	Tylo-DT	Tylosin, Thiamphenicol, Dexamethasone	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l.	Trị bệnh đường hô hấp, sinh dục, tiêu hóa và lở loét ngoài da trên trâu, bò, heo, dê, cừu	HCM-X17-40
47	Spira-D	Spiramycin, Dexamethasone	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l.	Trị bệnh đường hô hấp, sinh dục trên trâu, bò, heo, chó, mèo, gà vịt	HCM-X17-49
48	Doxenro-CD	Doxycyclin, Dexathasone, Bromhexin	Chai	10; 100; 250ml	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa, sinh dục trên ttrâu, bò, heo, dê, cừu, gà, vịt	HCM-X17-76

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
49	Saracin	Sarafloxacin	Ống, chai	2; 5; 0; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Trị bệnh đường hô hấp trên heo, gà, vịt	HCM-X17-164
50	Wincoc'405	Toltrazuril	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Phòng, trị bệnh cầu trùng trên heo con	HCM-X17-165
51	Gava Dano 808	Danofloxacin	Ống Chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 250ml	Trị bệnh đường hô hấp do Pasteurella, E.coli trên trâu bò, lợn: viêm mũi, phổi, khí quản, viêm teo mũi truyền nhiễm, CRD	HCM-X17-166
52	Viêm phổi 820	Tylosin	Chai	10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 4L	Trị viêm phổi, màng phổi, viêm tử cung trên bò, dê, cừu; Trị viêm phổi địa phương, ho, viêm tử cung trên lợn	HCM-X17-167
53	Viêm ruột 130	Gentamycin	Chai	10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 4L	Trị nhiễm khuẩn đường ruột do E.coli, Salmonella; bệnh THT cho lợn; bệnh viêm phổi cho trâu, bò, dê, cừu	HCM-X17-169
54	Cipro 50A	Enrofloxacin	Ống Chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm phổi lợn, CRD, nhiễm trùng đường tiêu hóa do E.coli, thương hàn cho lợn, gà, vịt, chim cút	HCM-X17-170
55	Oxacin's 999	Danofloxacin	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 250ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, viêm ruột trên trâu, bò, heo	HCM-X17-171
56	Vitamin AD3E	Vitamin A, D, E	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 250ml	Phòng và trị do thiếu Vitamin A, D, E trên trâu, bò, ngựa, heo, dê, cừu	HCM-X17-172
57	Gava Cefti 500	Ceftiofur	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 250ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên trâu, bò, heo	HCM-X17-173

35. CÔNG TY TNHH TM-SX THUỐC THÚ Y SONG VÂN

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Fe - Dextran B_{12}	Fe - Dextran Vitamin B_{12}	Ống Lọ	5ml 5, 50, 100ml	Thuốc tăng cường trao đổi chất, bổ sung sắt, điều trị thiếu máu	HMC-X18-10
2	Gentamycin sulfat	Gentamycin sulfat	Ống Lọ	2; 5ml 5, 50, 100ml	Điều trị viêm vú, viêm tử cung, viêm tai, viêm phổi, tiêu chảy	HMC-X18-11
3	Tiamulin 10%	Tiamulin HF	Ống, lọ	5, 50, 100ml	Trị CRD, viêm khớp, viêm vú, tiêu chảy	HMC-X18-12
4	Tia - prim	Tiamulin HF Trimethoprim	Ống Lọ	5ml 50, 100ml	Điều trị suyễn, cúm, tiêu chảy, CRD, viêm khớp, THT	HCM-X18-13
5	Vitamin C 10%	Vitamin C	Ống, lọ	5ml, 50,100ml	Trị thiếu Vit C, tăng cường sức đề kháng	HMC-X18-14
6	Eucamphor	Eucaliptol, Camphor	Ống Lọ, chai	5, 10 ml 5, 10; 20; 50; 100ml	Thuốc kích thích hô hấp, vận mạch, giảm ho, long đờm	HCM-X18-26
7	SV - Colimycin	Colistin	Ống, lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa, THT	HCM-X18-42
8	Cefotaxim	Cefotaxim	Lọ	5, 10, 20, 50, 100ml	Trị viêm phổi, phế quản, suyễn, sổ mũi, THT	HCM-X18-44
9	Erytason^{SV}	Erythromycin, Trimethoprim	Ống, lọ	10ml. 10; 20; 50; 100ml	Điều trị viêm phổi, phế quản, CRD, một số bệnh tiêu chảy, phân trắng, tụ huyết trùng	HCM-X18-45
10	Herogen^{SV}	Gentamycin, Analgin, Chlorpheniramin	Ống, lọ	10ml. 10; 20; 50; 100ml	Số cao, cảm cúm,viêm phổi, viêm vú, tiêu chảy, thương hàn	HCM-X18-47
11	Flumesol	Flumequin	Lọ	100, 200, 250, 500ml	Trị nhiễm trùng ruột gây tiêu chảy, thương hàn, phó thương hàn, THT	HCM-X18-52

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
12	Neomycin	Neomycin, Dexamethason	Chai	10, 20ml	Điều trị các nhiễm trùng về mắt: viêm màng cứng, viêm kết mạc, loét bờ mi	HCM-X18-54
13	Vitamin A, D, E	Vitamin A, D, E	Lọ, chai	10, 20, 50, 100ml	Điều trị thiếu A, D, E, còi cọc	HCM-X18-56
14	Achodin	Atropin	Ống lọ, chai	5, 10, 20ml 10, 20, 100ml	Chống co thắt, cắt cơn hen phế quản, giải độc thuốc trừ sâu	HCM-X18-57
15	Stanin	Strychnin	Ống lọ, chai	5, 10, 20ml 10, 20, 100ml	Kích thích hô hấp, vận mạch, giải chất độc thần kinh	HCM-X18-58
16	Bamin-Bổ tiêm	Vitamin B_1, B_2, B_6	Ống lọ, chai	5, 10, 20ml 10, 20, 100ml	Kích thích tiêu hóa, trị bại liệt, phù thũng do thiếu vitamin B_1, B_2, B_6	HCM-X18-59
17	Pilocarpin	Pilocarpin	Ống lọ, chai	5, 10, 20ml 10, 20, 100ml	Tăng tiết dịch, tăng nhu động ruột, chống phù, liệt ruột, liệt bọng đái	HCM-X18-60
18	Biotin	Biotin	Ống	2ml	Phòng và trị các bệnh về lông, móng, vết nứt, loét móng và da hóa sừng	HCM-X18-61
19	Secotex	Trimethoprim, Sulfamethoxazol	Lọ	10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1 lít	Điều trị các bệnh đường hô hấp, tiêu hóa, sinh dục, viêm khớp, viêm vú	HCM-X18-65
20	Tylosin 20%	Tylosin	Chai, ống	10; 20; 50; 100ml 2; 5; 10ml	Trị bệnh gây ra bởi vi khuẩn nhạy cảm với Tylosin trên gia súc, gia cầm	HCM-X18- 66
21	Tysonicol	Tylosin tartrate, Thiamphenicol, Prednis	Chai, ống	10; 20; 50; 100ml 2; 5; 10ml	Điều trị các bệnh gây ra bởi các vi khuẩn nhạy cảm với Tylosin và Thiamphenicol	HCM-X18- 67
22	D.O.C-Typholong	Oxytetracyclin, Thiamphenicol, Dexamethason.	Chai, ống	10; 20; 50; 100ml 2; 5; 10ml	Trị bệnh gây ra bởi vi khuẩn nhạy cảm với Oxytetracyclin và Thiamphenicol trên gia súc, gia cầm	HCM-X18- 68

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
23	Isova	Ivermectin	Lọ, ống	10; 20; 50; 100ml 2; 5; 10ml	Trị các bệnh nội ngoại ký sinh trùng như: Giun đũa, giun phổi, giun thận	HCM-X18-69
24	Hisanti	Chlorpheniramin	Lọ, ống	10; 20; 50; 100ml 2; 5; 10ml	Trị viêm mũi dị ứng, viêm kết mạc, dị ứng da, nổi mề đay, phù mạch	HMC-X18-70
25	Sovatril SV	Enrofloxacin	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị các bệnh đường hô hấp, khớp, nhiễm trùng tiết niệu trên trâu, bò, heo, chó	HCM-X18-03
26	Enrova SV	Enrofloxacin	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị các bệnh đường hô hấp, khớp, nhiễm trùng tiết niệu trên trâu, bò, heo, chó	HCM-X18-04
27	Oxyteta 10%	Oxytetracyclin	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị các bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Oxytetracyclin gây ra trên trâu, bò, ngựa, heo, cừu, dê, gia cầm, thỏ	HCM-X18-06
28	Linpectino	Lincomycin, Spectinomycin	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Điều trị các bệnh đường hô hấp, viêm ruột trên bê, heo, dê, cừu, chó, mèo, gia cầm	HCM-X18-27
29	Flonicol- SV	Florfenicol	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng hô hấp trên trâu, bò, heo	HCM-X18-29
30	Anazin- C	Analgin, Vitamin C	Ống, chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Giảm sốt, chống Stress, giảm đau trên trâu, bò, dê, cừu	HCM-X18-73
31	Dexazin	Analgin, Dexamethasone	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Kháng viêm kết hợp hạ sốt trong các bệnh truyền nhiễm trên gia súc	HCM-X18-74
32	Dexavet	Dexamethasone sodium phosphate	Ống, chai	2; 5; 10; 20ml	Trị Shock, viêm, dị ứng trên trâu, bò, ngựa, dê, cừu, heo, chó, mèo	HCM-X18-75
33	Flonicol 30%- SV	Florfenicol	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn hô hấp trên trâu, bò, heo	HCM-X18-78

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
34	Amcoly-Jec	Amoxycilline, Colistin	Lọ	10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Trị nhiễm khuẩn hô hấp, dạ dày ruột, niệu sinh dục trên trâu, bò, heo	HCM-X18-79
35	SV-Amoxy	Amoxycilline	Lọ	10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Amox trên trâu, bò, cừu, heo, chó, mèo	HCM-X18-81
36	Ampicillin	Ampicillin	Chai	10ml	Trị nhiễm trùng do các vi khuẩn nhạy cảm với Ampicillin trên bò, lợn, cừu, gia cầm	HCM-X18-86
37	Flodoxy-SV	Florfenicol, Doxycyclin	Chai, ống	2; 5; 10; 20; 50; 100ml.	Trị thương hàn, viêm phổi, viêm tử cung, viêm vú, viêm khớp, sưng phù đầu trên trâu, bò, heo, dê, cừu	HCM-X18-87
38	Butasal	Butaphosphan, Vitamin B_{12}	Chai, ống	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị rối loạn chuyển hóa, trao đổi chất, dinh dưỡng kém chậm phát triển ở gia súc non	HCM-X18-88

36. CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT THUỐC THÚ Y ANPHA

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Marbocin	Marbofloxacin	Chai	10; 20; 50; 100; 250ml	Trị bệnh đường hô hấp trên trâu, bò, heo	HCM-X19-109
2	ADE-B_{12}	Vitamin A, D, E, B_{12}	Lọ	10-20-100-250ml	Bổ sung Vitamin	HCM-X19-50
3	Cầu trùng gà	Sulfaquinoxalin, Amprolium	Lọ	10-20-100-250ml	Trị các bệnh cầu trùng ở gia cầm và thỏ	HCM-X19-51
4	Enro-Oral	Enrofloxacin, Dexamethasone	Lọ	10-20-100-250ml	Điều trị bệnh nhiễm khuẩn E.coli, thương hàn, MMA…	HCM-X19-52

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
5	Nor-Oral	Norfloxacin	Lọ	10-20-100-250ml	Điều trị các bệnh nhiễm khuẩn mẫn cảm với Norfloxacin	HCM-X19-53
6	Pectin	Spectinomicin	Lọ	10-20-100-250ml	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa	HCM-X19-54
7	3B	Vit B_1, B_6, B_{12}	Chai, lọ	10-20-50-100, 250ml	Bổ sung Vitamin	HCM-X19-55
8	ADE-Bcomplex	Vit B_1, B_6, B_{12}	Chai, lọ	10-20-50-100, 250ml	Bổ sung Vitamin	HCM-X19-56
9	ADE	VitA, D, E.	Chai, lọ	10-20-50-100, 250ml	Bổ sung Vitamin	HCM-X19-57
10	Analgin 30%	Analgin	Chai, lọ	10, 20, 50, 100, 250ml	Giảm đau, hạ sốt	HCM-X19-64
11	Analgin-C	Analgin, Vit C	Chai, lọ	10, 20, 50, 100, 250ml	Giảm đau, hạ sốt	HCM-X19-65
12	Atropin	Atropin sulfate	Chai, lọ	10-20-50-100-250ml	Chống co thắt cơ trơn, giải độc & trị tiêu chảy	HCM-X19-66
13	B.Complex	Vit B_1, B_6, B_{12}, PP, B_2, B_5	Chai, lọ	10-20-50-100-50ml	Bổ sung Vitamin	HCM-X19-67
14	Brotylan 100	Tylosin, Bromhexin	Chai, lọ	10, 20, 50, 100, 250ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp	HCM-X19-69
15	Brotylan 50	Tylosin, Bromhexin	Chai, lọ	10, 20, 50, 100, 250ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp	HCM-X19-70
16	Dexa-Ject	Dexamethasone	Chai, lọ	10, 20, 50, 100, 250ml	Kháng viêm	HCM-X19-73
17	Enrodex	Enrofloxacin, Dexamethasone	Chai, lọ	10-20-50-100-250ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa	HCM-X19-74
18	Fer-B_{12} Complex	Iron-Dextran,Vitamin B_6, B_{12}	Chai, lọ	10-20-50-100-250ml	Bổ sung sắt và Vitamin cho gia súc, gia cầm	HCM-X19-76
19	Fer-dextran	Iron-Dextran	Chai, lọ	10-20-50-100-250ml	Bổ sung sắt, ngừa bệnh phân trắng ở heo con	HCM-X19-77

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
20	Genta-Ject 40	Gentamycin	Chai, lọ	10-20-50-100-250ml	Kháng sinh phòng trị bệnh đường hô hấp và tiêu hóa	HCM-X19-79
21	Gentylo-D	Gentamycin, Tylosin, Dexamethason	Chai, lọ	10-20-50-100-250ml	Phòng trị bệnh đường hô hấp và tiêu hóa	HCM-X19-80
22	Kanadecin 10%	Kanamycin, Dexa	Chai, lọ	10-20-50-100-250ml	trị bệnh đường hô hấp và tiêu hóa	HCM-X19-81
23	Levamisol 7,5%	Levamisol	Chai, lọ	10-20-50-100-50ml	Tẩy giun sán	HCM-X19-82
24	Nor-Ject 10%	Norfloxacin	Chai, lọ	10-20-50-100-250ml	Trị những bệnh nhiễm khuẩn đường hô hấp và tiêu hóa	HCM-X19-85
25	Septotryl 12%	Sulfadimidin, Trimethoprim	Chai, lọ	10-20-50-100-250ml	Trị bệnh nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu	HCM-X19-87
26	Strychni-B_1	Strychnin, B_1	Chai, lọ	10-20-50-100-250ml	Kích thích tiêu hóa; cường cơ, trị chứng bại liệt ở gia súc	HCM-X19-89
27	Tetracin-D	Tetracylin, Dexamethasone	Chai, lọ	10-20-50-100-250ml	Trị các bệnh nhiễm khuẩn Gram(-) và Gram(+)	HCM-X19-90
28	Tiadox	Tiamulin, Doxycylin	Chai, lọ	10-20-50-100-250ml	Trị bệnh nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu	HCM-X19-91
29	Tia-Ject 10%	Tiamulin	Chai, lọ	10-20-50-100-250ml	Trị các bệnh nhiễm khuẩn mẫn cảm với Tiamulin	HCM-X19-92
30	Vitamin B Complex	Vit B_1, B_2, B_5, B_6 , B_{12}	Chai, lọ	10-20-50-100-250ml	Bổ sung Vitamin, chống suy nhược cơ thể, giúp hồi phục nhanh sau khi bệnh	HCM-X19-96
31	Vitamin B_1	Vit B_1	Chai, lọ	10, 20, 50, 100, 250ml	Bổ sung Vitamin B_1	HCM-X19-97
32	Vitamin B_{12}	Vit B_{12}	Chai, lọ	10, 20, 50, 100, 250ml	Bổ sung Vitamin B_{12}	HCM-X19-98

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
33	Vitamin C 10%	Vit C	Chai, lọ	10, 20, 50, 100, 250ml	Tăng cường sức đề kháng	HCM-X19-99
34	Vitamin K	Vit K	Chai, lọ	10-20-50-100-250ml	Cầm máu, chống xuất huyết khi phẫu thuật, hoặc bị bệnh đỏ	HCM-X19-100
35	Altylo-P.C	Tylosin tartrate, Thiamphenicol, Prednisoone	Chai	10; 20; 50; 100; 250ml	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu trên trâu, bò, dê, cừu, heo	HCM-X19-07
36	Enrocoligen	Enrofloxacin	Chai	10; 20; 50; 100; 250ml	Trị viêm phổi, THT, thương hàn, viêm đường tiết niệu, viêm tử cung, viêm vú trên trâu, bò, heo	HCM-X19-08
37	Norcoli-D	Norfloxacin	Chai	10; 20; 50; 100; 250ml	Trị viêm ruột, tiêu chảy, THT, thương hàn, viêm tử cung, viêm đường tiết niệu trên trâu, bò, heo, gà, vịt	HCM-X19-10
38	Alphasone D.O.T	Thiamphenicol, Oxytetracyclin HCl, Dexamethasone	Chai	10; 20; 50; 100; 250ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, viêm ruột, tiêu chảy, thương hàn, viêm khớp trên trâu, bò, heo, dê, cừu, gà, vịt	HCM-X19-12

37. CÔNG TY TNHH TM & SX THUỐC THÚ Y NAPHA

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Nabusal 10%	1- (butylamino)-1 methylethyl- phosphoric acid, Vit B_{12}.	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5l	Phòng, trị rối loạn chuyển hóa dinh dưỡng kém, chậm phát triển trên trâu, bò, lợn, dê, cừu, gia cầm	HCM-X24-12

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
2	NP-Enroflox 5%	Enrofloxacine	Lọ	10; 20; 50; 100 ml	Viêm phổi, phế quản, tụ huyết trùng, tiêu chảy, CRD	HCM-X24-23
3	NP-Vit C 2000	Acid Ascorbic	Lọ	10; 20; 50; 100 ml	Tăng đề kháng, chống stress	HCM-X24-24
4	NP-Norflox 10%	Norfloxacin	Lọ	10; 20; 50; 100 ml	Trị chứng nhiễm trùng do Gr (-), Gr (+) và Mycoplasma	HCM-X24-25
5	NP-Biseptol 240	Sulfamerazine, Trimethoprim	Lọ	10; 20; 50; 100 ml	Trị nhiễm trùng hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu, phù thũng	HCM-X24-26
6	NP-Polyvit-Forte	Vit A, D_3, E, B_1, B_2, B_6, PP	Lọ	10; 20; 50; 100 ml	Bổ sung vitamin	HCM-X24-27
7	NP-Polyvit B	Vitamin B_1, B_2, B_6, B_{12}, Nicotinamide, D-pathenol	Lọ	10; 20; 50; 100 ml	Bổ sung vitamin Nhóm B	HCM-X24-28
8	NP-Norfolx 10%	Norfloxacin	Lọ	10; 20; 50; 100; 500; 1000ml	Trị nhiễm trùng do Gr (-), Gr(+) và Mycoplasma	HCM-X24-29
9	NP-Enroflox 10%	Enrofloxacin	Lọ	10; 20; 50; 100; 500; 1000ml	Trị viêm phổi, phế quản, THT, tiêu chảy, CRD	HCM-X24-30
10	NP-Tiacolistin	Tiamulin, Colistin sulfate	Lọ	10; 20; 50; 100; 250; 500; 1000 ml	Trị CRD, viêm xoang mũi truyền nhiễm, xoắn khuẩn; viêm phổi do Mycoplasma, viêm khớp ở gia cầm	HCM-X24-45
11	Ggenta-Coliflox	Gentamycin sulfate, Colistin sulfate, Dexamethasone	Lọ	10; 20; 50; 100; 250; 500; 1000 ml	Trị CRD, viêm ruột, E. coli, viêm rốn, phân xanh-phân trắng, sưng đầu vịt, THT, thương hàn, viêm xoang mũi	HCM-X24-47
12	Dexamethasone 0,1%	Dexamethasone	Lọ	10; 20; 50; 100; 250; 500; 1000 ml	Chống viêm và chống dị ứng; Dùng kết hợp với kháng sinh trong điều trị	HCM-X24-48

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
13	NP-Amox-Colis	Amoxicillin sodium, Colistin sulfate	Lọ	10; 20; 50; 100; 250; 500; 1000 ml	Trị viêm phổi, viêm khí quản, suyễn, viêm khớp, nhiễm trùng máu, hô hấp, viêm ruột tiêu chảy, bệnh do E.coli	HCM-X24-49
14	NP-Ampi-Colis	Ampicillin trihydrate Colistin sulfate	Lọ	10; 20; 50; 100; 250; 500; 1000 ml	Trị THT, phân trắng, hồng lỵ, thương hàn, phó thương hàn, viêm phổi, viêm dạ dày, ruột, ỉa chảy do E.coli và Salmonella, CRD ở gia súc, gia cầm	HCM-X24-50
15	NP-Analgin-C	Analgin, Vitamin C	Lọ	10; 20; 50; 100; 250; 500; 1000 ml	Hạ sốt, giảm đau và tăng sức đề kháng của thú	HCM-X24-51
16	NP-Atropin sulfate 0,05%	Atropine sulfate	Lọ	10; 20; 50; 100; 250; 500; 1000ml	Trị co thắt ruột, tiêu chảy nặng, co thắt khí - phế quản, phù thũng phổi, giảm đau - tiền mê trong phẫu thuật, giải độc	HCM-X24-52
17	NP-Calcium + B_{12}	Calcium sluconate, Vitamin B_{12}	Lọ	10; 20; 50; 100; 250; 500; 1000ml	Trị các chứng sốt sữa, co giật, bại liệt, thú bị còi cọc, thiếu máu, chậm lớn	HCM-X24-53
18	NP-Belcotin-S Colistine Sulfate 2%	Colistine sulfate	Lọ	10; 20; 50; 100; 250; 500; 1000 ml	Trị viêm ruột tiêu chảy, viêm dạ dày ruột, phù thủng, viêm thận, vú, tử cung, viêm đa khớp, viêm phổi	HCM-X24-55
19	NP-Gentamycine Sulfate 4%	Gentamycine sulfate	Lọ	10; 20; 50; 100; 250; 500; 1000ml	Trị viêm vú, viêm tử cung, viêm phổi ở gia súc, nhiễm trùng huyết, tiêu chảy	HCM-X24-56
20	NP-Linco 10%	Lincomycine HCl	Lọ	10; 20; 50; 100; 250; 500; 1000ml	Trị thương hàn, viêm phổi, viêm khớp nhiễm trùng hô hấp, máu, sinh dục	HCM-X24-57

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
21	NP-Levasol Levamisol HCl 7,5%	Levamisol HCl	Lọ	10; 20; 50; 100; 250; 500; 1000 ml	Trị sán giun trên gia súc, gia cầm	HCM-X24-58
22	NP-Oxytetra 10%	Oxytetracyclin	Lọ	10; 20; 50; 100; 250; 500; 1000 ml	Điều trị các bệnh nhiễm khuẩn ở gia súc, gia cầm	HCM-X24-59
23	NP-D.O.C SONE	Thiamphenicol Oxytetracyclin HCl Dexamethasone	Lọ	10; 20; 50; 100; 250; 500; 1000 ml	Trị viêm ruột, tiêu chảy, phân trắng, PTH, THT, viêm phổi, viêm tử cung, viêm vú, viêm khớp, thối móng	HCM-X24-60
24	NP-Tylosin 100	Tylosin tatrate	Lọ	10; 20; 50; 100; 500; 1000ml	Trị CRD, CCRD, viêm xoang mũi truyền nhiễm; viêm ruột, viêm vú, lepto	HCM-X24-62
25	NP-Analgin 25%	Analgin	Lọ	10; 20; 50; 100; 500; 1000ml	Hạ sốt, giảm đau và tăng sức đề kháng của thú trong các bệnh nhiễm trùng	HCM-X24-65
26	Vitamin B_{12}	Vitamin B_{12}	Lọ	10; 20; 50; 100; 500; 1000ml	Phòng và trị bệnh thiếu máu do thiếu vitamin B_{12}	HCM-X24-66
27	NP-Vit C 1000	Vitamin C	Lọ	10; 20; 50; 100; 500; 1000ml	Phòng,trị thiếu máu do thiếu vit C, tăng sức đề kháng, chống stress	HCM-X24-67
28	NP- Ivermectin	Ivermectin	Ống Lọ, chai	2ml 5; 10; 20; 50; 100; 500; 1000ml	Phòng và trị bệnh nội, ngoại ký sinh trùng ở trâu, bò và lợn	HCM-X24-68
29	NP-Rovam 2000	Spiramycin, Colistin sulphate	Chai	10; 20; 50; 100ml	Phòng và trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Spiramycin và Colistin	HCM-X24-69
30	NP-Kalis	Kanamycin sulfate, Colistin sulfate	Ống, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị nhiễm trùng máu, tiêu hóa, hô hấp, tiết niệu - sinh dục trên trâu, bò, lợn con, chó, mèo	HCM-X24-01

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
31	NP- Diatop	Neomycin sulfate, Colistin sulfate	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 5l	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa trên bê, nghé, cừu, dê, lợn, thỏ, gia cầm, cút	HCM-X24-03
32	NP- Linspec	Spectinomycin HCl, Lincomycin HCl	Ống, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị nhiễm trùng máu, tiêu hóa, hô hấp, tiết niệu - sinh dục trên bê, nghé, cừu, dê, lợn, thỏ, gà, vịt, chó, mèo	HCM-X24-05
33	NP- Sone	Oxytetracyclin HCl, Colistin sulfate, Dexamethasone	Ống, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị các bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Oxytetracyclin, Colistin gây ra trên trâu, bò, lợn, dê, cừu, chó, mèo	HCM-X24-15
34	NP- Rolin	Oxytetracyclin HCl, Tylosin tartrate	Ống, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị viêm phổi, viêm khớp, hô hấp mãn tính, viêm vú, viêm tử cung trên trâu, bò, lợn, dê, cừu	HCM-X24-17
35	NP- Norcotin	Norfloxacin HCl	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml.	Trị bệnh đường hô hấp trên trâu, bò, lợn. Nhiễm trùng đường niệu trên chó	HCM-X24-44
36	Eco-500	Enrofloxacin HCl	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml.	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, khớp, đường tiết niệu trên trâu, bò, lợn, chó	HCM-X24-54
37	Broncho inject	Bromhexin HCl	Ống, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5l	Dịu ho, làm lỏng dịch nhày phế quản và làm dễ bài xuất đờm	HCM-X24-18
38	NP- B.Complex	Vitamin B_1, B_2, B_6, Nicotinamide,	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5l	Phòng, trị bệnh do thiếu Vitamin nhóm B trên trâu, bò, ngựa, heo, dê, cừu	HCM-X24-34
39	Vitamin AD_3E	Vitamin A, D_3, E	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5l	Phòng và trị bệnh do thiếu Vitamin, trên trâu, bò, ngựa, heo, dê, cừu, chó	HCM-X24-61
40	NP-Marbocin	Marbofloxacine	Chai	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp trên trâu, bò, lợn	HCM-X24-31

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
41	Naflor L.A	Florphenicol	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5 lít	Trị bệnh đường tiêu hóa và hô hấp trên heo	HCM-X24-75
42	Nacosin	Tilmicosin (as phosphate)	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5 lít	Trị bệnh đường hô hấp trên trâu, bò, heo, gia cầm	HCM-X24-76

38. CÔNG TY TNHH KINH DOANH THUỐC THÚ Y MINH NGÂN

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Glucose 5%	Glucose	Lọ, chai	100, 500ml	Tăng cường sức khỏe cho thú bệnh, bổ sung năng lượng hoạt động	MNV-12
2	Analgin	Natri metamisole	Ống Lọ, chai	2, 5ml 20, 50, 100ml	Giảm sốt, giảm đau, phối hợp với kháng sinh để điều trị bệnh cho gia súc, gia cầm	MNV-13
3	Vitamin C 500	Vitamin C	Ống, lọ	5, 20, 50, 100ml	Tăng cường sức đề kháng của cơ thể; Phòng chống Stress	MNV-14
4	Vitamin B_{12}	Cyanocobalamin	Ống Lọ	2, 5, 10ml 20, 50, 100ml	Phòng và trị bệnh thiếu máu của gia súc, gia cầm do thiếu vitamin B_{12}, suy dinh dưỡng	MNV-15
5	Inject B Complex	Vitamin B_1, B_2, B_5, B_6, PP	Ống Lọ	2, 5ml 20, 50, 100ml	Phòng và trị bệnh suy nhược cơ thể, kém ăn phục hồi sức khỏe; Chống Stress	MNV-16
6	Levamisole	Levamisole HCl	Gói	2, 20, 100g	Chuyên trị các loại giun đường hô hấp và đường tiêu hóa ở gia súc, gia cầm	MNV-17
7	Levamisole	Levamisole HCl	Ống Lọ	2, 5ml 20, 50, 100ml	Chuyên trị các loại giun đường hô hấp và đường tiêu hóa ở gia súc, gia cầm	MNV-18
8	Atropin Sulfate	Atropin sulfate	Ống Lọ	2, 5ml 20, 50, 100ml	Làm giảm chứng tiêu chảy; Giải độc khi ngộ độc các thuốc trừ sâu	MNV-19

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
9	Septo 24%	Sulfamethoxazol, Trimethoprim	Lọ	20, 50, 100ml	Trị viêm đường hô hấp, thương hàn, viêm ruột, dạ dày, tiêu chảy do Ecoli, viêm mủ tử cung, viêm vú, cầu trùng	MNV-20
10	Dexamethasone	Dexamethasone	Ống Lọ	2, 5ml 20, 50, 100ml	Chống viêm và chống dị ứng, giảm sốt; Kết hợp kháng sinh trong điều trị bệnh	MNV-21
11	MN Ampicol-D	Ampicillin trihydrate, Colistin sulfate	Lọ	10, 20, 50, 100ml	Trị viêm phổi, tiêu chảy do nhiễm khuẩn, bệnh sốt xuất huyết dưới da của heo, bệnh viêm vú, viêm tử cung, suyễn	MNV-38
12	Lincolistin	Lincomycin HCl, Colistin sulfate	Lọ	10, 20, 50, 100ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, đường máu sinh dục, viêm ruột tiêu chảy do E.coli, thương hàn, THT	MNV-41
13	Tiamucolis	Tiamulin fumarate, Colistin sulfate	Ống Lọ	2; 5, 10ml 10, 20, 50, 100ml	Điều trị hiệu quả nhiễm trùng đường ruột, hô hấp, CRD, viêm ruột tiêu chảy	MNV-45
14	Analgin-C	Natri metamisol, Vitamin C	Ống Lọ	5, 10ml 10, 20, 50, 100ml	Giảm sốt, giảm đau, tăng sức đề kháng khi nhiễm trùng, phòng và trị stress	MNV-59
15	C-Vita 1000	Vitamin C	Ống Lọ	5ml 10, 20, 50, 100ml	Tăng cường sức đề kháng của cơ thể trong các bệnh nhiễm trùng, cảm cúm; Phòng và trị hội chứng stress do vận chuyển,…	MNV-60
16	Calcium B_{12}	Calcium gluconate, Vitamin B_{12}	Ống Lọ	5ml 10, 20, 50, 100ml	Trị sốt sữa, co giật, bại liệt trước và sau khi sanh, thú bị còi cọc, thiếu máu	MNV-61
17	Enrofloxacin 2%	Enrofloxacin	Ống Lọ	5ml 10, 20, 50, 100ml	Trị suyễn lợn, CRD, thương hàn, phó thương hàn, tiêu chảy và nhiễm trùng do E.coli, viêm phổi, hội chứng MMA	MNV-62

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
18	Enrofloxacin 5%	Enrofloxacin	Ống Lọ	5ml 10, 20, 50, 100ml	Trị các bệnh suyễn lợn, CRD, thương hàn, phó thương hàn, tiêu chảy và nhiễm trùng do E.coli, viêm phổi, hội chứng MMA	MNV-63
19	Tiamulin 10%	Tiamulin	Ống Lọ	2, 5ml 10, 20, 50, 100ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, viêm phổi, kiết lỵ, viêm khớp do Mycoplasma ở heo	MNV-64
20	Vitamin B_1 2,5%	Vitamin B_1	Ống, lọ	2, 5, 10, 20, 50, 100ml	Phòng và trị bệnh do thiếu vitamin B_1	MNV-65
21	Amocolis	Amoxicillin, Colistin	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị viêm phổi, viêm phổi khí quản, suyễn lợn, nhiễm trùng máu, viêm ruột tiêu chảy, bệnh do E.coli, thương hàn	MNV-78
22	Camphona 10%	Natri Camphosulponat	Ống Lọ	5ml 10; 20; 50; 100ml	Chống co giật, làm dịu đau, kích thích tim và thần kinh trung ương, làm tăng lực	MNV-79
23	Gentamycin Sulphate 4%	Gentamycin sulphate	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị viêm vú, viêm tử cung, viêm phổi của gia súc, tiêu chảy phân trắng của gia cầm	MNV-84
24	Lincomycin	Lincomycin	Ống Lọ	5ml 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, máu, sinh dục, viêm khớp, viêm vú, viêm tử cung, viêm ruột tiêu chảy, bệnh do E.coli	MNV-86
25	Vitamin AD_3E	Vitamin A, D_3, E	Lọ	20; 50; 100ml	Tăng sinh trưởng và sinh sản; Phòng và chữa chứng thiếu hụt vitamin	MNV-88
26	Norfloxacin 20%	Norfloxacin	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Chủ trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, đường tiêu hóa và tiết niệu	MNV-90
27	MN Ivermec	Ivermectin	Ống, Lọ	2; 5ml 10; 20; 50; 100 ml	Phòng và trị bệnh nội, ngoại ký sinh trùng ở trâu bò, cừu và lợn	MNV-95

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
28	MN Terra-D	Oxytetracycline	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Điều trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Oxytetracycline	MNV-96
29	MN Nepen	Neomycin, Penicillin	Lọ	10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị viêm ruột, tiêu chẩy do E.coli, salmonella ở trâu bò, lợn và gia cầm	MNV-98
30	Marbodop	Marbofloxacine, Thioglycerol, m-cresol	Lọ	10, 20, 50, 100ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp do vi khuẩn, nhạy cảm với Marbofloxcine	MNV-99
31	MN Decoli	Colistin sulfate, Natri metabisulfit, Na. hydroxid,	Lọ	10, 20, 50, 100ml	Trị các bệnh nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Colistin gây ra	MNV-101
32	MN-Para-C	Paracetamol, Vitamin C	Ống, lọ	5ml,10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Giảm sốt, giảm đau, tăng sức đề kháng trong các bệnh nhiễm trùng, cảm cúm	MNV-103

39. CÔNG TY TNHH THUỐC THÚ Y QUỐC TẾ ĐÔNG NGHI (INVET)

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Tiacoli - D	Tiamulin hydrogen fumarate, Colistin sulfate, Dexamethasone sodium	Ống, Lọ, chai	2, 5ml 10, 20, 50, 100ml	Điều trị các bệnh: viêm phổi, viêm xoang, suyễn heo, lỵ, tiêu chảy, viêm khớp	HCM-X27-26
2	Invet - Ferdextran	Iron	Ống, Lọ, chai	2, 5ml 10, 20; 50, 100ml	Phòng và trị bệnh thiếu máu ở heo con theo mẹ, bệnh thiếu máu do ký sinh trùng	HCM-X27-27
3	Invet - Sone	Thiamphenicol, Oxytetracyclin HCl,	Ống, Lọ,	2, 5ml 10, 20 ml	Trị tiêu chảy phân trắng, viêm ruột, viêm phổi, nhiễm trùng máu, viêm	HCM-X27-28

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
		Dexa acetate, Lidocain	Chai	50, 100ml	tử cung, âm đạo, viêm vú, khớp, viêm da, viêm móng	
4	Invet - T.C.P	Thiamphenicol, Tylosin tartrate, Prednisolone	Ống, lọ, chai	2, 5ml 10, 20 ml 50, 100ml	Trị viêm phổi, viêm phế quản ở lợn con, viêm teo xoang mũi truyền nhiễm. PTH, tiêu chảy, kiết lỵ, đóng dấu, tụ huyết trùng, hội chứng viêm vú, viêm tử cung	HCM-X27-29
5	Lincoject 10%	Lincomycin HCl, Dexamethasone sodium	Ống, lọ, chai	2, 5ml 10, 20; 50, 100ml	Trị các bệnh viêm khớp,, suyễn heo, viêm phổi, viêm tử cung, viêm vú, kiết lỵ	HCM-X27-31
6	Analgin + C	Analgin, vitamin C	Ống, lọ, chai	2, 5ml, 10, 20 ml 50, 100ml	Giảm đau nhanh và hạ nhiệt; Tăng sức đề kháng cho gia súc, gia cầm	HCM-X27-32
7	Analgin	Analgin.	Ống, lọ, chai	2, 5ml, 10, 20 ml 50, 100ml	Hạ sốt, giảm đau, kháng viêm, phối hợp trị trong các trường hợp viêm khớp, đau cơ,..	HCM-X27-33
8	Ascovit	Vitamin C	Ống, lọ, chai	2, 5ml, 10, 20 ml 50, 100ml	Trị suy nhược cơ thể, mệt mỏi, bỏ ăn, sốt, tăng đề kháng cơ thể, chống stress	HCM-X27-34
9	Gentatylo	Gentamycin sulfate, Tylosin tartrate, Dexamethasone acetate	Ống, lọ, chai	2, 5ml, 10, 20 ml 50, 100ml	Trị viêm phổi, viêm phế quản, viêm tử cung, viêm vú, tiêu chảy; CRD, viêm xoang, viêm ruột	HCM-X27-35
10	Ampisan - D	Ampicillin trihydrate, Analgin	Ống, lọ, chai	2, 5ml, 10, 20 ml 50, 100ml	Giúp hạ nhiệt nhanh, giảm đau, Trị các bệnh nhiễm trùng đường hô hấp, viêm phổi, viêm móng và nhiễm trùng các vết thương	HCM-X27-37

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
11	Invet - AD_3E	Vitamin A, Vitamin D_3, Vitamin E	Ống, lọ, chai	2, 5ml, 10, 20 ml 50, 100ml	Chống suy nhược cơ thể tăng cường sức đề kháng giúp thú tăng trọng nhanh	HCM-X27-38
12	Invet - Tetra 10%	Oxytetracyclin HCl, Dexamethasone acetate	Ống, lọ, chai	2, 5ml 10, 20, 50, 100ml	Trị các bệnh do vi khuẩn gr(-) gr(+) và Mycoplasma:	HCM-X27-39
13	B.Complex - CALCI	Vitamin B_1, B_6, B_{12}, PP, calci gluconate	Ống, lọ, chai	2, 5ml 10, 20, 50, 100ml	Phòng và trị các chứng thiếu Calcium và Vitamin ở gia súc, giúp cứng xương	HCM-X27-41
14	B.C.Complex	Vitamin B_1, B_6, B_{12}, PP, B_2, calci gluconate, vitC	Ống, lọ, chai	2, 5, 10, 20 ml 50, 100ml	Bổ sung lượng vitamin cần thiết khi nguồn thức ăn không cung cấp đủ	HCM-X27-42

40. CÔNG TY TNHH THUỐC THÚ Y - THỦY SẢN HƯƠNG HOÀNG NAM

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Max-B_{12}-300	Vitamin B_{12}	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500ml; 1; 2l	Trị suy nhược, biếng ăn, mỏi mệt, hồi phục sau khi ốm, thiếu máu trên trâu, bò, ngựa, dê non, cừu non, chó, mèo	HHN-43
2	Max-Kana colis	Kanamycin, Colistin	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500ml; 1; 2l	Trị bệnh đường hô hấp trên trâu, bò. Nhiễm trùng tiết niệu, nhiễm trùng da trên chó, mèo	HHN-44
3	Max-ADE	Vitamin A, D_3, E	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500ml; 1; 2l	Phòng và trị bệnh do thiếu Vitamin A, D, E, tăng sức đề kháng, chống stress, trên trâu, bò, ngựa, dê, cừu, heo	HHN-45

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
4	Max- Bactrim 24%	Sulfamethoxazole, Trimethoprime	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500ml; 1; 2l	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiết niệu, dạ dày - ruột trên trâu, bò, ngựa, dê, cừu, heo	HHN-46
5	Max-Atropine	Atropine	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500ml; 1; 2l	Giải độc, chống co thắt ruột, tử cung trên trâu, bò, ngựa, heo, chó, mèo	HHN-47
6	Max-Amoxcolis	Amoxicillin, Colistin	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500ml; 1; 2l	Trị nhiễm trùng hô hấp, dạ dày ruột, tiết niệu trên trâu, bò, heo	HHN-48
7	Max-Ceffur	Ceftiofur	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500ml; 1; 2l	Trị nhiễm trùng hô hấp trên trâu, bò, heo	HHN-49
8	Max-Analgin-C 10/25	Analgin, Vitamin C	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500ml; 1; 2l	Giảm đau, hạ sốt trên trâu, bò, heo, dê, cừu	HHN-50
9	Max- Linco	Lincomycin	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500ml; 1; 2l	Trị viêm phổi, viêm khớp, viêm ruột trên bê, nghé, dê, cừu, heo, chó, mèo, gia cầm	HHN-51
10	Max-Iron B_{12}	Iron(dextran), Vitamin B_{12}	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500ml; 1; 2l	Phòng và trị thiếu máu trên bê, nghé, heo con	HHN-52
11	Max-Linspec 5/10	Lincomycin, Spectinomycin	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500ml; 1; 2l	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột, hô hấp trên bê, nghé, dê, cừu, heo, chó, mèo, gia cầm	HHN-53
12	Max- Dexason 200	Dexamethasone	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500ml; 1; 2l	Trị aceton huyết, dị ứng, viêm khớp, shock, viêm gân, giây chằng trên trâu, bò, dê, cừu, heo, chó, mèo	HHN-54
13	Max-Genta	Gentamicin	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500ml; 1; 2l	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột, hô hấp trên trâu, bò, dê, cừu, heo	HHN-55
14	Max-Ivermectin	Ivermectin	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500ml; 1; 2l	Trị nội, ngoại ký sinh trùng trên trâu, bò, dê, cừu, heo, chó, mèo	HHN-56

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
15	Max-Sorvit	Sorbitol, Methionin, Vitamin B_2, B_6, B_{12}	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500ml; 1; 2l	Giải độc, kích thích thèm ăn, chống còi cọc, chống stress trên trâu, bò, heo, chó, mèo	HHN-58
16	Max-Analgin 30%	Analgin	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500ml; 1; 2l	Giảm đau, hạ sốt trên trâu, bò, heo, dê, cừu, chó, mèo	HHN-59
17	Max-C 100	Vitamin C	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500ml; 1; 2l	Tăng sức đề kháng, giảm và ngăn ngừa stress trên trâu, bò, dê, cừu, heo, gia cầm	HHN-60
18	Max-Thiam 10%	Thiamphenicol	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500ml; 1; 2l	Trị bệnh đường hô hấp, nhiễm trùng đường ruột, tiêu chảy, trên trâu, bò, heo	HHN-61
19	Neo-Coli	Neomycin sulfate, Colistin sulfate	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 5l	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa do vi khuẩn nhạy cảm với Neomycin, Colistin gây ra trên bê, nghé, dê cừu non, lợn, thỏ, gia cầm	HHN-18
20	Max -Enro 10	Enrofloxacin	Chai	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột, hô hấp, tiết niệu trên trâu, bò, dê, cừu, lợn	HHN-30
21	Max Trimesul 48	Sulfadiazine, Trimethoprime	Chai	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiết niệu, dạ dày - ruột trên ngựa, trâu, bò, dê, cừu, lợn	HHN-37
22	Max Flo 30	Florfenicol	Chai	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp trên trâu, bò, heo	HHN-38
23	Max Marbo 500	Marbofloxacine	Chai	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp trên trâu, bò, heo	HHN-39
24	Max Amoxgentacin	Amoxycilline, Gentamycine	Chai	10; 20; 50; 100ml	Trị viêm phổi, tiêu chảy, viêm tử cung, viêm ruột do vi khuẩn, viêm vú trên trâu, bò, lợn	HHN-40

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
25	Totrazuzil	Toltrazuril	Chai	10; 20; 50; 100ml	Phòng và trị tiêu chảy do cầu trùng trên heo con theo mẹ, bê, nghé	HHN-41
26	Max- Butamin B_{12}	Butaphosphan, Vitamin B_{12}	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1 lít	Phòng, trị rối loạn chuyển hóa, trao đổi chất, dinh dưỡng kém chậm phát triển ở gia súc non	HHN-65
27	Max-Ceptifur-500	Ceftiofur	Ống, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1lít	Trị nhiễm trùng hô hấp trên trâu, bò, heo	HHN-66
28	Max-Vitamin E	Vitamin E	Ống, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1lít	Phòng và trị chứng loạn dưỡng cơ bắp trên bê, nghé, cừu, heo, chó, mèo	HHN-67
29	Max-Vitamin B_1	Vitamin B_1	Ống, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1lít	Phòng, trị bệnh do thiếu Vitamin B_1 như viêm đa dây thần kinh, thoái hóa thần kinh ngoại vi, biếng ăn, chậm lớn, còi xương trên gia súc, gia cầm	HHN-68
30	Max-Flo oxytracin	Florfenicol, Oxytetracyclin	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm phổi, tiêu chảy, viêm vú, viêm tử cung, viêm đường tiết niệu trên trâu, bò, ngựa, heo, cừu, dê, gia cầm, thỏ	HHN-69
31	Max-Spiramycin	Spiramycin	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1lít	Trị nhiễm trùng hô hấp, tiêu hóa, viêm khớp, viêm vú trên trâu, bò, lợn, dê, cừu	HHN-70

TỈNH TÂY NINH

41. CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI A.S.T.A

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Ery 200	Erythromycine	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp, viêm ruột, thương hàn, viêm tiết niệu trên trâu, bò, lợn, cừu	ASTA-1

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
2	Spec-lin	Lincomycine HCl, Spectinomycine sulfate	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm nhiễm do vi khuẩn nhạy cảm với Lincomycine và Spectinomycine gây ra trên heo, bê, dê, cừu, chó, mèo, gia cầm	ASTA-2
3	Ascor-Dipy	Analgin, Vitamin C	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Giảm đau, hạ sốt, phòng chống stress khi thay đổi môi trường trên trâu, bò, heo, gà, vịt	ASTA-3
4	Marbotryl	Marbofloxacine	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng hô hấp trên trâu, bò, heo	ASTA-4
5	ADE Fort	Vitamin A, D_3, E	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Phòng và trị bệnh do thiếu vitamin A, D_3, E trên trâu, bò, ngựa, heo, dê, cừu, chó, mèo	ASTA-5
6	Genta-80	Gentamycine	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng máu, bệnh đường tiêu hóa, tiết niệu, hô hấp trên trâu, bò	ASTA-6
7	Oxytetra 100	Oxytetracyclin HCl	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp, viêm khớp, nhiễm trùng đường tiết niệu trên trâu, bò, heo, dê, cừu	ASTA-7
8	Tylo-200	Tylosin	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị viêm phổi, nhiễm trùng đường ruột, viêm tử cung, viêm vú trên trâu, bò, heo, gà	ASTA-8
9	Co-spir	Spiramycine, Colistin sulfate	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm phổi, nhiễm trùng máu, tiêu chảy, viêm khớp, viêm vú trên bê, heo con, dê con, cừu con	ASTA-9
10	Scol-Kana	Kanamycine sulfate, Colistin sulfate	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Trị nhiễm trùng hô hấp trên trâu, bò. Nhiễm trùng tiết niệu, da trên chó, mèo	ASTA-10
11	Doxy 100-LA	Doxycycline	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên trâu, bò, lợn, dê, cừu	ASTA-11
12	Sulfa ETS	Sulfadimethoxin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị sốt do vận chuyển, viêm phổi, bạch hầu, viêm móng trên trâu, bò	ASTA-12
13	Spira 20	Spiramycine	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng hô hấp, tiêu hóa, viêm khớp, viêm vú trên trâu, bò, lợn. dê, cừu	ASTA-13

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
14	Nor-1500	Norfloxacine	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu trên trâu, bò, heo, dê, cừu	ASTA-14
15	Tasal-S	Butaphosphan, Vitamin B_{12},	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị rối loạn trao đổi chất do thiếu dinh dưỡng, do mắc bệnh trên trâu, bò, dê, cừu, heo, gia cầm	ASTA-16
16	Mectin	Ivermectin	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nội, ngoại ký sinh trùng trên trâu,bò, heo	ASTA-17
17	B_{12}-ATP	Vitamin B_{12}, sodium selenite, Adenosin triphosphate.	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Chống suy nhược, giúp hồi phục sức khỏe, stress do vận chuyển trên ngựa, trâu, bò, heo, cừu, chó, mèo, gia cầm	ASTA-19
18	Vita complex	Vitamin B_1, B_2, B_6, C, DL-Methionine, Nicotinamide, Cafein	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Phục hồi thú bệnh, mất sức, ngộ độc, biếng ăn. Phòng bệnh về da, rối loạn tăng trưởng	ASTA-20
19	PC-Tylo	Thiamphenicol, Tylosin	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm phổi, viêm phế quản, THT, viêm tử cung, đau móng, viêm vú, nhiễm trùng máu, tiêu chảy trên trâu, bò, heo, dê, cừu	ASTA-22
20	Calbiron	Calcium gluconate, Cyanocobalamin	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị thiếu can xi, hạ can xi huyết, mềm xương, còi cọc ở thú non. Bảo vệ mạch máu, chống chảy máu trên trâu, bò, ngựa, heo, dê, cừu, chó, mèo, gia cầm	ASTA-23
21	Astryl	Enrofloxacin	Chai	5; 10; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Enrofloxacin gây ra trên trâu, bò, heo	ASTA-25
22	Sep-ro	Sulfamethoxypyri-dazine, Trimethoprim	Chai	5; 10; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng hô hấp, tiết niệu, tiêu hóa trên trâu, bò, heo, cừu	ASTA-26

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
23	Thiam.Sone	Thiamphenicol, Oxytetracycline	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị PTH, THT, viêm phổi, viêm ruột tiêu chảy, viêm khớp, đau móng, viêm đường tiết niệu, tử cung, viêm vú trên trâu, bò, heo, cừu, chó, mèo, gia cầm	ASTA-27
24	Doxy-sone	Florfenicol, Doxycycline	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị thương hàn, viêm phổi, viêm ruột, viêm tử cung, viêm vú, THT, viêm khớp, sưng phù đầu trên trâu, bò, heo, dê, cừu	ASTA-28
25	E.Flox 10	Enrofloxacin	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị CRD, nhiễm trùng máu, Tụ huyết trùng, Coryza, bạch lỵ, thương hàn trên gia cầm	ASTA-29
26	CK-Cox	Toltrazuril	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị cầu trùng trên gia cầm	ASTA-30
27	Pig-Cox	Toltrazuril	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Phòng và trị cầu trùng gây tiêu chảy trên heo con, bê, nghé	ASTA-31
28	Coli-EF	Colistin sulfate	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh đường tiêu hóa trên bê, heo, cừu, gia cầm	ASTA-32
29	Norflox-H	Norfloxacin	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn hô hấp, tiêu hóa trên gia cầm	ASTA-38
30	Marbo-10	Marbofloxacin	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm phổi, phế quản, viêm tử cung, viêm vú, nhiễm trùng vết thương trên trâu, bò, heo	ASTA-39
31	Calci-B6	Calcium, Boric acid, Magnesium hydrophosphite	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Phòng, trị bệnh do thiếu canxi, magie trên trâu, bò, ngựa, dê, cừu, heo, chó, mèo	ASTA-40
32	Florcol-LA	Florfenicol	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên bò, heo	ASTA-41
33	Linco Best	Lincomycin HCl	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Lincomycin gây ra trên bê, nghé, heo, dê, cừu, chó, mèo, gia cầm	ASTA-41

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
34	Sulfo-T	Sulfadimidin	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng tiêu hóa, hô hấp, tiết niệu trên trâu, bò, ngựa, heo, cừu, thỏ, gia cầm	ASTA-43
35	Trime-sul	Sulfamethazin, Trimethoprim	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị tiêu chảy, viêm phổi trên bò, ngựa, heo, dê, cừu	ASTA-44
36	Enro-Fast	Enrofloxacin	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng tiêu hóa, hô hấp trên trâu, bò, heo, chó, mèo	ASTA-45
37	Rosterol	Cloprostenol	Chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Chữa lưu tồn thể vàng, không động dục, động dục ẩn	ASTA-51
38	Nor 100	Norfloxacin	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng hô hấp, dạ dày - ruột, thương hàn, E.coli trên trâu, bò, dê, cừu, heo, gia cầm	ASTA-52
39	Norflox 5	Norfloxacin	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng hô hấp, dạ dày - ruột, thương hàn, E.coli trên trâu, bò, dê, cừu, heo, gia cầm	ASTA-53
40	Ascorvit	Vitamin C	Chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Phòng, trị bệnh do thiếu Vitamin C, tăng cường đề kháng trên trâu, bò, dê, cừu, heo, chó, mèo	ASTA-54
41	Dipyzin	Dipyrone	Chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Giảm đau, hạ sốt trên trâu, bò, dê, cừu, heo, chó, mèo	ASTA-55
42	Ocytocin	Oxytocine	Chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị đẻ khó, cơ tử cung co bóp yếu, sót nhau, viêm tử cung, tăng tiết sữa	ASTA-56
43	Versol	Levamisole	Chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị giun tròn trên trâu, bò, heo, dê, cừu	ASTA-57
44	E.flox 2.5	Enrofloxacine	Chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng hô hấp, tiêu chảy trên gia cầm	ASTA-59
45	Tylan-100	Tylosin	Chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm phổi, tiêu chảy, nhiễm trùng vết thương trên bò, heo, gia cầm	ASTA-64

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
46	Spec 50	Spectinomycin	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị tiêu chảy trên heo con	ASTA-66
47	Tylo-TMP	Tylosin, Trimethoprim	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, viêm ruột, viêm dạ dày - ruột, nhiễm trùng vết thương, nhiễm trùng máu trên trâu, bò, heo	ASTA-67

TỈNH LONG AN

42. CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM THÚ Y - THỦY SẢN LONG AN

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Enroflox.1000	Enrofloxacin	Ống Lọ	2; 5ml 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm phổi, viêm xoang; bệnh đường tiêu hóa: viêm ruột, thương hàn, Ecoli	LAV-1
2	Norflox.1000	Norfloxacin	Ống Lọ	2; 5ml 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm phổi, CRD, C-CRD, viêm khớp, tụ huyết trùng, Ecoli	LAV-2
3	Tialin - LA	Tiamulin	Ống Lọ	2; 5ml 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm phổi, suyễn, viêm khớp, tiêu chảy, hồng lỵ, hội chứng MMA ở heo nái	LAV-4
4	Flumequy l.1600	Flumequine	Ống Lọ	2; 5ml 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm ruột tiêu chảy, sưng mắt, co giật ở thú non, thương hàn, THT, Haemophilus	LAV-6
5	Colistin.6000	Colistin	Ống Lọ	2; 5ml 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm dạ dày, viêm ruột tiêu chảy cấp và mãn tính, Ecoli ở heo con, gà, vịt	LAV-7
6	LA.Sep tryl . 240	Trimethoprim, Sulfadiazin	Ống Lọ	2; 5ml 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm phổi, viêm ruột, THT, viêm khớp, viêm đường sinh dục, nhiễm trùng	LAV-11
7	Linco.s 1.500	Lincomycin, Spectinomycin	Ống Lọ	2; 5ml 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng hệ hô hấp: CRD, viêm xoang mũi, viêm phổi, tiêu chảy phân máu, tiêu chảy , thương hàn, Ecoli,.	LAV-12

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
8	Specto.coli	Spectinomycin, Colistin	Ống Lọ	2; 5ml 10; 20; 50; 100ml	Trị PTH, THT, viêm phổi, viêm ruột tiêu chảy, Ecoli, sốt hồi quy bỏ ăn, viêm khớp, viêm móng, viêm tử cung	LAV-13
9	Tylo.dt sone	Thiamphenicol, Tylosin	Ống Lọ	2; 5ml 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm phổi, THT, viêm xoang, thương hàn, Ecoli, viêm vú, tử cung, viêm móng, viêm ruột tiêu chảy, kiết lỵ, viêm khớp	LAV-14
10	Thia.sone	Oxytetracylin, Thiamphenicol	Ống Lọ	2; 5ml 10; 20; 50; 100ml	Trị phó thương hàn, Ecoli, viêm đường hô hấp, THT, CRD, viêm xoang phù đầu, khẹt, viêm đường sinh dục, tiết niệu	LAV-15
11	Dot.sone	Thiamphenicol, Oxytetracyclin	Ống Lọ	2; 5ml 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp: THT, CRD, viêm xoang; Ecoli	LAV-16
12	Tylan.1000	Tylosin	Ống Lọ	2; 5ml 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp: viêm phổi cấp và mãn, tụ huyết trùng, CRD, hen suyễn, khẹt, viêm xoang, phù đầu	LAV-17
13	ADE.Becomplex	Vitamin A, D_3, E, B	Ống, lọ	2; 5,10; 20; 50; 100ml	Phòng và trị các bệnh do thiếu Vitamin	LAV-18
14	Vita.Bcomplex	Vitamin nhóm B	Ống Lọ	2; 5ml 10; 20; 50; 100; 500ml	Phòng ngừa và điều trị các bệnh do thiếu Vitamin nhóm B	LAV-19
15	AD_3E.Fort	Vitamin A, D_3, E	Ống Lọ	2; 5ml 10; 20; 50; 100ml	Phòng ngừa và điều trị các bệnh do thiếu Vitamin nhóm B	LAV-20
16	Biotol.B_{12}	Sorbitol, methionin, lysin	Ống Lọ	2; 5ml 10; 20; 50; 100ml	Giúp tăng tiết dịch mật kích thích tiêu hóa tăng trưởng nhanh, giải độc gan, nhuận tràng, chống táo bón,..	LAV-22
17	Calberon.B_{12}	Canxi, B_1, B_{12}, B_6	Ống Lọ	2; 5ml 10; 20; 50; 100ml	Điều trị các bệnh thiếu calci như: yếu xương, bại liệt, còi xương, chậm lớn, kém phát triển, chống xuất huyết,…	LAV-23

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
18	Lactogel.B	Lactose, B_1, Methionin, Sorbitol	Ống Lọ	2; 5ml 10; 20; 50; 100ml	Điều trị các bệnh kiệt sức, suy nhược, biếng ăn heo nái sau khi sinh, kích thích heo nái ăn nhiều, giải độc	LAV-24
19	Methi.AD	Methionin, A, D_3	Ống Lọ	2; 5ml 10; 20; 50; 100ml	Trị thiếu chất gây cắn mổ; không mọc lông ở gia cầm; giải độc gan	LAV-25
20	Vitamin C.2000	Vitamin C	Ống Lọ	2; 5ml 10; 20; 50; 100; 500ml	Trị các bệnh do thiếu Vitamin C: suy nhược, biếng ăn, sốt cao, chảy máu mũi	LAV-26
21	Vitamin K.600	Vitamin K_3	Ống Lọ	2; 5ml 10; 20; 50; 100; 500ml	Điều trị các bệnh chảy máu do thiếu vitamin K; cầm máu	LAV-27
22	Anazin.3000	Anazin	Ống Lọ	2; 5ml 10; 20; 50; 100; 500ml	Hạ sốt, giảm đau, kháng viêm, chống stress. Điều trị kết hợp với kháng sinh trong các bệnh nhiễm khuẩn gây sốt	LAV-28
23	Anazin.C	Anazin, vitamin C	Ống Lọ	2; 5ml 10; 20; 50; 100; 500ml	Giảm đau, hạ sốt. Điều trị kết hợp với kháng sinh trong các bệnh nhiễm khuẩn	LAV-29
24	Iverrmectin. LA	Ivermectin	Ống Lọ	2; 5ml 10; 20; 50; 100ml	Phòng và trị các bệnh do nội ký sinh trùng trong dạ dày, ruột và phổi	LAV-30
25	Dexa.LA	Dexamethasone	Ống Lọ	2; 5ml 10; 20; 50; 100ml	Giảm viêm trong các trường hợp nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp, sinh dục, viêm khớp, viêm da, chống sốc	LAV-31
26	Genta-1000	Gentamycin	Ống, Lọ	2; 5ml 10; 20; 50; 100ml	Điều trị các bệnh viêm phổi, viêm ruột, Viêm phế quản, khẹt mũi vịt, CRD	LAV-46
27	Norflox-600	Norfloxacin	Ống, Lọ	2; 5ml 10; 20; 50; 100ml	Trị CRD, C-CRD, viêm khớp, Ecoli,Đối với trâu, bò, heo: THT, viêm đường hô hấp, viêm tử cung, viêm vú, Ecoli	LAV-48

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
28	Atropin-LA	Atropin	Ống, Lọ	2; 5ml 10; 20; 50; 100ml	Trị co thắt dạ dày, ruột: ói, nôn, tiêu chảy dùng kết hợp với kháng sinh trong điều trị bệnh viêm dạ dày, viêm ruột	LAV-49
29	Campho-LA	Camphora	Ống, Lọ	2; 5ml 10; 20; 50; 100ml	Tăng cường hoạt động hệ tuần hoàn, hô hấp, trường hợp sốc phản vệ do tiêm ngừa	LAV-50
30	Leva-1000	Levamysol	Ống, Lọ	2; 5ml 10; 20; 50; 100ml	Trị giun đũa, giun chỉ, giun tóc, giun lươn, giun phổi, giun thận, giun xoăn, giun kết hạt và các KST khác trên đường tiêu hóa	LAV-51
31	Fer.B_{12} 1000	Iron	Ống Lọ	2; 5ml 10; 20; 50; 100ml	Phòng, chống bệnh thiếu máu ở heo con gây tiêu chảy phân trắng, vàng	LAV-21
32	Nước pha tiêm-LA	Nacl	Ống, lọ	2; 5ml; 10; 20; 50; 100ml, 250ml, 500ml	Dùng để pha các loại thuốc tiêm chích dạng bột	LAV-52
33	Gluco5.LA	Dextrose	Ống, Lọ	2; 5ml 50; 100; 250; 500ml	Cung cấp nước và năng lượng khi thú bị mất nước và suy nhược, giải độc trong các trường hợp thú bị ngộ độc	LAV-53
34	Biotol. B_{12}	Sorbitol, Methionin B_{12}	Lọ	10; 50; 100; 250; 500ml, 1 l	Giải độc gan, nhuận trường, táo bón. Bổ sung lượng acid amin	LAV-68
35	Norflox. 2000	Norfloxacin	Lọ	10; 50; 100; 250; 500ml, 1 l	Trị viêm phổi, viêm phế quản, CRD, viêm xoang mũi, tụ huyết trùng	LAV-65
36	Enroflox.1000	Enrofloxacin	Lọ	10; 50; 100; 250; 500ml, 1 l	Trị viêm phổi, tụ huyết trùng, CRD, viêm xoang mũi,; tiêu chảy phân trắng, kiết, phù thủy, sưng mắt co giật do Ecoli	LAV-70
37	Flumequyl. 2000	Flumequine	Lọ	10; 50; 100; 250; 500ml, 1 l	Phòng và trị các bệnh hô hấp và tiêu hóa do vi khuẩn G- như: viêm ruột Ecoli	LAV-73
38	Coli. SourS	Spectinomycin, Colistin	Lọ	10; 50; 100; 250; 500ml, 1 l	Trị tiêu chảy viêm ruột ở heo con, bê, nghé, gia cầm do bị nhiễm khuẩn G-	LAV-74

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
39	ADE.B_{12}	Vitamin A, D_3, B_{12}	Ống, lọ	2,5 ml 10; 20; 50; 100 ml	Phòng và trị các bệnh do thiếu vitamin cho trâu, bò, heo, gà, vịt	LAV-81
40	Vitamin 3B	Vitamin B_1, B_6, B_{12}	Ống, lọ	2,5ml 10; 20; 50; 100 ml	Phòng và trị các bệnh do thiếu vitamin nhóm B cho trâu, bò, heo, gà, vịt	LAV-82
41	Tiêu chảy. LA	Neomycin, Colistin sulfat	Lọ	10; 20; 50; 100 ml, 250, 500 ml	Trị tiêu chảy, viêm dạ dày - ruột do vi khuẩn nhạy cảm với Neomycin và Colistin cho bê, cừu, dê, heo con, gà vịt	LAV-83
42	Tylo.DC	Tylosin, Colistin sulfat, Dexamethesone	Ống, lọ	2,5ml 10; 20; 50; 100 ml, 250, 500 ml	Trị các bệnh viêm ruột, tiêu chảy, viêm phổi do vi khuẩn nhạy cảm với Tylosin và Colistin gây ra cho bê, heo	LAV-84
43	EBS	Enrofloxacin	Chai	10; 50; 100; 200; 250; 500ml; 1 l	Trị tiêu chảy, nhiễm trùng máu, bênh viêm teo mũi, viêm phổi trên heo	LAV-87
44	Ampicoli-LA	Ampiciline trihydrat, Colistin sulfate, Dexa	Ống, lọ	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị, viêm phổi, nhiễm trùng máu, nhiễm trùng tiết niệu, viêm vú, viêm khớp trên trâu, bò, ngựa, heo, cừu, chó, mèo, gà, vịt	LAV-9
45	Gentamox-LA	Amoxicillin trihydrat, Gentamycin sulfate,Dexa	Ống, lọ	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa, sinh dục trên bò, ngựa, heo, dê, cừu	LAV-10
46	FSS	Sulfadiazin sodium, Trimethoprim	Chai	10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1 l	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Trimethoprim và Sulfadiazin gây ra trên bê, cừu, heo, gà, vịt, thỏ	LAV-75

TỈNH TIỀN GIANG

43. CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC THÚ Y CAI LẬY

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Vitamin B_6	Vitamin B_6	Ống Chai, lọ	2; 10; 20; 50; 100ml	Phòng và trị các bệnh thiếu vitamin B_6	CL-02
2	Chlorason New (C.O.D-FORT)	Tetracyclin HCl; Colistin sulfate Dexamethasone; Lidocain	Ống Chai, lọ	2; 5ml 10; 20; 50; 100ml	Trị thương hàn, tiêu chảy, tiêu chảy phân trắng, THT, lỵ, viêm phổi, CRD, viêm vú, viêm tử cung, suyễn ở GS-GC	CL-10
3	Sulfadiazin 20%	Sulfadiazin sodium	Ống Lọ, chai	5ml 20; 50; 100ml	Trị THT, thương hàn, viêm phổi, viêm ruột, tiêu phân trắng, E.Coli, nhiễm trùng huyết, MMA, viêm tử cung ở GS-GC	CL-14
4	Vitamin ADE	Vitamin A; E; D	Ống	5ml	Dùng trong các bệnh thiếu viatmin A, D, E gia súc còi cọc, chậm lớn	CL-15
5	Camphona	Natri camphosul fonate	Ống Lọ, chai	2ml 10; 50; 100ml	Dùng trợ tim trong các trường hợp khó thở, ngất xỉu, suy nhược ở GS	CL-16
6	Terra 20% L.A	Tetracyclin HCl	Ống Lọ, chai	5ml 10; 50; 100ml	Trị viêm phổi, THT, đóng dấu, viêm vú, viêm tử cung, sảy thai truyền nhiễm	CL-17
7	Tobracin-D	Tobramycin sulfate Dexamethason phosphat	Ống Lọ, chai	2; 5ml 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm ruột tiêu chảy, tiêu chảy phân trắng E.Coli, viêm móng, viêm khớp, viêm vú, viêm đường sinh dục	CL-20
8	Dexasone	Dexamethasone	Ống Lọ, chai	2; 5ml; 10 20; 50; 100ml	Chống viêm, giữ nước và muối Na	CL-25

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
9	Levaject	Levamysol HCl	Lọ, chai	10; 20; 50; 100ml	Phòng và trị các bệnh: bệnh giun lươn ở bao tử, bệnh giun ruột và giun phổi	CL-31
10	Albipen 5%	Ampicillin trihydrat	Lọ, chai	10; 20; 50; 100ml	Trị thương hàn, PTH, đóng dấu, viêm vú, nhiễm trùng đường tiết niệu, túi mật, bộ máy hô hấp	CL-32
11	Vitamin E	Vitamin E	Ống; Lọ	2; 10; 20; 50; 100ml	Tăng cường khả năng sinh sản, phát dục và tăng đậu thai, tăng cường trao đổi chất	CL-35
12	Analgin	Analgin	Ống Lọ, chai	2ml ; 10; 20; 50; 100ml	Giảm đau, bong gân, viêm cơ. Hạ sốt khi thân nhiệt cao ở GS-GC	CL-36
13	Chlor-tylo	Colistin; Tylosin tartrate	Ống Lọ, chai	2; 5ml 10; 20; 50; 100ml	Trị PTH, E.Coli, lỵ, viêm ruột tiêu chảy, viêm vú, viêm tử cung ở GS-GC	CL-38
14	Chlorason-500 (COD-500)	Colistin; Oxytetracyclin; Dexamethasone acetate	Ống Lọ, chai	5ml 10; 20; 50; 100ml	Điều trị bệnh thương hàn, tiêu chảy, tiêu chảy phân trắng, THT, lỵ, viêm phổi, CRD, vịt khẹt, viêm vú và tử cung, suyễn	CL-39
15	Erytracin	Erythromycin estolate; Oxytetracyclin HCl; Vitamin C	Ống Lọ, chai	5ml 10; 20; 50; 100ml	Trị suyễn, viêm phổi, đóng dấu, THT, viêm vú, viêm tử cung, viêm khớp, leptospira CRD gà	CL-40
16	Chlorason-1000 (C.O.D-1.000)	Colistin sulfate; Oxytetracyclin; Dexamethasone acetate	Lọ, chai	10; 20; 50; 100ml	Phòng và trị các bệnh viêm phổi, tụ huyết trùng, phó thương hàn, hội chứng MMA, nhiễm trùng đường tiêu hóa,…ở GS-GC	CL-42

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
17	Tylan-50	Tylosin base	Ống Chai	2ml 10; 20 50; 100ml	Trị CRD, viêm xoang mũi, suyễn, viêm phổi, viêm khớp, viêm tử cung, viêm vú, sảy thai truyền nhiễm ở heo	CL-46
18	Tonisulfan	Sulfamethoxazol; Trimethoprim	Lọ	10ml 20 50; 100; 250; 500ml	Phòng trị bệnh thương hàn, tiêu chảy, phân trắng, các bệnh viêm nhiễm trùng, viêm phổi, tụ huyết trùng	CL-48
19	Sirepam	Vitamin B_1 ; cao gan; Strychnin	Lọ, chai	10; 20; 50; 100ml	Tăng cường khả năng hoạt động của gan, tăng sức đề kháng	CL-50
20	Becozyme	Vitamin nhóm B; Nicotinamid; Ca pantothenate	Ống Lọ, chai	2; 5ml 10; 20; 50; 100ml	Bổ sung vitamin trong các bệnh thiếu vitamin nhóm B, giúp GS ăn ngon, kích thích tăng trưởng, chống suy dinh dưỡng	CL-53
21	Gentamycin	Gentamycin sulfate	Ống Lọ, chai	2; 5ml 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm vú, viêm tử cung, viêm ruột, tiêu chảy phân trắng; viêm vú, viêm tử cung, nhiễm trùng huyết, THT	CL-54
22	Genta-tylo	Gentamycin base; Tylosin bazơ	Ống Lọ, chai	5ml; 10ml 20; 50; 100ml	Trị viêm phổi, suyễn, viêm vú, kiết lỵ ở heo, CRD gà, bệnh thối loét da thịt do Sphaerophorus, viêm xương, viêm khớp	CL-56
23	Vitamin C	Vitamin C	Ống Lọ, chai	5ml; 10; 20; 50; 100ml	Tăng sức đề kháng. Phòng chống hội chứng stress, thiếu máu, thiếu huyết sắc tố	CL-58
24	Sinh lý ngọt	Đường glucose	Ống Lọ, chai	5ml 10; 50; 100ml	Trị mất nước như viêm ruột, tiêu chảy, nhiễm trùng đường ruột, sốt, suy nhược	CL-60
25	Tetrachlorina (T.O.D-500)	Thiamphenicol Oxytetracyclin HCl Lidocain, Dexamethason	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị thương hàn, phó thương hàn,tụ huyết trùng, tiêu chảy ở GS-GC, lỵ heo	CL-63

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
26	B.Complex super	Vitamin B_1; B_6; PP; khoáng vi lượng	Chai	50; 100; 500ml	Bổ sung vitamin và khoáng vi lượng	CL-70
27	Calcium C	Gluconate Ca; Vitamin C	Ống	5ml	Phòng và trị còi xương, mềm xương, bại liệt, ban xuất huyết, co giật, ngộ độc arsemic, CCl_4, lợi tiểu, trợ tim	CL-71
28	Cevit-1000	Vitamin C	Ống Lọ, chai	5; 10 20; 50; 100ml	Phòng và trị thiếu vitamin C, các chứng ưa chảy máu, tăng sức đề kháng cơ thể	CL-75
29	Chlorextra	Thiamphenicol Lidocain, Dexamethason	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 250ml	Phó thương hàn GS, thương hàn GC, viêm dạ dày, ruột GS, tiêu chảy phân trắng, lỵ	CL-76
30	B.Complex	Vitamin PP; B_1; B_2; B_6	Ống Lọ, chai	2; 10ml 20; 50; 100ml	Kích thích tăng trưởng, chống suy dinh dưỡng, thiếu máu, bồi dưỡng trong các bệnh nhiễm khuẩn và ký sinh trùng	CL-78
31	Vitaject-6	Vitamin A; D_3; Amid nicotinique; Chlohydrate de pyridoxin; Chlohydrate de thiamine	Lọ, chai	10; 20; 50; 100ml	Trị các bệnh do thiếu vitamin gây ra như: cân bằng lại sự mất cân đối của cơ thể (phòng chống stress), kích thích tính thèm ăn, kích thích tăng trọng	CL-79
32	Septotryl 24%	Sulfamethoxypyridazine; Trimethoprim	Lọ, chai	10; 20; 50; 100ml	Trị: thương hàn, tiêu chảy phân trắng, viêm vú, viêm tử cung, viêm khớp, móng, phân trắng, viêm xoang, THT gà, vịt, mũi	CL-80

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
33	Terramycin 10%	Oxytetracyclin HCl	Ống, chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị các bệnh truyền nhiễm ở GS-GC do vi khuẩn G- và G+ gây ra	CL-81
34	Tylo-CD	Tylosin tatrate; Colistin sulfate; Dexamethasone	Ống Lọ, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị các bệnh: viêm phổi, THT, phó thương hàn, E.Coli, lỵ, viêm vú, viêm tử cung, sốt sữa, CRD, vịt khẹt, bệnh đường tiêu hóa	CL-82
35	Kanamycin 10%	Kanamycin base	Ống Lọ	5; 10; 50; 100ml	Trị: thương hàn, nhiệt thán, sảy thai truyền nhiễm, các bệnh đường hô hấp, tiêu hóa, đường tiểu, viêm tủy xương và ngoài da	CL-85
36	ADE.Bcomplex	VitaminA; E; D_3 ; B_1 B_2 ; B_6; PP	Lọ, chai	10; 20; 50; 100ml	Kích thích tăng trọng, bồi dưỡng, giúp gia súc khỏe mạnh chống còi cọc, chậm lớn	CL-87
37	Fer-10%	Fer-Dextran	Lọ, chai	10; 20; 50; 100ml	Phòng và trị bệnh thiếu sắt, thiếu máu ở heo con, dê, cừu, bê, nghé	CL-88
38	Tiamulin	Tiamulin hydrogen fumarate;	Ống Lọ, chai	2ml 10; 20; 50; 100 ml	Trị các bệnh hô hấp mãn tính, bệnh tiêu chảy do mycoplasma, treponema, staphylococcus, streptococcus	CL-90
39	Polyvitaject	Vitamin PP; E; D_3; B_1; B_6	Ống Lọ, chai	2ml 50; 100ml	Trị bệnh do thiếu vitamin. Trường hợp còi cọc, chậm lớn, suy dinh dưỡng, rụng lông	CL-92
40	Nor-algin	Noramydopyrine	Ống Lọ, chai	2; 10ml 20; 50; 100ml	Giảm đau, giảm viêm tại chỗ do quá trình ngăn cản sự tạo thành prostaglandine G2;	CL-93
41	Fer-B_{12}	Fer-Dextran; Vitamin B_{12}	Ống Lọ, chai	2ml 10; 20; 50; 100ml	Phòng và trị bệnh thiếu sắt, thiếu máu ở heo con, dê, cừu, bê, nghé	CL-94

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
42	D.M.C	Deltamethrin	Lọ, chai	100; 200; 250; 500; 1000ml	Trị ve, ruồi muỗi, ghẻ ở heo, trâu, bò. Trị chí, rận, bọ chét chó. Trị mạt rận ở gà	CL-96
43	Spiramycin	Spiramycin	Ống Lọ; Chai	2; 10ml 20; 50; 100ml	Trị viêm phổi, viêm teo xoang mũi, suyễn, nhiễm trùng ruột - dạ dày, viêm vú, khớp	CL-99
44	Anti-paravet	Ivermectin	Ống Lọ; Chai	2; 5ml 10; 20; 50; 100; 250ml	Trị giun xoăn, giun đũa, giun tóc, giun kim, giun móc, sán dây ở gà	CL-102
45	Albicolis	Ampicillin tryhydrate; Colistin sulfate	Ống Lọ; Chai	2ml 10; 20; 50; 100ml	Trị tiêu chảy phân trắng, phân xanh, phân vàng ở GS-GC, thương hàn, phó thương hàn, viêm ruột, viêm phổi, viêm tử cung	CL-103
46	Spiracolis	Spiramycin; Colistin sulfate	Ống Lọ; Chai	2; 5ml 10; 20; 50; 100ml	Trị tiêu chảy phân trắng, E.Coli ở GS, tiêu chảy phân xanh, phân vàng gà, vịt	CL-104
47	Vitamin B_{12}	Vitamin B_{12}	Ống Lọ; chai	2ml 10; 20; 50; 100ml	Tăng cường trao đổi chất, kích thích tạo hồng cầu, tăng sức đề kháng cho cơ thể	CL-118
48	Chloxa-Mulin	Thiamphenicol, Tiamulin Lidocain, Dexamethason	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 100ml	Trị thương hàn, phó thương hàn mãn tính ở Gs-Gc, lỵ ở Gs, CRD, viêm mũi vịt	CL-119
49	Eryxa Mullin (Edexti)	Erythromycin, Tiamulin, Dexamethason	Ống Lọ; chai	5ml 10; 20; 50; 100ml	Trị CRD gà, viêm xoang mũi truyền nhiễm vịt, viêm phổi, phế quản, viêm tử cung, viêm khớp, viêm vú, THT, dấu son ở heo, viêm ruột tiêu chảy ở GS-GC	CL-120

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
50	BMovit super	Dextrose, vitamin nhóm B, PP, chất điện giải	Chai, Chai	20; 50; 100; 250; 500ml	Trị stress, có tác dụng tăng sức, tiếp nước, khoáng chất, bổ sung vitamin cho GS-GC	CL-121
51	Enro-20	Enrofloxacin, Dexamethason	Ống Lọ; Chai	5ml 10; 20; 50; 100ml	Trị THT, PTH, tiêu chảy do E.Coli, viêm teo mũi, viêm vú, ử cung ở heo, trâu, bò. Trị CRD gà, viêm mũi vịt, TH, viêm khớp, nhiễm khuẩn E.Coli gà, vịt	CL-127
52	Enro-50	Enrofloxacin, Dexamethason	Ống Lọ; Chai	5ml 10; 20; 50; 100ml	Trị THT, PTH, tiêu chảy do E.Coli, Salmonella, viêm teo xoang mũi, viêm vú, viêm tử cung ở heo, trâu, bò	CL-128
53	Strychnal B_1	Strychnin; VitaminB_1	Ống	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị các trường hợp thú bị tê liệt các dây thần kinh, sưng phù toàn thân, ăn kém ngon, cơ thể suy nhược, mệt mỏi	CL-151
54	Vitamin B_1	VitaminB_1	Ống Lọ, chai	2; 5ml 10; 20; 50; 100ml	Trị các trường hợp GS-GC thiếu vitamin B_1, tái lập cân bằng dinh dưỡng	CL-152
55	Strychnin sulfate	Strychnin sulfate	Ống	2; 10; 20; 50; 100ml	Trị tê liệt thần kinh như: bại liệt chân	CL-153
56	Atropin sulfate	Atropin sulfate	Ống	2; 10; 20; 50; 100ml	Trị ngộ độc Dipterex, thuốc xịt rầy. Giảm đau trong viêm ruột, xoắn ruột	CL-154
57	Ampicolistin	Ampicillin tryhdtrate; Colistin sulfate	Lọ, chai	10; 20; 50; 100ml	Trị các bệnh nhiễm khuẩn đường ruột và các bệnh đường hô hấp	CL-174
58	Norfloxilin	Norfloxacin	Lọ, chai	10; 20; 50; 100ml	Trị các bệnh do Mycoplasma gây ra trên GS-GC	CL-175

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
59	Dynamylin CD	Tiamulin; Colistin sulfate, Dexamethason	Lọ, chai	10; 20; 50; 100ml	Trị các bệnh: thương hàn, viêm ruột tiêu chảy, E.Coli, viêm vú, viêm khớp, viêm phổi, viêm đường hô hấp,..	CL-176
60	T.O.D-Fort (Chlorasone New-1.000)	Thiamphenicol, Oxytetracyclin HCl, Lidocain, Dexamethason	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Thương hàn, phó thương hàn, tụ huyết trùng GS-GC, tiêu chảy ở heo, bê, nghé	CL-177
61	Thiam-Tylo	Thiamphenicol, Tylosin Dexamethason	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị hội chứng MMA, viêm phổ, viêm vú, PTH, THT, viêm xoang mũi vịt gà	CL-178
62	Erytetrasone	Erythromycin; Tetracylin HCl; Dexamethasone	Ống Lọ, chai	5ml 10; 20; 50; 100ml	Trị các bệnh nhiễm trùng bộ máy hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu ở GS-GC như: thương hàn, viêm phổi, tiêu chảy, THT, CRD	CL-180
63	Calcium Becovit	Vitamin nhóm B; PP; Gluconate Ca	Ống Chai	2; 5; 10; 20ml 50; 100ml	Ngừa và trị các bệnh thiếu calcium và vitamin nhóm B	CL-184
64	Urotropin	Urotropin	Ống Chai	2; 10; 20ml 50; 100ml	Sát trùng đường niệu và đường mật, sát trùng đường ruột	CL-186
65	Septicemin	Urotropin; Glucose; Kali iodua; Iode	Ống Chai	2; 5; 10; 20ml 50; 100ml	Chống nhiễm độc, nhiễm trùng, cảm cúm, giảm sốt, lợi tiểu, sát trùng đường tiết niệu	CL-187
66	Nước cất	Nước cất	Ống; chai	2; 5; 50; 100; 500ml; 1; 5l	Dùng pha thuốc bột hoặc vacxin	CL-188
67	ADE B Complex (1)	Vitamin A; D; nhóm B	Lọ, chai	10; 20; 50; 100ml	Kích thích tiết sữa, tăng sức đề kháng cho GS-GC	CL-203

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
68	Liomycin	Liomycin HCl; Neomycin sulfate	Chai, lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị tiêu chảy, E.Coli, viêm phổi, viêm vú, viêm tử cung, sảy thai truyền nhiễm ở GS. Trị CRD, viêm xoang, viêm khớp	CL-212
69	ADB.Complex	Vitamin A; D_3; E; nhóm B, PP	Chai, lọ	10; 20; 50; 100ml	Bổ sung vitamin, ngừa và trị các bệnh do thiếu vitamin	CL-225
70	Ampicolistin	Ampicilin trihydrat, Colistin	Chai, lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn đường ruột và hô hấp	CL-226
71	Multibiotic	Colistin, Gentamycin	Chai, lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh viêm đường hô hấp, đường ruột	CL-230
72	Vitamin K_3 0,5%	Vitamin K_3	Chai Ống	2; 5; 10; 20ml; 50; 100ml	Phòng và trị các bệnh do thiết Vitamin K_3	CL-236
73	Fer-mullin (Fetiar)	Fer-dextran, Tiamulin	Ống Lọ, chai	5; 10ml 20; 50,100ml	Trị thiếu máu, tiêu chảy do thiếu sắt và nhiễm khuẩn đường ruột ở GS non, heo con	CL-238
74	Shampoo-super	Deltamethrin, vitamin B_5	Chai	100; 200; 250; 500; 1000ml	Tắm sạch, mượt lông, ngừa ký sinh trùng ngoài da ở heo, chó, mèo và gia súc khác	CL-241
75	Mekonit (Nitrovet)	Nitroxinil	Lọ, chai	10; 20; 50; 100ml	Trị sán lá gan, giun xoăn dạ dày-ruột ở loài nhai lại, bệnh giun chỉ ở trâu, bò, giun móc ở chó, giun kết hạt ở GC	CL-250
76	Analgin C-Fort	Analgin, Vitamin C	Ống, lọ, chai	2; 5ml; 10; 20; 50; 100ml	Giảm sốt, tăng sức đề kháng của thú trong các bệnh nhiễm trùng, phòng chống stress	CL-260
77	Analginject 35% (Analginvet 35%)	Analgin	Ống Lọ, chai	2; 5ml; 10; 20; 50; 100ml	Giảm đau, hạ sốt, sử dụng kết hợp với kháng sinh trong điều trị	CL-261

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
78	CL - Flordextra	Flofenicol	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh nhiễm trùng gây ra bởi vi khuẩn nhạy cảm với Flofenicol trên bò, heo	CL-263
79	CL- Acimoxyl	Amoxicillin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm phế quản, phổi cấp, mãn tính; viêm ruột, khớp	CL-265
80	CL-Strepbencin	Penicillin Dihydrostreptomycin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Streptomycin và Penicillin gây ra	CL-266
81	Marlox	Marbofloxacin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị các bệnh viêm, nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Marbofloxacin gây ra	CL-267
82	Analginject	Analgin, Natri benzoat	Ống, lọ	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Giảm đau, hạ sốt trên gia súc, gia cầm	CL-268
83	Danoflox	Danofloxacin, Dexamethasone	Ống, lọ, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị viêm phổi trên trâu, bò, heo	CL-271

THÀNH PHỐ CẦN THƠ

44. CÔNG TY TNHH THUỐC THÚ Y CẦN THƠ (VETERCO)

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Septotryl	Trimethoprime Sulfamethoxazole	Ống, chai, lọ	5-10-20-50-100-250ml	Phòng và trị bệnh tiêu chảy và bệnh đường ruột	CT(TH)-2
2	Ampi Cotrime	Ampicycline, Sulfamethoxazole	Ống, chai, lọ	5-10-20-50-100-250ml	Phòng và trị bệnh tiêu chảy và bệnh đường ruột	CT(TH)-3
3	Enroject	Enrofloxacin	Ống, chai, lọ	5-10-20-50-10-250ml	Phòng và trị bệnh đường hô hấp	CT(TH)-4

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
4	Tylan-Veterco	Tylosin	Ống, chai, lọ	5-10-20-50-100-250ml	Phòng và trị CRD và các bệnh đường hô hấp khác	CT(TH)-25
5	Colis-Ty	Colistin Tylosin	Ống, chai, lọ	5-10-20-50-100ml	Phòng và trị bệnh đường hô hấp và đường ruột	CT(TH)-26
6	Azinvet	Sulfadiazine	Ống, chai, lọ	5-10-20-50-100ml	Trị bệnh tiêu chảy	CT(TH)-27
7	D.O.C	Colistin,oxytetracyclin Lindocain, Dexa.	Ống, chai, lọ	5-10-20-50-100ml	Phòng và trị bệnh đường ruột, tiêu chảy và thương hàn	CT(TH)-28
8	Gentypred	Gentamycin Tylosin	Ống, chai, lọ	5-10-20-50-100ml	Phòng và trị bệnh CRD và các bệnh đường hô hấp khác	CT(TH)-29
9	Colistin-Veterco	Colistin	Ống, lọ, chai	5-10-20-50-100ml	Phòng và trị bệnh thương hàn và tiêu chảy	CT(TH)-40
10	Dexaject	Dexamethasone	Ống, lọ, chai	5-10-20-50-100ml	Kháng viêm	CT(TH)-41
11	Analgin-Veterco	Analgin	Ống, lọ, chai	5-10-20-50-100ml	Giảm đau, hạ sốt	CT(TH)-42
12	Ticosone	Colistin Tiamutilin	Ống, lọ, chai	5-10-20-50-100ml	Phòng và trị bệnh đường hô hấp và đường ruột	CT(TH)-43
13	Lincotryl fort	Licomycin, Sulfadimidin	Ống, lọ, chai	5-10-20-50-100ml	Phòng và trị bệnh đường hô hấp và đường ruột	CT(TH)-44
14	Ampi Coli D	Ampicyclin Colistin	Ống, lọ, chai	5-10-20-50-100-250ml	Phòng và trị bệnh tiêu chảy và thương hàn	CT(TH)-53
15	Tiomycinject	Tiamutilin	Ống, lọ, chai	5-10-20-50-100-250ml	Phòng và trị bệnh đường hô hấp	CT(TH)-54

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
16	Norflox 10%	Norfloxacin	Ống, lọ, chai	5-10-20-50-100-250ml	Phòng và trị bệnh đường hô hấp	CT(TH)-55
17	Tylo-DC	Tylosin, Colistin, Dexamethasone	Chai, lọ	10; 20; 50; 100; 250ml	Phòng và trị bệnh đường hô hấp, đường ruột	CT(TH)-56
18	Anti CRD	Spiramycin	Ống, lọ, chai	5-10-20-50-100-250ml	Trị bệnh CRD ở gà	CT(TH)-60
19	Lincoject 10%	Lincomycin	Ống, lọ, chai	5-10-20-50-100ml	Phòng, trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Lincomycin	CT(TH)-77
20	Tiotinject	Tiamutilin	Ống, lọ	5-10-20-50-100ml	Phòng và trị bệnh đường hô hấp	CT(TH)-78
21	Flumeject 10%	Flumequine	Ống, lọ, chai	5-10-20-50-100ml	Phòng và trị bệnh đường ruột và tiêu chảy	CT(TH)-80
22	Coli SP	Colistin, Spiramycin	Ống, lọ, chai	5-10-20-50-100ml	Phòng và trị bệnh đường hô hấp và đường ruột	CT(TH)-90
23	ADE BC Complex	Vitamin A, D_3, E, B_1, C	Ống, lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250ml	Bổ sung vitamin cho gia súc và gia cầm	CT(TH)-91
24	Ampi Coli	Colistin, Ampicilline	Ống, lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh thương hàn, tiêu chảy, các bệnh đường ruột khác	CT(TH)-94
25	Colistin terra	Colistin, Oxytetracyclin	Ống, lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Phòng và trị bệnh viêm nhiễm đường ruột	CT(TH)-95
26	Spectiject	Spectimomycin	Ống, lọ, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Điều trị viêm đường hô hấp, CRD gia cầm, viêm xoang mũi, viêm phổi	CT(TH)-112
27	Thiamject	Thiamphenicol	Ống, lọ, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Điều trị bệnh THT, thương hàn, tiêu chảy viêm ruột, E.coli	CT(TH)-114

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
28	Norflox	Norfloxacin HCl	Ống, lọ chai	5; 10; 20; 50; 100ml 250ml	Phòng và trị các bệnh nhiễm trùng đường hô hấp	CT(TH)-120
29	Oxyject 10%	Oxytetracyclin HCl	Ống, lọ chai	5; 10; 20; 50; 100ml 250ml	Đặc trị các bệnh nhiễm trùng cho gia súc, gia cầm	CT(TH)-121
30	Specti - Lin	Lincomycin HCl, Spectinomycin	Ống, lọ chai	5; 10; 20; 50ml 100; 250ml	Phòng, trị bệnh do Mycoplasma gây ra	CT(TH)-122
31	Spira-Strep	Spiramycine adipate Streptomycine sulffate	Chai/lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250ml	Phòng, trị bệnh đường hô hấp	CT(TH)-124
32	Vetevet	Sulfadimidine Trimethoprime	Chai/lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250ml	Phòng, trị bệnh đường ruột và đường hô hấp	CT(TH)-126
33	GentaJect	Gentamycine sulfate	Chai/lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250ml	Trị các bệnh đường tiêu hóa, hô hấp, các trường hợp viêm do vi khuẩn	CT(TH)-129

45. CÔNG TY THUỐC THÚ Y HẬU GIANG (ANIVET)

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Analgin 30%	Analgin	Ống, chai	2, 5ml; 10, 20, 50, 100, 250, 500ml	Hạ sốt, giảm đau	CT(HG)-6
2	Colistin	Colistin	Ống, chai	2, 5ml; 10, 20, 50, 100, 250, 500ml	Trị viêm đường tiêu hóa, hô hấp	CT(HG)-7

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
3	Flumequine 10%	Flumequine	Ống, chai	2, 5ml 10, 20, 50, 100, 250, 500ml	Trị viêm đường tiêu hóa, hô hấp	CT(HG)-8
4	Levamisol 7,5%	Levamisol	Ống, chai	2, 5ml; 10, 20, 50, 100, 250, 500ml	Xổ lãi đường ruột	CT(HG)-9
5	Sulfazine	Sulfadimidin	Ống, chai	2, 5ml; 10, 20, 50, 100, 250, 500ml	Trị nhiễm trùng, viêm dạ dày, ruột, tụ huyết trùng	CT(HG)-10
6	Streptomycine	Streptomycine Sulfate	Ống, chai	2, 5,10,20,50,100,250, 500ml	Trị viêm đường ruột, hô hấp	CT(HG)-11
7	Terramycine Inj	Terramycine HCl	Ống, chai	2, 5ml; 10, 20, 50, 100, 250, 500ml	Trị viêm đường ruột, hô hấp	CT(HG)-12
8	Ampi Coli-D	Ampicilline, Colistin sulfate, Dexamethasone	Ống; lọ	2, 5ml; 10, 20, 50, 100, 250, 500ml	Trị tiêu chảy, CRD	CT(HG)-42
9	Ampi-Ka	Ampicillin, Kanamycine	Ống, lọ	2, 5ml; 10, 20, 50, 100, 250, 500ml	Trị tiêu chảy, CRD, viêm đường hô hấp	CT(HG)-43
10	Cotisone	Colistin, Tiamulin, Dexamethasone	Ống; lọ	2, 5, 10, 20, 50, 100, 250, 500ml	Trị viêm phổi tụ huyết trùng	CT(HG)-46
11	Pen-Strep 1,5	Streptomycine, Penicilling Potassium	Ống, lọ	2, 5ml; 10, 20, 50, 100, 250, 500ml	Trị viêm đường hô hấp, tiêu hóa	CT(HG)-47
12	Septryl	Sulfamethoxazole, Trimethoprim	Ống, lọ	2, 5ml; 10, 20, 50, 100, 250, 500ml	Trị viêm đường hô hấp, tiêu hóa	CT(HG)-48
13	Tetrachlorisone	Erythomycin, Tetracyclin, Dexa	Ống, lọ	2, 5ml; 10, 20, 50, 100, 250, 500ml	Trị viêm đường hô hấp, tiêu hóa	CT(HG)-49

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
14	Vitamin C 10%	Vitamin C	Ống, lọ	2, 5ml; 10, 20, 50, 100, 250, 500ml	Trị suy nhược, tăng sức đề kháng	CT(HG)-51
15	A.D.E.C.B Complex	Vitamin A, D_3, E, K_3, B_1, B_6, C, PP	Ống, lọ	2, 5ml; 10, 20, 50, 100, 250, 500ml	Bổ sung vitamin, tăng sức đề kháng	CT(HG)-52
16	Norflox 5%	Norfloxacin	Ống, lọ	2, 5ml; 10, 20, 50, 100, 250, 500ml	Trị các bệnh nhiễm trùng đường tiêu hóa, hô hấp	CT(HG)-55
17	Norflox 10%	Norfloxacin	Ống, lọ	2, 5ml; 10, 20, 50, 100, 250, 500ml	Trị các bệnh nhiễm trùng đường tiêu hóa, hô hấp	CT(HG)-56
18	Enrofloxacin	Enrofloxacin	Ống, lọ	2, 5ml; 10, 20, 50, 100, 250, 500ml	Trị các bệnh nhiễm trùng đường tiêu hóa, hô hấp	CT(HG)-57
19	Ani Dexa	Dexamethasone, natri phosphat	Ống, lọ, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 500ml	Chống viêm, chống dị ứng	CT(HG)-73
20	B.Complex	Vitamin B_1, B_2, B_6, PP, Calcium patothenate	Ống, lọ, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 500ml	Điều trị suy dinh dưỡng do thiếu Vitamin nhóm B	CT(HG)-74
21	Iron-Ferdextran	Ferdextran	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 500ml	Bổ sung sắt, phòng thiếu máu	CT(HG)-75

46. CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI THUỐC THÚ Y 1/5

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Flumequin 10%	Flumequine	Ống; Lọ Chai	2-5-10ml; 10-20ml 50-100-500ml	Điều trị các bệnh viêm phổi, viêm tử cung, viêm vú	CT(X1/5-58)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
2	Septotryl 12%	Sulfamethoxazone Trimethoprime	Ống, lọ Chai	2-5-10,20ml; 50-100-500ml	Điều trị các bệnh tiêu chảy, thương hàn, tụ huyết trùng	CT(X1/5-59)
3	Enroflox 5%	Enrofloxacin	Ống, lọ Chai	2-5-10ml, 10-20ml 50-100-500ml	Trị bệnh hen, khò khè, và các chứng viêm có mủ	CT(X1/5-60)
4	Coli-SP	Tetracylin, Colistin Dexamethasone,	Ống, lọ Chai	2-5-10ml, 20ml 50-100-500ml	Điều trị các bệnh tụ huyết trùng, viêm nhiễm đường hô hấp, đường ruột, đường tiết niệu	CT(X1/5-61)
5	Analgin	Analgin	Ống, lọ Chai	2-5-10ml, 10-20ml 50-100-500ml	Giảm đau, hạ sốt, trị các bệnh cảm, cúm, đau thần kinh	CT(X1/5-63)
6	B.Complex	Vit B_1, B_2, B_5, B_6, PP	Ống; Lọ Chai	2-5-10ml; 10-20ml 50-100-500ml	Bổ sung Vitamin	CT(X1/5-65)
7	Norflox 5%	Norfloxacin	Ống; Lọ Chai	2-5-10ml; 10-20ml 50-100-500ml	Trị CRD, E.Coli, thương hàn	CT(X1/5-66)
8	Dexavet	Dexamethasone	Ống; Lọ Chai	2-5-10ml; 10-20ml 50-100-500ml	Chống viêm, chống dị ứng	CT(X1/5-67)
9	O.C.D	Tetracylin, Colistin Dexamethasone	Ống, lọ Chai	2-5-10, 20ml 50, 100, 500ml	Điều trị các bệnh tụ huyết trùng, viêm nhiễm đường hô hấp, đường ruột, đường tiết niệu	CT(X1/5-68)
10	Genta-Tylan	Gentamycine, Tylosin	Ống; Lọ Chai	2-5-10ml; 10-20ml 50-100-500ml	Điều trị các bệnh viêm phổi, viêm tử cung, viêm khớp	CT(X1/5-69)
11	Coli-Tylo	Colistin, Tylosin	Ống; Lọ Chai	2-5-10ml; 10-20ml 50-100-500ml	Điều trị các bệnh viêm nhiễm do vi khuẩn Gr(-) gây ra	CT(X1/5-71)
12	Coli-Tialin	Colistin, Tiamutin	Ống; Lọ Chai	2-5-10ml; 10-20ml 50-100-500ml	Trị bệnh tiêu chảy, tụ huyết trùng, thương hàn viêm xoang	CT(X1/5-72)
13	Ampidexa-lone	Ampicilline, Colistin Dexamethasone	Ống, lọ Chai	2-5-10-20ml 50-100-500ml	Điều trị các bệnh tiêu chảy, viêm ruột, viêm nhiễm đường hô hấp, đường tiết niệu	CT(X1/5-74)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
14	Sắt-B_{12}	Iron dextra Vittamin B_{12}	Ống; Lọ Chai	2-5-10ml; 10-20ml 50-100-500ml	Phòng ngừa các bệnh thiếu máu, thiếu sắt	CT(X1/5-76)
15	ADE B.Complex	Vitamin A, D, E Vitamin B_1, B_6, PP	Ống, lọ Chai	2-5-10ml; 10-20ml 50-100-500ml	Bổ sung Vitamin	CT(X1/5-87)
16	Tẩy Giun Sán	Levamysone	Ống; Lọ Chai	2-5-10, 10-20ml 50-100-500ml	Dùng tẩy sổ các loại giun, sán đường phổi và đường ruột	CT(X1/5-89)
17	Tiadox	Tiamulin, Doxycyclin HCl	Lọ	2; 5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Đặc trị suyễn lợn, nhiễm khuẩn đường ruột, tiêu chảy do E.coli, Salmonella	CT(X1/5)-96
18	Coli - SP	Spiramycin, Colistin sulfate	Lọ	2; 5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Điều trị bệnh gây ra do vi khuẩn Gr(+) và Gr(-)	CT(X1/5)-98
19	Tydox	Doxycyclin HCl, Tylosin tartrate	Lọ	2; 5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml.	Trị viêm vú, viêm tử cung, viêm khớp, viêm móng, THT trên trâu, bò. Viêm teo mũi, suyễn lợn, lepto, THT trên heo. CRD, viêm ruột, tụ huyết trùng trên gia cầm	CT(X1/5-101)
20	Kana- Coli	Kanamycin sulfate, Colistin	Chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị viêm phổi, viêm ruột, nhiễm trùng máu, TH, THT, viêm tử cung, viêm xoang bụng trên trâu, bò, heo	CT(X1/5-6)
21	Pen-Strep 20/20	Procain Penicillin G, Streptomycin sulfate	Chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị bệnh đường tiêu hóa, hô hấp, niệu - sinh dục, nhiễm trùng vết thương, mụn nhọt trên trâu, bò, heo, gà, vịt	CT(X1/5-15)
22	Tia- 100	Tiamulin hydrogen fumarate	Chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa, và tiết niệu trên trâu, bò, heo, gà, vịt	CT(X1/5-33)
23	Oxytetra- 100	Oxytetracycline HCl	Chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị viêm nhiễm gây ra do các vi khuẩn nhạy cảm với Oxytetracycline gây ra trên trâu, bò, heo, gà, vịt	CT(X1/5-34)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
24	Tylo-PC	Tylosin tartrate, Thiamphenicol	Chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị bệnh đường hô hấp, dạ dày ruột, nhiễm trùng máu, hội chứng MMA, nhiễm trùng vết thương trên trâu, bò, dê, cừu, heo	CT(X1/5-36)
25	Lincoseptryl	Lincomycin HCl, Spectinomycin HCl	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm hô hấp, tiêu hóa, niệu sinh dục trên trâu, bò, heo, gà, vịt	CT(X1/5-38)
26	Lamox-LA	Âmoxicillin trihydrate	Chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị viêm đường hô hấp, nhiễm trùng, hội chứng MMA trên trâu, bò, heo, chó, mèo	CT(X1/5-40)
27	Florfenicol	Florfenicol	Chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị viêm phổi, viêm phế quản - phổi trên trâu, bò. Viêm teo mũi trên heo	CT(X1/5-42)
28	Linco-Spec	Lincomycin HCl, Spectinomycin HCl	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm hô hấp, tiêu hóa, niệu sinh dục trên trâu, bò, heo, gà, vịt	CT(X1/5-43)
29	Amtribio	Ampicilline trihydrate, Colistin sulfate, Dexa	Chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị viêm dạ dày, ruột, viêm đường hô hấp, tiết niệu trên trâu, bò, ngựa, cừu, heo	CT(X1/5-51)
30	Ivertin	Ivermectin	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nội, ngoại ký sinh trùng trên trâu, bò, heo, dê, cừu, chó, mèo	CT(X1/5-7)
31	Biotyl	Spiramycin adipat, Colistin sulfate	Chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị viêm phổi, nhiễm trùng máu, tiêu chảy, viêm khớp, viêm vú trên bê, heo con, dê con	CT(X1/5-12)
32	Dovenix	Nitroxinil	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị sán lá gan, giun xoăn dạ dày ruột, giun kết hạt, giun móc trên trâu, bò, dê, cừu	CT(X1/5-57)
33	Analgin-C	Analgin, Vitamin C	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị cảm, sốt, đau khớp, phòng chống Stress trên trâu, bò, heo, gà, vịt	CT(X1/5-75)
34	Cefatryl	Cefalexin	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị đóng dấu son, THT, nhiễm trùng niệu sinh dục trên trâu, bò; viêm đường hô hấp, tiêu hóa, viêm khớp trên gà, vịt	CT(X1/5-70)
35	Cetapen	Gentamycin, Cefalexin	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm đường hô hấp, tiêu hóa và niệu sinh dục trên trâu, bò, heo, gà, vịt, cút	CT(X1/5-73)

47. CÔNG TY TNHH THUỐC THÚ Y 2-9

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	B-Forti	Vitamin B	Ống Lọ, chai	2ml 20; 50; 100ml	Cung cấp vitamin nhóm B, tăng cường trao đổi chất. Kích thích tiêu hóa và tăng trọng	CT(X2-9)-5
2	Becozyme	Vitamin B	Ống	2ml	Cung cấp vitamin nhóm B, tăng cường trao đổi chất. Kích thích tiêu hóa và tăng trọng	CT(X2-9)-6
3	Vitamin C	Vitamin C	Ống Lọ, chai	5ml 10; 100ml	Tăng sức đề kháng cho cơ thể trong bệnh nhiễm khuẩn, nhiễm độc	CT(X2-9)-8
4	Analgin	Analgin	Ống Lọ, chai	2ml 100ml	Hạ sốt. Phối hợp với kháng sinh để điều trị bệnh nhiễm trùng	CT(X2-9)-10
5	Analgin 33%	Analgin 33%	Ống	5ml	Hạ sốt. Phối hợp với kháng sinh trị nhiễm trùng	CT(X2-9)-11
6	Chlo-trasol	Oxytetracycline, Colistin, Dexamethason	Ống Lọ, chai	5ml 10ml, 100ml	Trị CRD, toi, PTH, bạch lỵ, tiêu chảy, viêm vú, tử cung, nhiễm trùng huyết, viêm khớp	CT(X2-9)-12
7	Terramycin	Oxytetracycline, Dexamethason	Lọ, chai	20, 50, 100ml	Trị thương hàn, tiêu chảy, CRD và những bệnh do vi khuẩn mẫn cảm với Oxytetracyclin	CT(X2-9)-16
8	Sulfamet	Sulfadimidin	Lọ, chai	10; 100ml	Tiêu chảy, cầu trùng, viêm ruột, toi, bệnh do vi khuẩn Salmonella	CT(X2-9)-17
9	Tri-sulfa	Sulfamid	Lọ, chai	10; 100ml	Tiêu chảy, cầu trùng, viêm ruột, toi, bệnh do vi khuẩn Salmonella, thối móng	CT(X2-9)-18
10	Bactrim	S.methoxazol,TMP, Dexa	Lọ, chai	10; 50; 100ml	Trị bệnh đường ruột, hô hấp	CT(X2-9)-19

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
11	Septotryl	S.methoxazol-Trimethoprim	Lọ, chai	10; 50; 100ml	Trị bệnh do vi khuẩn G+, G- gây ra: Viêm ruột, viêm phổi, tiêu chảy, viêm tử cung, sốt hậu sản, viêm khớp và xương, toi, thương hàn, bại huyết	CT(X2-9)-20
12	Dexajet	Dexamethasone	Ống Lọ, chai	5ml; 100ml	Kháng viêm, chống dị ứng, … Làm tăng hiệu lực của kháng sinh	CT(X2-9)-26
13	Lincomycin 500	Lincomycine	Ống Lọ, chai	5ml; 100ml	Viêm phổi, hen, viêm vú, viêm tử cung, sảy thai truyền nhiễm, tiêu chảy dạng lỵ, CRD, viêm xoang mũi vịt	CT(X2-9)-27
14	Vitamin C1000	Vitamin C	Ống Lọ, chai	5ml; 20; 100ml	Tăng sức đề kháng cho cơ thể trong bệnh nhiễm khuẩn, nhiễm độc	CT(X2-9)-28
15	Fila-Vita	Vitamin, A.amin	Lọ, chai	100ml	Tăng tính thèm ăn. Tăng cường khả năng chuyển hóa thịt, trứng, sữa. Tăng sức đề kháng	CT(X2-9)-38
16	ADE	Vit.A, D, E	Lọ, chai	20; 100ml	Ngừa và trị các bệnh do thiếu vitamin A, D, E	CT(X2-9)-40
17	ADEB Complex	Vitamin	Lọ, chai	20; 100ml	Ngừa và trị các bệnh do thiếu vitamin. Kích thích sự thèm ăn và tăng trọng	CT(X2-9)-41
18	Ampi-Coli D	Ampicycline- Colistin. Dexamethason	Lọ, chai	20; 50ml	Trị viêm đường hô hấp, viêm ruột, tiêu chảy do E.Coli, viêm vú, tử cung và sốt sữa, viêm khớp, viêm kẽ móng, viêm rốn	CT(X2-9)-52
19	Tylo-C.O.D	Tylosin, Oxytetracycline Dexamethason	Ống Lọ, chai	2ml 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp, CRD. Trị bệnh tiêu chảy, toi	CT(X2-9)-54

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
20	Genta-Septryl-D	Gentamycine Sulfamid, Dexa	Lọ, chai	100ml	Trị bệnh đường hô hấp, CRD, tiêu chảy, viêm ruột nhiễm trùng huyết ở con non, toi, thương hàn ở gia cầm	CT(X2-9)-56
21	Sinh lý mặn	NaCl	Lọ, chai	100ml	Cung cấp nước và NaCl cho vật nuôi	CT(X2-9)-57
22	Sinh lý ngọt 5%	Glucose	Lọ, chai	100ml	Cung cấp nước, Glucose cho vật nuôi	CT(X2-9)-58
23	B.Complex injectable	Vitamin Electrolyte	Lọ, chai	100; 500ml	Dùng trong các trường hợp mất nước, bồi dưỡng, tăng sức trong các bệnh nhiễm trùng ở gia súc, gia cầm	CT(X2-9)-59
24	Estrepto peniciline aviar	Penicillin Streptomycine	Lọ, chai	100; 500ml	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa: toi, thương hàn, viêm phổi, đóng dấu, nhiệt thán, viêm ruột tiêu chảy, viêm vú, viêm tử cung, ung nhọt	CT(X2-9)-60
25	Erytrasone	Erythromycin. Tetracycline	Lọ, chai	10ml	Trị bệnh đường hô hấp, đường tiêu hóa ở gia súc, gia cầm	CT(X2-9)-61
26	Calci-B_{12}	Calci gluconat, Vitamin B_{12}	Ống Lọ, chai	5ml, 10; 100ml	Trị bệnh còi xương, mềm xương, bại liệt, sốt sữa, chảy máu, co giật	CT(X2-9)-89
27	Tylosin 50	Tylosin	Lọ, chai	10; 20; 100ml	Trị CRD, viêm xoang mũi vịt, suyễn lợn, viêm phổi, viêm vú, viêm tử cung, sảy thai truyền nhiễm, bệnh đóng dấu, viêm khớp	CT(X2-9)-81
28	Amox Genta	Amoxycline, Gentamycine	Ống Lọ, chai	5ml, 10; 50ml	Trị các bệnh do nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu, sinh dục	CT(X2-9)-82
29	Chloflox	Norfloxacin	Lọ, chai	10; 100ml	Trị tiêu chảy, viêm ruột, thương hàn, bệnh đường hô hấp, CRD, viêm phổi, toi	CT(X2-9)-84

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
30	Tylan-Coli	Tylosin, Colistin	Ống Lọ, chai	5; 10; 20ml, 100ml	Trị bệnh do E.Coli, viêm ruột, phổi, CRD, toi thương hàn và nhiễm trùng máu	CT(X2-9)-85
31	Colistin-S	Colistin, Sufamethoxazol	Lọ, chai	10; 100ml	Trị thương hàn, toi, cầu trùng, viêm đường hô hấp, tiêu hóa, viêm khớp, liệt chân	CT(X2-9)-86
32	Aminovital-Fort	Amino acid, Electrolyte, Vitamin	Ống Lọ, chai	2ml, 20ml, 100ml	Tăng tính thèm ăn, tăng khả năng chuyển hóa thức ăn thành thịt trứng, sữa. Chống Stress, tăng sức đề kháng, phối hợp với kháng sinh	CT(X2-9)-87
33	Norfloxin 10%	Norfloxacin	Ống Lọ, chai	5ml, 10ml-100ml	Trị tiêu chảy, viêm ruột, thương hàn. Trị bệnh đường hô hấp, CRD, viêm phổi, toi	CT(X2-9)-88
34	Nor-D	Norfloxacin, Dexa.	Lọ, chai	10; 50; 100; 250ml	Trị nhiễm khuẩn đường ruột, hô hấp, tiết niệu; toi, thương hàn, tiêu chảy, viêm phổi, CRD	CT(X2-9)-90
35	Coli-Tetravex	Colistin, Oxytetracyclin, Vitamin	Lọ, chai	10ml-20ml-100ml	Trị tiêu chảy, viêm ruột, thương hàn. Trị bệnh đường hô hấp, CRD, viêm phổi, toi ở gia súc, gia cầm, tiêu chảy, viêm ruột, thương hàn	CT(X2-9)-91
36	Tialinco	Tiamulin, Colistin	Ống Lọ, chai	5ml, 20ml-50ml	Trị bệnh viêm phổi, suyễn, toi, thương hàn, viêm ruột, tiêu chảy, viêm vú, viêm tử cung	CT(X2-9)-92
37	Genta-Tylan Fort	Gentamycine, Tylosin, Dexa.	Ống Lọ, chai	5ml, 20ml 50ml-100ml	Trị viêm đường ruột, tiết niệu, sinh dục, hô hấp, viêm khớp, toi, thương hàn, CRD, E.Coli	CT(X2-9)-93
38	Sulfa Diazin	Sulfadiazin	Ống Lọ, chai	5ml, 10ml-100ml	Bệnh viêm khớp, xương, bệnh cầu trùng, viêm ruột, bạch lỵ, toi, thương hàn	CT(X2-9)-94

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
39	Fer-Dextran B_{12}	Fer-Dextran, Vitamin B_{12}	Ống Lọ, chai	2ml, 20; 50; 100ml	Ngừa chứng thiếu máu, thiếu sắt cho heo. Bệnh tiêu chảy do thiếu sắt ở heo con, còi cọc	CT(X2-9)-95
40	Calbiron	Calci, Vitamin	Ống	2ml x 2 ống	Trị bênh thiếu vitamin nhóm B và Calci. Kích thích tăng trưởng	CT(X2-9)-110
41	Strep-Pipen	Streptomycin, Penicillin	Lọ, chai	10ml, 100ml	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa, sinh dục	CT(X2-9)-111
42	Enro-jet	Enrofloxacin	Lọ, chai	10ml-20ml-50ml-100ml	Gia cầm: viêm xoang, viêm phổi, CRD kết hợp E.Coli, viêm rốn, bạch lỵ, toi. Gia súc: Bệnh đường hô hấp, tiêu chảy, viêm khớp, toi	CT(X2-9)-117
43	Flumequin	Flumequine	Lọ, chai	10ml, 20ml-50ml-100ml	Trị THT, PTH, tiêu chảy, viêm vú, tử cung; hô hấp mãn tính, nhiễm trùng đường tiết niệu do vi khuẩn Gr (-), toi	CT(X2-9)-118
44	Levamysol	Levamysol	Lọ, chai	10ml-50ml-100ml	Trị giun cho gia súc, gia cầm	CT(X2-9)-119
45	Atropin	Atropin	Lọ, chai	20ml-50ml-100ml	Kết hợp kháng sinh để trị tiêu chảy cấp. Chống co thắt ruột, tử cung, giảm đau, giải độc	CT(X2-9)-120
46	Fer Dextran B_{12}	Fer, Vitamin B_{12}	Ống Chai, lọ	2ml, 20ml, 50ml, 100ml	Ngừa chứng thiếu máu, thiếu sắt cho heo. Bệnh tiêu chảy do thiếu sắt ở heo con, còi cọc	CT(X2-9)-145
47	Septryl	S.methoxazol-Trimethoprim	Chai, lo	10ml-50ml-100ml	Trị bệnh do vi khuẩn Gr (+), Gr (-) gây ra: Viêm ruột, viêm phổi, tiêu chảy, viêm tử cung, sốt hậu sản, viêm khớp và xương, toi, thương hàn và bại huyết do vi khuẩn gây ra	CT(X2-9)-137

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
48	Calci-B Fort	Calci gluconat, Vit.B_1, B_{12}, B_6, PP	Chai.lọ	20ml-50ml-100ml	Trị thiếu Calci và vitamin nhóm B: bệnh sốt sữa, bại liệt sau khi sanh, bệnh còi xương, chứng xuất huyết ở gia súc, gia cầm	CT(X2-9)-138
49	Analgin-C	Analgin, Vit.C	Chai, lọ	10; 20; 50; 100ml	Tăng sức đề kháng của cơ thể. Hạ sốt. Kết hợp với kháng sinh để trị bệnh nhiễm trùng	CT(X2-9)-139
50	Stress-Mino	A.Amin, muối khoáng Vit.B_1, B_2, B_5, B_6, PP	Chai, lọ	10; 20; 50; 100ml	Cung cấp A.amin, muối khoáng và vitamin cho vật nuôi	CT(X2-9)-140
51	B-Complex	Vit.B_1, B_2, B_6, B_5, PP	Ống Chai, lọ	2ml, 20ml, 50ml, 100ml	Cung cấp vitamin nhóm B, tăng cường trao đổi chất. Kích thích tiêu hóa và tăng trọng	CT(X2-9)-144
52	Enro- Dex	Enrofloxacin, Dexamethasone	Lọ	10; 100; 250; 500ml; 1l.	Điều trị bệnh đường hô hấp, đường ruột trên bê, gia cầm	CT(X2-9)-151
53	Coli- Kana	Colistin sulfate, Kanamycin sulfate	Lọ	10; 20; 50; 100ml;	Trị bệnh đường hô hấp, tụ huyết trùng, tiết niệu trên trâu, bò, heo, dê, chó, mèo	CT(X2-9)-152
54	Co- Dex	Colistin sulfate, Dexamethasone acetate	Lọ	10; 20; 50; 100ml;	Trị nhiễm trùng gây ra do vi khuẩn Gr(-) mẫn cảm với Colistin trên ngựa, trâu, bò, dê, cừu, heo	CT(X2-9)-153
55	Co- Jet	Colistin sulfate.	Lọ	10; 20; 50; 100ml;	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn Gr (-) mẫn cảm với Colistin trên ngựa, trâu, bò, dê, cừu, heo	CT(X2-9)-154
56	Mox- Gent	Amoxicillin trihydrate, Gentamycin sulfate	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm phổi, tiêu chảy, viêm ruột, viêm vú trên trâu, bò, ngựa, heo	CT(X2-9)-29

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
57	Gentaject	Gentamycin sulfate	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng máu, bệnh đường tiêu hóa, hô hấp, tiết niệu trên trâu, bò	CT(X2-9)-30
58	Lin- Spec-150	Lincomycin, Spectinomycin	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm nhiễm do các vi khuẩn nhạy cảm với Lincomycin, Spectinomycin gây ra trên heo, bê, cừu, dê, chó, mèo, gia cầm	CT(X2-9)-36
59	Amox-LA	Amoxicillin trihydrate	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa, niệu sinh dục, viêm nhiễm da trên trâu, bò, heo, chó, mèo	CT(X2-9)-69
60	Spi- Coli	Spiramycin, Colistin sulfate	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm phổi, nhiễm trùng máu, viêm khớp, viêm vú trên bê, heo con, dê con, cừu con	CT(X2-9)-100
61	Ampi- Col	Ampicilline trihydrate, Colistin sulfate, Dexamethasone	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị các viêm nhiễm do các vi khuẩn nhạy cảm với Ampicilline, Colistin gây ra trên trâu, bò, ngựa, heo, cừu	CT(X2-9)-142
62	Vita E & Sel	Vitamin E acetate, Selenite	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Phòng và trị bệnh loạn dưỡng cơ trên trâu, bò, cừu, heo, gia cầm, tỷ lệ nở trứng gia cầm giảm, giảm tỷ lệ thụ thai (chết phôi) ở heo	CT(X2-9)-155
63	Thiam-P.C	Thiamphenicol, Tylosin tartrate	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp, dạ dày - ruột, nhiễm trùng máu, nhiễm trùng vết thương trên trâu, bò, heo, dê, cừu	CT(X2-9)-156
64	Ivermec	Ivermectin	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nội, ngoại ký sinh trùng trên trâu, bò, lợn, cừu, chó, mèo	CT(X2-9)-158

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
65	Macox-1000	Enrofloxacin	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng hô hấp trên trâu, bò, lợn; nhiễm trùng tiết niệu trên chó, mèo	CT(X2-9)-160
66	Procain-Pen-LA	Penicillin G Procaine, Penicillin G Benzathine	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm khớp, viêm cơ, viêm gân, chấn thương, trật khớp trên trâu, bò, dê, cừu, lợn	CT(X2-9)-162
67	Dano-Flox	Danofloxacin	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm đường hô hấp, viêm ruột trên bò, lợn	CT(X2-9)-163
68	Doxy-Sone	Doxycycline	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm phổi trên bò, lợn, dê, cừu	CT(X2-9)-164
69	Flor-OX	Florfenicol, Oxytetracyclin	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm phổi, tiêu chảy, viêm vú, viêm tử cung, viêm đường tiết niệu trên trâu, bò, ngựa, heo, cừu, dê, gia cầm, thỏ	CT(X2-9)-165
70	Neo-Pen	Benzylpenicillin procain, Neomycin sulfate	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp, tiết niệu - sinh dục trên bò, ngựa, heo, dê, cừu, chó, mèo	CT(X2-9)-166
71	Pheni-Sol	Florfenicol	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị E.coli, Salmonella trên gà; bệnh đường hô hấp trên hô hấp trên lợn	CT(X2-9)-168
72	Mac-Tyl	Tylosin tartrate	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp, viêm khớp, viêm tử cung, thối móng trên trâu, bò, heo, dê, cừu, gia cầm	CT(X2-9)-169
73	Marbo-200	Marbofloxacin	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp trên bê, nghé, lợn	CT(X2-9)-171
74	Codoxy-20	Oxytetracycline	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm đường hô hấp, tiêu hóa, niệu sinh dục, nhiễm trùng máu, nhiễm trùng vết thương trên bò, lợn, cừu	CT(X2-9)-172

B. DANH MỤC THUỐC THÚ Y ĐÓNG GÓI LẠI

1. CÔNG TY TNHH TM THÚ Y TÂN TIẾN

TT	Tên thuốc	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Nhà sản xuất	Số đăng ký
1	Noxal	Chai	120ml	Pfizer Animal Health-Phillipines	PFU-11

2. CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT THUỐC THÚ Y THỊNH Á

TT	Tên thuốc	Dạng đóng gói	Thể tích/Khối lượng	Nhà sản xuất	Số đăng ký
1	Gapozin Inj	Lọ	10; 50; 100 ml	Ruey Shyon Pharmaceutical-Taiwan	RSPT-1
2	Iron Dextran 10%	lọ	20; 50, 100 ml	Interfeed Inc - Canada	DP-1
3	Iron Dextran 10%-B_{12}	lọ	20; 50, 100 ml	Interfeed Inc - Canada	DP-2

3. CÔNG TY TNHH MINH HUY

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ khối lượng	Nhà sản xuất	Số đăng ký
1	Iron Dextran 10%	Sắt (Fe)	Ống, lọ	2; 5; 10; 50; 100ml	Dextran Product - Canada	DP-1
2	Iron Dextran 10%-B_{12}	Sắt (Fe), Vitamin B_{12}	Ống, lọ	2; 5; 10; 50; 100ml	Dextran Product - Canada	DP-2

II. DANH MỤC VẮC XIN, CHẾ PHẨM SINH HỌC, VI SINH VẬT, HÓA CHẤT DÙNG TRONG THÚ Y ĐƯỢC GIA HẠN LƯU HÀNH ĐẾN 31.12.2012

A. DANH MỤC VẮC XIN, CHẾ PHẨM SINH HỌC, VI SINH VẬT, HÓA CHẤT DÙNG TRONG THÚ Y SẢN XUẤT TRONG NƯỚC

HÀ NỘI

1. CÔNG TY TNHH TM &SX THUỐC THÚ Y DIỄM UYÊN (HUPHAVET)

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Calci-Mg-glutamat	Ca, Mg, acid glutamic	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh do thiếu Ca, Mg	UHN-66
2	Calci-Mg-B_{12}	Ca, Mg, Vitamin B_{12}	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh do thiếu Ca, Mg	UHN-67

2. CÔNG TY TNHH THUỐC THÚ Y (PHAVETCO)

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Nước sinh lý 0,9%	NaCL	Lọ	100ml	Chống mất nước, cân bằng điện giải	HCN-21

3. XƯỞNG SXTN THUỐC THÚ Y - VIỆN THÚ Y QUỐC GIA

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Canxigluconat (5%; 10%)	Canxigluconat	Ống	5, 10, 20, 50, 100, 500ml	Phòng chống sốt sữa, các chứng co giật, bại liệt trước và sau khi đẻ, chữa còi xương, loãng xương,..	VTY-X-14

4. CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI NGUYÊN

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	HN. Oxytocin	Oxytocin	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Tăng co bóp tử cung, kích thích tiết sữa	HN-30

5. XÍ NGHIỆP THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Nước cất 2 lần	Nước cất 2 lần	Ống, lọ	5; 50; 100ml	Hòa tan thuốc bột để tiêm	TW-XI-44
2	Sinh lý mặn	NaCl	Lọ	10; 15; 20; 25; 50; 100; 500ml	Trợ lực khi mất máu, mất nước, lợi tiểu, giải độc	TW-XI-46

6. CÔNG TY CỔ PHẦN SÓNG HỒNG

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích, khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Nước cất pha tiêm	Nước cất	Ống, lọ	5; 10; 100 ml	Nước cất pha tiêm	SH-43
2	Nước muối sinh lý	NaCl (0,9%)	Ống, lọ	5; 100 ml	Chống mất nước	SH-45

7. CÔNG TY TNHH THUỐC THÚ Y BÌNH MINH

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	BM- Mg.Calci B_{12}	Calci gluconate, Vit B_{12} Magnesi clorua, Glucose	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1l	Trị rối loạn do thiếu calci và magiê trên trâu, bò, lợn, dê, cừu	BM-43
2	BM- Fe B_{12}	Sắt Dextran, Vitamin B_{12}	Ống, lọ	2; 5; 10; 20; 50; 100; 200; 500ml; 1l	Phòng và trị bệnh thiếu máu do thiếu sắt và B_{12} trên lợn con, bê con	BM-27

8. CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ SINH HỌC THÚ Y

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	BTV- Sắt-Dextran	Fe (dạng Dextran)	Lọ	20; 50; 100ml	Phòng và trị bệnh thiếu máu trên lợn con	BTV-48
2	BTV- Sắt- B_{12}	Fe(dạng Dextran)	Lọ	20; 50; 100ml	Phòng và trị bệnh thiếu máu, tránh stress trên lợn con	BTV-50

HƯNG YÊN

9. CÔNG TY TNHH NAM DŨNG

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	TD.Oxytoxin	Oxytoxin	Ống	2; 5; 10; 20ml	Kích thích đẻ	ND-48
2	Sinh lý mặn	Nacl	Lọ	20;50;100ml	Nước muối đẳng trương	ND-68
3	TD. E.C.P	Estradiol, Vitamin E	Lọ	5;10ml	Kích dục	ND-64
4	TD.Calciron 45%	Calcium Acid boric	Ống Chai/lọ	2; 5ml 10; 20; 50; 100ml	Trị các bệnh do thiếu can xi: bại liệt, còi, mềm, xốp xương	ND-101
5	TD. Gesteron	Progesterone, Vitamin E	Chai	2; 10; 20; 100ml	Điều chỉnh chu kỳ động dục, loạn sản trâu, bò, ngựa, heo	ND-192
6	TD.Calcium-D	Gluconate calcium, Magnesium hypophosphite, Vit D_3	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Phòng, trị bệnh do thiếu Ca, Magie và Vit D_3 trên gia súc	ND-195
7	TD. Estrol	Cloprostenol	Ống, lọ	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Kiểm soát động dục trên trâu, bò cái, lợn cái	ND-221

THÁI BÌNH

10. CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THUỐC THÚ Y TRƯỜNG HẰNG

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Tr' Han-Elec	Sodium hydrocarbonate, Potassium clorid	Túi, lon	10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Phòng và trị mất cân bằng các chất điện giải	TH-12

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

11. CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG (NAVETCO)

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Sinh lý mặn	Natri chlorua	Chai	25, 100ml, 500 ml	Phòng và chữa bệnh mất nước trong, ngoài tế bào	TWII-32
2	Calcifort	Calci	Chai	20ml, 50ml, 100ml	Thuốc bổ sung calci	TWII-36
3	Oxytocin 10 UI	Oxytocin	Ống	2ml	Thuốc dục đẻ	TWII-51
4	Navet-Interferon	Interferon alpha tái tổ hợp	Chai	4; 10ml	Hỗ trợ điều trị cùng với kháng sinh đối với bệnh viêm vú bò do vi khuẩn gây ra	TWII-123

12. CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC THÚ Y THUẬN KIỀU

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Gluconate Ca	Gluconate calcium	Ống, lọ	5, 10, 20, 50, 100ml	Cung cấp Calci	HCM-X1-62
2	Gluconat De Ca 10%	Gluconate calcium	Ống	5ml	Cung cấp Calci	HCM-X1-12
3	Oxytoxin	Oxytoxin	Ống chai	2ml 50, 100ml	Tăng cường co bóp tử cung, kích thích tăng tiết sữa	HCM-X1-41

13. CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN V.E.T

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	SG.Hepatol	NaCl, KCl, $CaCl_2$, $MgCL_2$, Sorbitol,	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Cung cấp các chất điện giải cho thú	HCM-X2-233

14. CÔNG TY TNHH MINH HUY

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	ECP	Estradiol benzoat	Lọ, chai	4ml	Giảm động dục, thụ thai, rối loại sự rụng trứng	HCM-X4-43

15. CƠ SỞ SẢN XUẤT DƯỢC THÚ Y KHOA NGUYÊN

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Calci gluconat	Calci gluconat	Ống	3; 5; 100; 500ml; 1l	Tăng cường calci	HCM-X5-10
2	Calcifort	Calci gluconat	Ống	5, 100, 1000ml	Tăng cường calci	HCM-X5-19
3	E.C.P	Estradiol benzoat, Vitamin E	Lọ	5ml	Kích thích sinh sản	HCM-X5-23

16. CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT THUỐC THÚ Y SÀI GÒN (SONAVET)

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	E C P	Estradiol-Benzoat	Lọ	4ml	Kích thích phát triển dạ con âm đạo, buồng trứng, kích dục, khó thụ thai	HCM X9-33
2	Oxytocin	Oxytocin	Ống Lọ	5ml 10; 20; 50; 100ml	Kích thích co bóp tử cung - kích thích đẻ nhanh, tiết sữa,...	HCM X9-113

17. CƠ SỞ DƯỢC THÚ Y PHÚ THỌ

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Calcigluconat 10%	Calcium gluconate	Ống, Lọ, chai	5ml 10, 20, 50, 100ml	Chống liệt, bổ sung calci	HCM-X13-14
2	Ensubtol-PT	Lactobacillus	Gói, Lon	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500; 1000g	Kích thích tiêu hóa	HCM-X13-29
3	Sulfate-Kẽm	$ZnSO_4$	Gói, Lon	5; 10; 50; 100; 500g; 1kg	Bổ sung kẽm	HCM-X13-31
4	Sulfate-Magnesium	$MgSO_4$	Gói, Lon	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500; 1000g	Bổ sung magne (nhuận tràng)	HCM-X13-32
5	Sinh lý mặn	NaCL	Ống Chai	5ml 100; 500ml	Bổ sung nước cho cơ thể khi bị chảy máy, ỉa chảy nặng	HCM-X13-44
6	PT-Electrolyte CK	HCO_3^-, PO_4^{3-}, CL^-, Na^+, K^+, Vita C, K	Gói Lon	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500; 1000g	Bổ sung chất điện giải, Vitamin C, K	HCM-X13-50

18. CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT VIỆT VIỄN (VIVCO)

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Vivferum	Iron dextran	Ống Lọ; Chai	2; 5; 20ml 10; 20; 50ml; 100ml	Phòng và trị thiếu máu do thiếu sắt trên heo con	HCM-X15-46
2	Calcigluconat 10%	Calci gluconate	Ống Lọ, chai	2; 5; 20ml 10; 20; 50,100ml	Phòng và trị các chứng bại liệt do thiếu calci ở gia súc, gia cầm	HCM-X15-96

19. CÔNG TY TNHH TM-SX THUỐC THÚ Y SONG VÂN

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Calciboma	Calci gluconat, Magie clorua	Ống, lọ	10ml. 50, 100, 250, 500ml	Bổ sung năng lượng, điện giải, giảm các cơn đau do co thắt	HCM-X18-48

20. CÔNG TY TNHH KINH DOANH THUỐC THÚ Y MINH NGÂN

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Sinh lý mặn đẳng trương 0, 9%	NaCl	Lọ, Chai	100, 500ml	Chống mất nước ở thú bị tiêu chảy nhiều và kéo dài; Dùng pha thuốc để tiêm	MNV-10
2	Calcigluconat 20%	Calcium gluconate	Ống, Lọ	5; 50; 100ml	Trị các chứng thiếu calcium	MNV-11
3	Estradiol benzoate	Estradiol benzoate, Vitamin E	Ống Lọ	2; 5ml 10; 20; 50; 100ml	Kích thích gây động dục ở thú; Điều trị chứng không rụng trứng	MNV-81
4	Oxytocin (5UI/ml)	Oxytocin	Ống, Lọ	2ml, 10; 50ml	Gây co bóp tử cung, thúc đẩy tiết sữa;	MNV-87
5	Fer	Fe^{3+}	Ống Lọ	5ml 10; 20; 50; 100ml	Phòng và trị bệnh thiếu máu do thiếu sắt ở gia súc	MNV-82
6	Fer-B_{12}	Fe^{3+}, Vitamin B_{12}	Ống Lọ	5ml 10; 20; 50; 100ml	Phòng, trị bệnh thiếu máu ở gia súc non, bệnh thiếu máu do KST	MNV-83

21. CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT THUỐC THÚ Y ANPHA

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Oxytocin	Oxytocin	Chai, lọ	10-20-50-100-250ml	Dùng cho trường hợp gia súc sinh khó	HCM-X19-86

22. CÔNG TY TNHH TM & SX THUỐC THÚ Y NAPHA

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	NP-Fe+B_{12}	Fe (Dextran), Vitamin B_{12}	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5l	Phòng và trị thiếu máu do thiếu sắt trên heo con, bê, nghé, dê non, cừu non	HCM-X24-35
2	Oxytocin	Oxytocin	Ống, Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5l	Tăng co bóp tử cung, sót nhau, kích thích tiết sữa	HCM-X24-20
3	NP-Calcium-Fort	Calcium gluconate	Lọ	10; 20; 50; 100; 500; 1000ml	Điều trị sốt sữa, bại liệt trước và sau khi đẻ, chứng co giật	HCM-X24-64
4	NP-FER 100 (Fe 10%)	Sắt (Fe)	Lọ	10; 20; 50; 100; 500; 1000ml	Phòng và trị thiếu sắt, thiếu máu	HCM-X24-63

23. CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI LÊ TRUNG

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Sinh lý mặn 0,9%	NaCl	Lọ, chai	5, 50, 100, 500ml	Cung cấp chất điện giải cho cơ thể, phòng chống mất nước trong tiêu chảy, ói mửa	HCM-X10-36

TỈNH TÂY NINH

24. CÔNG TY TNHH TM-SX A.S.T.A

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Nutrisal	Butaphosphan, Cyanocobalamine, Nicotinamide, DL- Methionine, Taurine	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trợ sức trong quá trình điều trị, phục hồi thú suy nhược gầy còm, rối loạn về chuyển hóa, tăng sức đề kháng trên trâu, bò, dê, cừu, heo, chó, mèo, gia cầm	ASTA-15

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
2	AA-Vicom	L-Arginine, Ascorbic acid Glycine, L-Methionine, Thiamine, Riboflavin sodium phosphate, Nicotinamide	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị suy nhược, giúp phục hồi suy nhược do bệnh hoặc sau phẫu thuật, bệnh do thiếu protein và vitamin trên trâu, bò, dê, cừu, heo, chó, mèo, gia cầm	ASTA-18
3	Proges- E	Progesterol,Vitamin E	Chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Điều chỉnh chu kỳ động dục trên bò, ngựa, heo	ASTA-36
4	Estrol-HCG	Chlorionic gonadotropin, Oestradiol benzoat	Chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Điều tiết sinh sản, gây động dục	ASTA-48

TỈNH LONG AN

25. CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM THÚ Y - THỦY SẢN LONG AN

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Oxytoxin-LA	Oxytoxin	Ống, Lọ	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Tăng co bóp tử cung, giúp sinh đẻ nhanh	LAV-72

TỈNH TIỀN GIANG

26. CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC THÚ Y CAI LẬY

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	E.C.P	Estradiol Cypionate; Vitamin E	Ống Lọ	2; 5; 10; 20; 50; 100; 250ml	Tăng khả năng sinh sản: kích thích rụng trứng, động dục, tăng khả năng thụ thai	CL-09
2	Sinh lý mặn 9‰	Muối NaCl	Chai	100; 250; 500ml; 1; 5l	Dùng cho các bệnh mất nước, thiếu máu, pha thuốc tiêm	CL-66
3	Fer-Dextran 5%	Fer-Dextran	Ống Lọ, chai	2ml 10; 20; 50; 100ml	Phòng trị bệnh thiếu sắt, thiếu máu, bệnh tiêu chảy do thiếu sắt ở heo con, trị bệnh còi cọc, giúp tăng trọng	CL-41

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
4	Oxytocin	Oxytocin	Ống Lọ, chai	2ml 10; 20; 50; 100; 250ml	Kích thích đẻ, ra nhau sớm, tiết sữa, tăng cường co bóp đẩy các chất dơ bẩn	CL-69
5	Calcium fort	Gluconate Ca	Ống Chai	5ml 20; 50; 100ml	Trị còi xương, mềm xương, bại liệt trước và sau sinh, sốt sữa,	CL-72
6	E.C.P Complex	Estradiolcyclopantyl propionat, vitamin E	Ống; Lọ	2ml; 5; 10; 20; 50; 100; 250ml	Tăng cường khả năng sinh sản, kích thích động dục và khả năng thụ thai ở gia súc.	CL-122
7	Gluconate Ca 10%	Gluconate Ca	Ống	2; 5; 10; 20; 50;100ml	Trị bệnh do thiếu canxi như: còi xương, loãng xương, co giật, sốt sữa, bại liệt	CL-185

THÀNH PHỐ CẦN THƠ

27. CÔNG TY THUỐC THÚ Y HẬU GIANG (ANIVET)

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Sinh lý mặn 9‰	Nacl	Ống, lọ, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 500ml	Duy trì cân bằng Ion, mất nước ngoại tế bào	CT(HG)-76

B. DANH MỤC VẮC XIN, CHẾ PHẨM SINH HỌC, VI SINH VẬT, HÓA CHẤT DÙNG TRONG THÚ Y ĐÓNG GÓI LẠI

1. CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT THUỐC THÚ Y THỊNH Á (ASIFAC)

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Iron Dextran 10%	Sắt (Fe)	Thùng	200lít	Phòng và trị chứng thiếu sắt trên heo con	TA/DP-1
2	Iron Dextran 10%-B_{12}	Sắt (Fe) + Vitamin B_{12}	Thùng	200lít	Phòng và trị chứng thiếu sắt trên heo con	TA/DP-2

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Diệp Kỉnh Tần

MỤC LỤC

DANH MỤC THUỐC THÚ Y ĐƯỢC GIA HẠN LƯU HÀNH TẠI VIỆT NAM ĐẾN 31.12.2012

TT	Tên nhà sản xuất	Địa chỉ	Địa chỉ E.Mail	Điện thoại	Fax
I	**DANH MỤC THUỐC THÚ Y ĐƯỢC GIA HẠN LƯU HÀNH TẠI VIỆT NAM ĐẾN 31/12/2012**				
	THÀNH PHỐ HÀ NỘI				
1	Công ty TNHH TM&SX thuốc thú y Diễm Uyên (HUPHAVET)	Ngõ 2 - Cầu Tiên - Giáp Nhất - Thịnh Liệt - Thanh trì - Hà Nội	huphavet@hn.vnn.vn	04.8686633 04.8617456	
2	Công ty TNHH Dược thú y Thăng Long	11A ngõ 76 - Lạc Long Quân - quận Tây Hồ - Hà Nội		04.7530706	
3	Công ty TNHH Thuốc thú y (PHAVETCO)	128C Đại La - Đồng Tâm; Số 23, tổ 17, đường Nguyễn Tam Trinh - Mai Động - Hai Bà Trưng - Hà Nội		04.8696273 04.8626908	
4	Công ty TNHH Thú y xanh Việt Nam (Greenvet)	Khu Công nghiệp Phú Thị - Gia Lâm - Hà Nội	phuthaigroup@fpt.vn	04.8562175 091.3233703	04.5142388
5	Công ty TNHH Thuốc Thú y Miền Bắc	Ngọc Hồi - Thanh Trì - Hà Nội VP: Số 107 - A12 - Phương Mai - Đống Đa - Hà Nội		04.8523616	
6	Công ty Cổ phần Hùng Nguyên	KCN Phùng Chí Kiên, H. Mỹ Hào, T. Hưng Yên		0321.3948032	
7	Doanh nghiệp tư nhân Nguyễn Cường	VP: H10, Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội. ĐCSX: Xóm 4, Giáp Tứ, Thịnh Liệt, Q. Hoàng Mai, Hà Nội		04.8694629	
8	Công ty Cổ phần Hải Nguyên	Thôn Chính Trung - Trâu Quỳ - Gia Lâm - Hà Nội			

TT	Tên nhà sản xuất	Địa chỉ	Địa chỉ E.Mail	Điện thoại	Fax
9	Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu dược thú y NASA	Tổ 20 Thịnh Liệt, Q. Hoàng Mai, Hà Nội		04.8695074	
10	Xưởng Sản xuất thực nghiệm thuốc thú y - Viện Thú y	74 - Trường Chinh - Phương Mai - Đống Đa - Hà Nội		04.8691589	
11	Cty Cổ phần Provet Việt Nam	KCN Trưng Trắc, H. Văn Lâm, Hưng Yên			
12	Công ty Cổ phần Dược phẩm xanh Việt Nam(Greenpharma)	Khu Công nghiệp Phú Thị - Gia Lâm - Hà Nội	phuthaigroup@fpt.vn	04.8562175 091.3233703	04.5142388
13	Xí nghiệp thuốc thú y trung ương	Thị trấn Phùng - Hoài Đức - Hà Nội		034.861337	034.861799
14	Công ty Cổ phần Sóng Hồng	Khu Công nghiệp An Khánh - Hà Nội		04.8685558 091.3228571	
15	Công ty Cổ phần Dược phẩm công nghệ cao	Khu Công nghiệp An Khánh - Hà Nội			
16	Công ty Cổ phần công nghệ sinh học Thú y(BTV)	Biên Giang-TX.Hà Đông, Hà Nội			
17	Công ty TNHH thuốc thú y Bình Minh	Cụm Công nghiệp Phùng, Đan Phượng, Hà Nội		04.22811863	
18	Trung tâm Chuyển giao công nghệ, Hội thú y Việt Nam	705-K12 thị trấn Cầu Diễn - Từ Liêm - Hà Nội		04.7530706	
	HƯNG YÊN				
19	Công ty TNHH Phát triển mạng lưới toàn Cầu Nam Dũng (Netde Co., Ltd)	Thôn Hành Lạc - Thị trấn Như Quỳnh - Huyện Văn Lâm - tỉnh Hưng Yên	namdung@fpt.vn	091.3222327	
	THÁI BÌNH				
20	Công ty thương mại và đầu tư thuốc thú y Đông Nam Á	Khu 5- TT. Đông Hưng - T. Thái Bình		036.851393 091.3295755	

TT	Tên nhà sản xuất	Địa chỉ	Địa chỉ E.Mail	Điện thoại	Fax
21	Công ty TNHH Trường Hằng	Khu công nghiệp Đồng Tu II, H. Hưng Hà, tỉnh Thái Bình			
	KHÁNH HÒA				
22	Phân viện Thú y Miền trung - Viện Thú y	Km số 4 - đường 2/4 - Đồng Đế - Vĩnh Hải - Nha Trang - Khánh Hòa	pvthuy@dng.vnn.vn	058.831118	
	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH				
23	Công ty TNHH một thành viên thuốc thú y TW(NAVETCO)	29 Nguyễn Đình Chiểu; số 5 Trần Cao Vân - Quận I - TP HCM	navetco@hcm.netnam.vn	08.8225063	08.8225060
24	Công ty TNHH một thành viên thuốc thú y Thuận Kiều	236A Lê Văn Sĩ - quận Tân Bình -TP HCM	gammachem@hcm.vnn.vn	08.8440582 08.8445155	
25	Công ty Cổ phần Sài Gòn V.E.T	41A, Phước Long B - Quận 9 - TP HCM	saigonvet@gmx.net	08. 7313547 08. 7310239	08.7310704
26	Công ty TNHH Minh Huy	431/16A đường 26/3, Lê Đức Thọ, quận Gò Vấp, TP HCM	micronetvn@yahoo.com	08.8444834 0903817021	
27	Cơ sở Sản xuất Dược thú y Khoa Nguyên	5/22 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, TP.Hồ Chí Minh	vetejject@hcm.vnn.vn	08.8425556	08. 8498550
28	Công ty TNHH sản xuất thương mại 533	29 Đào Cam Mộc - P4 - Q8 - TP. HCM		08.8503092	08.8505196
29	Công ty TNHH Thương mại và sản xuất thuốc thú y Sài Gòn (Sonavet)	45/308D và 36/1G Quang Trung, phường 12, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh	sonavet@hcm.fpt.vn	08.9872697 08.9873617	08.9873618
30	Công ty TNHH sản xuất thương mại Lê Trung	105/130 2A đường Nguyễn Văn Lượng, Q. Gò Vấp, TP HCM	letrung126f105@hcm.vnn.vn	08.8951565 08.8444677	
31	Công ty TNHH sản xuất thuốc thú y Thịnh Á	220 Phạm Thế Hiển-phường2-quận 8-TP HCM	asifac@hcm.vnn.vn	08.8515728 08.8513571	08.8568035

TT	Tên nhà sản xuất	Địa chỉ	Địa chỉ E.Mail	Điện thoại	Fax
32	Cơ sở Dược thú y Phú Thọ	59/4B ấp Tiền Lâm - Bà Điểm Hóc Môn - TP. Hồ Chí Minh	thaonguyen20@hotmail.com hoangvnguyen@hcm.vnn.vn	08.8750058 0913.801716	08.8750058
33	Công ty TNHH Thương mại và sản xuất Việt Viễn (VIVCO)	14G Phan Văn Trị - phường 7- quận Gò Vấp - TP HCM	vivco-97@hcm.vnn.vn	08.8943854 0903839307	
34	Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất thuốc thú y Gấu Vàng	458 đường Cách mạng tháng Tám - phường 4 - quận Tân Bình - TP HCM	golden-bear@hcm.vnn.vn; khuungoc79@hotmail.com	08.8443278 0913805777	
35	Công ty TNHH TM-SX thuốc thú y Song Vân	15/5 Phạm Văn Hai, P1, Q. Tân Bình, TP HCM	sovavet@yahoo.com ahnni@pvthcm.org	08.8447269 08.8442422	08.8447269
36	Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất thuốc thú y Anpha	7/3 Giãn Dân - Long Thạnh Mỹ-TP HCM	vuonglinhus@yahoo.com quanghuynet@yahoo.com	08.7330074	08.7330074
37	Công ty TNHH TM&SX thuốc Thú y Napha	159 Bùi Công Trừng - Nhị Bình - Hóc Môn - TP. HCM	napha@hcm.vnn.vn	08.7120481	08.7120519
38	Công ty TNHH Kinh doanh Thuốc Thú y Minh Ngân	33 B8 Điện Biên Phủ - Q. Bình Thạnh - TP. HCM	nghipm@hcm.fpt.vn	08.9967319	08.8223577
39	Công ty TNHH thuốc thú y quốc tế Đông nghi (INVET)	14G Phan Văn Trị - Phường 7 - Quận Gò Vấp - TP. Hồ Chí Minh	ngoc1234@hcm.vnn.vn; invet@hcm.vnn.vn	08. 8207994 08. 8207995	08.8207996
40	Cty TNHH thuốc thú y-Thuỷ Sản Hương Hoàng Nam	A9/54 Ấp 1, xã Bình Chánh, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh			
	TỈNH TÂY NINH				
41	Công ty TNHH SX-TM A.S.T.A	Ấp Suối Sâu, xã An Tịnh, H. Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh		08.38373372	08.38379660
	TỈNH LONG AN				
42	Công ty Dược phẩm thú y - Thủy sản Long An	15 Phan Đình Phùng - phường 12 - Tân An - Long An		072.829203 072.834803	

TT	Tên nhà sản xuất	Địa chỉ	Địa chỉ E.Mail	Điện thoại	Fax
	TỈNH TIỀN GIANG				
43	Công ty Cổ phần Dược thú y Cai Lậy	Số 560 Quốc lộ 1 - Thị trấn Cai Lậy - Huyện Cai Lậy - Tiền Giang	mekovet@hcm.vnn.vn	08.8444834	
	THÀNH PHỐ CẦN THƠ				
44	Công Ty TNHH Thuốc thú y Cần Thơ (VETERCO)	Số 151/18 - Trần Hoàng Na - thành phố Cần Thơ	thanhphongg@yahoo.com	071.839766 091.3870031	071.831525
45	Công ty Thuốc thú y Hậu Giang (ANIVET)	108/46/6, đường 30/4 thành phố Cần Thơ	chaien223@yahoo.com	071.834713 071.834921	
46	Công ty TNHH Sản xuất Thương Mại thuốc thú y 1/5	108/46/6D đường 30/4 - thành phố Cần thơ	haunp2002@yahoo.com	071.830385	
47	Công ty TNHH thuốc thú y 2-9	108/46/6B đường 30/4 - thành phố Cần Thơ	nhhung566@yahoo.com	071.833063 091.3829740	
	DANH MỤC THUỐC THÚ Y ĐÓNG GÓI LẠI				
1	Công ty TNHH TM thú y Tân Tiến	62/8-10-12 Bàu Cát - phường 13 - quận Tân Bình - TP Hồ Chí Minh		08.8493178	
2	Công ty TNHH TM và Sản xuất Thuốc thú y Thịnh Á	220 Phạm Thế Hiển - phường 2-quận 8-TP HCM	asifac@hcm.vnn.vn	08.8515728 08.8513571	08.8568035
3	Công ty TNHH Minh Huy	431/16A đường 26/3, Lê Đức Thọ, quận Gò Vấp, TP HCM	micronetvn@yahoo.com	08.8444834 0903817021	
II	**DANH MỤC VẮC XIN, CHẾ PHẨM SINH HỌC, VI SINH VẬT, HOÁ CHẤT DÙNG TRONG THÚ Y ĐƯỢC GIA HẠN LƯU HÀNH ĐẾN 31.12.2012**				
1	Công ty TNHH TM&SX thuốc thú y Diễm Uyên (HUPHAVET)	Ngõ 2 - Cầu Tiên - Giáp Nhất - Thịnh Liệt - Thanh Trì - Hà Nội	huphavet@hn.vnn.vn	04.8686633 04.8617456	

TT	Tên nhà sản xuất	Địa chỉ	Địa chỉ E.Mail	Điện thoại	Fax
2	Công ty TNHH Thuốc thú y (PHAVETCO)	128C Đại La - Đồng Tâm; Số 23, tổ 17, đường Nguyễn Tam Trinh - Mai Động - Hai Bà Trưng - Hà Nội		04.8696273 04.8626908	
3	Xưởng Sản xuất thực nghiệm thuốc thú y - Viện Thú y	74 - Trường Chinh - Phương Mai - Đống Đa - Hà Nội		04.8691589	
4	Công ty Cổ phần Hùng Nguyên	KCN Phùng Chí Kiên, H. Mỹ Hào, T. Hưng Yên		03213948032	
5	Xí nghiệp thuốc thú y trung ương	Thị trấn Phùng - Hoài Đức - Hà Nội		034.861337	034.861799
6	Công ty Cổ phần Sóng Hồng	Khu Công nghiệp An Khánh - Hà Nội		04.8685558 091.3228571	
7	Công ty TNHH thuốc thú y Bình Minh	Cụm Công nghiệp Phùng, Đan Phượng, Hà Nội		04.22811863	
8	Công ty Cổ phần công nghệ sinh học Thú y(BTV)	Biên Giang-TX. Hà Đông, Hà Nội			
	HƯNG YÊN				
9	Công ty TNHH Nam Dũng	Thôn Hành Lạc - Thị trấn Như Quỳnh - Huyện Văn Lâm - tỉnh Hưng Yên	namdung@fpt.vn	091.3222327	
	THÁI BÌNH				
10	Công ty TNHH Trường Hằng	Khu công nghiệp Đồng Tu II, H. Hưng Hà, tỉnh Thái Bình			
	TP. HỒ CHÍ MINH				
11	Công ty TNHH một thành viên thuốc thú y TW(NAVETCO)	29 Nguyễn Đình Chiểu; số 5 Trần Cao Vân - Quận I - TP HCM	navetco@hcm.netnam.vn	08.8225063	08.8225060

TT	Tên nhà sản xuất	Địa chỉ	Địa chỉ E.Mail	Điện thoại	Fax
12	Công ty TNHH một thành viên thuốc thú y Thuận Kiều	236A Lê Văn Sĩ - quận Tân Bình -TP HCM	gammachem@hcm.vnn.vn	08.8440582 08.8445155	
13	Công ty Cổ phần Sài Gòn V.E.T	41A, Phước Long B - Quận 9 - TP HCM	saigonvet@gmx.net	08. 7313547 08. 7310239	08.7310704
14	Công ty TNHH Minh Huy	431/16A đường 26/3, Lê Đức Thọ, quận Gò Vấp, TP HCM	micronetvn@yahoo.com	08.8444834 0903817021	
15	Cơ sở Sản xuất Dược thú y Khoa Nguyên	5/22 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	vetejject@hcm.vnn.vn	08.8425556	08. 8498550
16	Công ty TNHH Thương mại và sản xuất thuốc thú y Sài Gòn (Sonavet)	45/308D và 36/1G Quang Trung, phường 12, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh	sonavet@hcm.fpt.vn	08.9872697 08.9873617	08.9873618
17	Cơ sở Dược thú y Phú Thọ	59/4B ấp Tiền Lâm - Bà Điểm Hóc Môn - TP. Hồ Chí Minh	thaonguyen20@hotmail.com hoangvnguyen@hcm.vnn.vn	08.8750058 0913.801716	08.8750058
18	Công ty TNHH Thương mại và sản xuất Việt Viễn (VIVCO)	14G Phan Văn Trị - phường 7- quận Gò Vấp - TP HCM	vivco-97@hcm.vnn.vn	08.8943854 0903839307	
19	Công ty TNHH TM-SX thuốc thú y Song Vân	15/5 Phạm Văn Hai, P1, Q. Tân Bình, TP HCM	sovavet@yahoo.com ahnni@pvthcm.org	08.8447269 08.8442422	08.8447269
20	Công ty TNHH Kinh doanh Thuốc Thú y Minh Ngân	33 B8 Điện Biên Phủ - Q. Bình Thạnh - TP. HCM	nghipm@hcm.fpt.vn	08.9967319	08.8223577
21	Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất thuốc thú y Anpha	7/3 Giãn Dân - Long Thạnh Mỹ - TP HCM	vuonglinhus@yahoo.com quanghuynet@yahoo.com	08.7330074	08.7330074
22	Công ty TNHH TM&SX thuốc Thú y Napha	159 Bùi Công Trừng - Nhị Bình - Hóc Môn - TP. HCM	napha@hcm.vnn.vn	08.7120481	08.7120519
23	Công ty TNHH sản xuất thương mại Lê Trung	105/130 2A đường Nguyễn Văn Lượng, Q. Gò vấp, TP HCM	letrung126f105@hcm.vnn.vn	08.8951565 08.8444677	

TT	Tên nhà sản xuất	Địa chỉ	Địa chỉ E.Mail	Điện thoại	Fax
	TỈNH TÂY NINH				
24	Công ty TNHH SX-TM A.S.T.A	Ấp Suối Sâu, xã An Tịnh, H. Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh		08.38373372	08.38379660
	TỈNH LONG AN				
25	Công ty Dược phẩm thú y - Thủy sản Long An	15 Phan Đình Phùng - phường 12 - Tân An - Long An		072.829203 072.834803	
	TỈNH TIỀN GIANG				
26	Công ty Cổ phần Dược thú y Cai Lậy	Số 560 Quốc lộ 1 - Thị trấn Cai Lậy - Huyện Cai Lậy - Tiền Giang	mekovet@hcm.vnn.vn	08.8444834	
	THÀNH PHỐ CẦN THƠ				
27	Công ty Thuốc thú y Hậu Giang (ANIVET)	108/46/6, đường 30/4 thành phố Cần Thơ	chaien223@yahoo.com	071.834713 071.834921	
	DANH MỤC VẮC XIN, CHẾ PHẨM SINH HỌC, VI SINH VẬT, HÓA CHẤT DÙNG TRONG THÚ Y ĐÓNG GÓI LẠI				
1	Công ty TNHH TM và Sản xuất Thuốc thú y Thịnh Á	220 Phạm Thế Hiển – phường 2 - quận 8 - TP HCM	asifac@hcm.vnn.vn	08.8515728 08.8513571	08.8568035

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: 080.44946 – 080.44417
Fax: 080.44517
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1 - Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng